



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2013
www.fpt.com.vn

Ngân hàng BCEL Lào
Ngân Hàng Phát triển châu Á (ADB)
Ngân hàng thế giới (WB)
Bộ kinh tế và tài chính Campuchia
Fidelity
Hello
Laos Telecom
Public Bank Lào
Trend Micro
Agrex
Myanmar Post and Telecommunications
Alcatel Lucent
Amdocs
Amazon Web services
Trend Micro
P&G
Deutsche Bank
Converse
Datacard
Public
Nice
Hypercom
AOC
ilever
ritech
ng Public Bank
Trend Micro
WHO
APPLE & WIRELESS
Jokias
Siemen
electric

Toàn cầu hóa là hướng đi chiến lược quan trọng nhất để FPT tiếp tục phát triển và tăng trưởng bền vững



TOÀN
CẦU HÓA

VIẾT TẮT

CNTT

Công nghệ thông tin

BSC

Balance Score Card (Thẻ điểm cân bằng)

S.M.A.C

Social, Mobile, Analytic/Big Data, Cloud (Mạng xã hội, Công nghệ di động, Dữ liệu lớn, Điện toán đám mây)

HĐQT

Hội đồng Quản trị

TGD

Tổng Giám đốc

CTTV

Công ty thành viên

FPT

Công ty Cổ phần FPT

FPT Software

Công ty Phần mềm FPT

FPT IS

Công ty Hệ thống thông tin FPT

FPT Telecom

Công ty Viễn thông FPT

FPT Trading

Công ty Thương mại FPT

FPT Retail

Công ty Bán lẻ FPT

ĐH FPT

Đại học FPT

MỤC LỤC



04-25

TỔNG QUAN VỀ FPT

TẦM NHÌN,
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ FPT

06

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NỔI BẬT 2009-2013

08

THÔNG điệp CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10

PHÒNG VẤN
TỔNG GIÁM ĐỐC

12

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ
PHÁT TRIỂN

14

FPT TOÀN CẦU

16

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

18

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

22



26-47

PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

28

PHÂN TÍCH
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

30

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC
VÀ KẾ HOẠCH 2014

42



48-63

QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUẢN TRỊ CÔNG TY

50

QUẢN TRỊ RỦI RO

58

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

60



64-77

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

66

PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO
NĂNG LỰC CẠNH TRANH

67

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

70

HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

77



78-125

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

80

1998

Khởi động toàn cầu hóa
Việt Nam



1999

Lào



2003

Thái Lan



2005

Campuchia
Singapore

2000

Mỹ
Anh



2001

Nhật Bản



2002

Malaysia



2008

Úc
Pháp



2007

Philippines



2012

Đức
Myanmar



2013

Kuwait
Indonesia
Bangladesh



1 TỔNG QUAN VỀ FPT

- Tầm nhìn • Giới thiệu chung về công ty • Tình hình tài chính nổi bật 2009-2013
- Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị • Phông vấn Tổng Giám đốc
- Lịch sử hình thành và phát triển • FPT toàn cầu • Ngành nghề kinh doanh • Giới thiệu Ban Lãnh đạo

TẦM NHÌN

FPT mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, hùng mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo trong khoa học kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển đầy đủ nhất về tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.

THÔNG TIN CHUNG

Là Công ty Công nghệ thông tin - Viễn thông lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam với doanh thu 28.647 tỷ đồng.

Dẫn đầu tại thị trường Việt Nam trong các lĩnh vực:

- **Số 1** trong lĩnh vực Xuất khẩu phần mềm về quy mô nhân lực và doanh thu;
- **Số 1** trong lĩnh vực Cung cấp Giải pháp phần mềm và Tích hợp hệ thống về quy mô doanh số, số lượng khách hàng, độ phức tạp và giá trị của các dự án CNTT;
- **TOP 3** Nhà Cung cấp Dịch vụ Viễn thông cố định và Internet lớn nhất Việt Nam;
- **Số 1** trong lĩnh vực Phân phối sản phẩm công nghệ.

Là Công ty Công nghệ lớn nhất Việt Nam với hơn 6.500 kỹ sư, chuyên gia công nghệ và hiện diện tại 57 tỉnh thành trên toàn quốc; 17 quốc gia trên toàn cầu.

Là đối tác cấp cao nhất và sở hữu hàng ngàn chứng chỉ công nghệ quốc tế của các hãng công nghệ lớn trên thế giới.

Giữ vị trí Nhà Tuyển dụng được ưa thích nhất trong lĩnh vực CNTT, Trực tuyến và Viễn thông do mạng tuyển dụng hàng đầu CareerBuilder đánh giá.

TỔNG DOANH
THU NĂM 2013
28.647 TỶ VNĐ

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Vốn chủ sở hữu
28.647	2.516	7.206
TỶ ĐỒNG	TỶ ĐỒNG	TỶ ĐỒNG
ROE	EPS	Vốn hóa thị trường (tại 28/2/2014)
30	5.858	17.608
%	ĐỒNG	TỶ ĐỒNG
Nhân sự	Tăng trưởng doanh thu toàn cầu hóa	Hiện diện tại số quốc gia trên thế giới
17.419	31	17
NGƯỜI	%	QUỐC GIA

CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2013

01 Ký kết các hợp đồng cung cấp giải pháp phần mềm đóng gói trong một số lĩnh vực chuyên biệt như: Chính phủ, Ngân hàng, Viễn thông... cho các quốc gia có trình độ phát triển tương đương hoặc thấp hơn Việt Nam. Thành lập Công ty Dịch vụ FPT Myanmar cũng như văn phòng tại một số nước trong khu vực tạo nền tảng quan trọng cho định hướng này.

02 Doanh thu trong năm 2013 từ mảng cung cấp dịch vụ trên nền công nghệ mới S.M.A.C đạt 95 tỷ đồng (2012: 0 tỷ đồng). Đây cũng là mảng dịch vụ FPT sẽ tập trung đẩy mạnh trong các năm tiếp theo.

03 Tiếp tục được đánh giá cao tại thị trường Nhật Bản thông qua việc Tập đoàn Truyền thông Nikkei (Nhật Bản) trao giải thưởng Nikkei Asia cho Ông Trương Gia Bình, Chủ tịch FPT vì những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành CNTT Việt Nam.

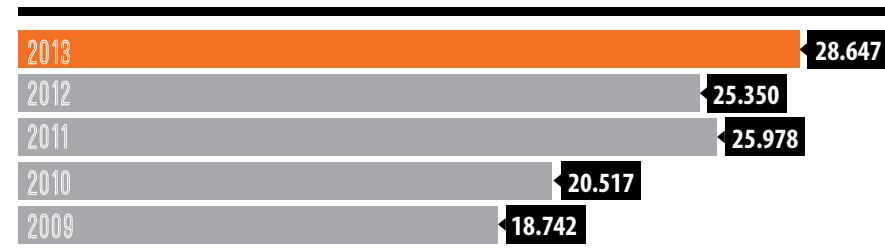
04 Tháng 3/2013, mở trung tâm R&D tại Mỹ nhằm tiếp cận và cập nhật chính xác xu hướng công nghệ mới trên thế giới, góp phần tăng cường năng lực công nghệ và tăng lợi thế cạnh tranh cho FPT.

05 Trở thành doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên được Hiệp hội Dịch vụ Gia công Chuyên nghiệp Quốc tế (IAOP) xếp vào Danh sách 100 Nhà Cung cấp Dịch vụ Gia công Toàn cầu (The Global Outsourcing 100) với doanh thu từ mảng Xuất khẩu phần mềm đạt trên 100 triệu USD, tăng 24% so với năm 2012.

06 Năm 2013, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hạ tầng viễn thông với việc hoàn thành tuyến đường trục đầu tiên kết nối với Lào; tuyến đường trục Bắc - Nam mạch B dài 3.600km. Kết nối quốc tế được mở rộng đạt tốc độ 200 Gbps.

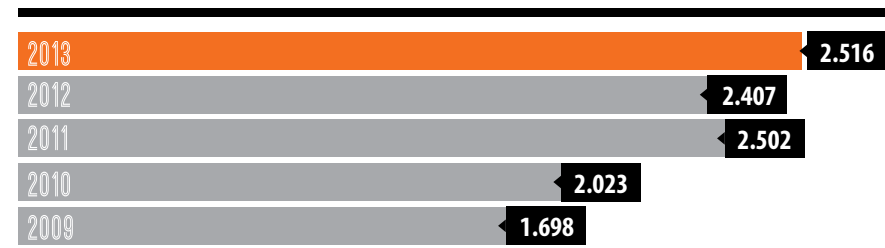
Tình hình tài chính nổi bật 2009 - 2013

TỔNG DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



Năm 2013, doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt **2.692** tỷ đồng, tăng **31%** so với cùng kỳ. Đồng thời, việc đầu tư vào các sản phẩm, dịch vụ mới và mở rộng thị trường đạt kết quả tốt với doanh thu đạt 5.575 tỷ đồng, tăng 75% so với năm 2012.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)



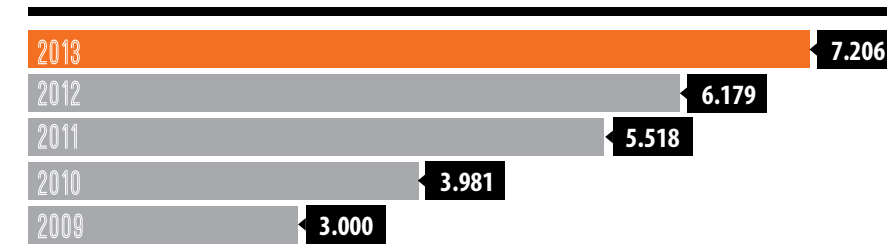
Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt **2.516** tỷ đồng, tăng **5%** so với năm 2012.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

Đơn vị tính: VNĐ

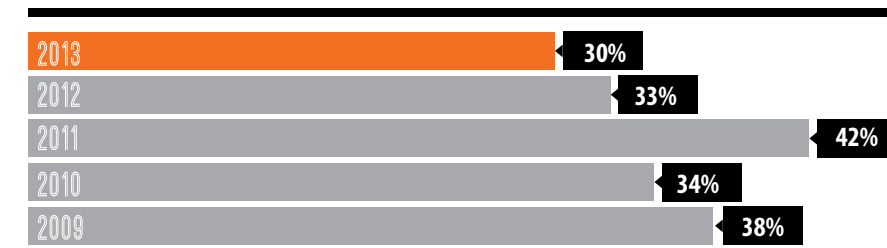
Các chỉ số	2009	2010	Tăng/ giảm so cùng kỳ	2011	Tăng/ giảm so cùng kỳ	2012	Tăng/ giảm so cùng kỳ	2013	Tăng/ giảm so cùng kỳ
Tổng doanh thu	18.742	20.517	9%	25.978	27%	25.350	-2%	28.647	13%
LN thuần từ HĐKD	1.594	1.877	18%	2.420	29%	2.318	-4%	2.451	6%
LN trước thuế	1.698	2.023	19%	2.502	24%	2.407	-4%	2.516	5%
LN trước thuế, lãi vay & khấu hao	2.111	2.591	23%	3.127	21%	3.035	-3%	3.091	2%
LN trước thuế & lãi vay	1.807	2.261	25%	2.751	22%	2.635	-4%	2.648	0%
LN sau thuế	1.406	1.692	20%	2.079	23%	1.985	-5%	2.065	4%

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)



Vốn chủ sở hữu tăng **140%** sau 5 năm.

ROE



Hiệu quả kinh doanh tiếp tục duy trì ở mức cao với ROE đạt **30%**.

EPS (ĐỒNG/CỔ PHIẾU)



EPS năm 2013 đạt **5.858** đồng/cổ phiếu, tăng **3%** so với năm 2012.

2013 là năm FPT trở lại không khí toàn cầu hóa sôi sục khắp mọi nơi. Chúng ta đã chuẩn bị đủ những điều kiện cần thiết và sẵn sàng nắm bắt thời cơ để tiếp tục khẳng định vị thế là Công ty Công nghệ hàng đầu tại thị trường trong nước cũng như là đối tác tăng trưởng bền vững của các tập đoàn lớn trên phạm vi toàn cầu.

SMAC



Kính thưa Quý Cổ đông,

Bức tranh kinh tế 2013 chưa khởi sắc sau nhiều năm ảm đạm. Số lượng doanh nghiệp giải thể hoặc ngừng hoạt động trong năm 2013 lên đến gần 61.000. Tình hình nợ xấu chưa được cải thiện, tăng trưởng tín dụng không đạt kế hoạch.

Năm 2013, FPT kỷ niệm 25 năm thành lập, đánh dấu chặng đường ¼ thế kỷ nỗ lực vì sự phát triển của ngành CNTT-TT Việt Nam và đưa trí tuệ Việt Nam vươn ra thế giới. Trong bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, FPT đã khép lại năm thứ 25 với doanh thu đạt 28.647 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 2.516 tỷ đồng, tăng trưởng tương ứng là 13% và 5%, khẳng định quyết tâm và ý chí của hơn 17.000 CBNV FPT vì một mục tiêu chung - tăng trưởng bền vững.

Bên cạnh những kết quả kinh doanh đạt được, chúng ta đã xây dựng được những nền tảng quan trọng, tạo động lực phát triển cho giai đoạn tiếp theo. Đó là tiếp tục khẳng định vai trò tổng thầu trong những dự án CNTT lớn tại thị trường trong nước. Đó là năng lực trong việc cung cấp các dịch vụ/giải pháp trên nền công nghệ mới điện toán đám mây (Cloud), công nghệ di động (Mobility) cho các công ty lớn trên phạm vi toàn cầu. Đó là những thành công vượt trội từ hướng phát triển đưa các dịch vụ và giải pháp đóng gói mà FPT đã triển khai thành công trong 25 năm tại thị trường Việt Nam sang thị trường các nước đang phát triển. Đó là sự trưởng thành của đội ngũ hơn 6.500 kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ của Tập đoàn. Đó là sự tin nhiệm của trên 300 khách hàng là các tập đoàn lớn trên phạm vi toàn cầu.

Thưa Quý Cổ đông,

Trong vài năm gần đây, doanh thu FPT vẫn tăng trưởng nhưng tốc độ chậm lại một phần vì thị phần của chúng ta tại thị trường trong nước đã tới ngưỡng, một phần vì sức mua yếu đi. Tuy nhiên, khó khăn đó lại là động lực để FPT đẩy mạnh phát triển hơn nữa tại các thị trường bên ngoài Việt Nam. Toàn cầu hóa trở thành trọng tâm chiến lược để FPT lấy lại tốc độ tăng trưởng như kỳ vọng và tiếp tục phát triển bền vững. Chúng ta đang đứng trước những bước ngoặt quan trọng.

Bước ngoặt quan trọng gắn với cuộc dịch chuyển công nghệ vĩ đại kéo dài 20 năm, từ máy trạm - máy chủ lên điện toán đám mây trên toàn thế giới. Những dịch vụ/giải pháp trên nền công nghệ mới S.M.A.C đang dẫn đi sâu hơn vào cuộc sống, trở thành xu hướng phát triển tất yếu của các doanh nghiệp, tổ chức trên toàn thế giới. Sự dịch chuyển này cần đến hàng chục triệu kỹ sư công nghệ.

Việt Nam có lợi thế khi chúng ta đang ở thời kỳ dân số vàng với hơn 60% dân số ở độ tuổi lao động và hàng năm sẽ có 1,5-1,6 triệu người bước vào độ tuổi này. Thanh niên Việt Nam được đánh giá là ham học và có khả năng tiếp cận, nắm bắt nhanh chóng các công nghệ mới. Chưa bao giờ, doanh nghiệp CNTT Việt Nam có cơ hội ganh đua trong thế giới "thông minh" cùng với các tập đoàn CNTT danh tiếng thế giới trên cùng một vạch xuất phát như hôm nay.

Bước ngoặt quan trọng đó gắn với sự thay đổi vai trò của CNTT đối với đất nước. Ngày 20/6/2013, Thủ tướng Chính phủ khẳng định CNTT là nền tảng của phương thức phát triển mới, nâng cao toàn diện năng lực cạnh tranh quốc gia, đưa Việt Nam vượt bẫy thu nhập trung bình, tiến vào nền kinh tế tri thức. Chúng ta đã thành công trong vai trò tổng thầu các hợp đồng hàng chục triệu đô la ở trong nước và với nhận thức mới về vai trò CNTT, chúng ta có cơ hội thực hiện những dự án lớn hơn thế. Đây cũng là động lực tăng trưởng quan trọng cho FPT trong giai đoạn tới. Các giải pháp công nghệ áp dụng thành công tại Việt Nam trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Hạ tầng, Y tế, Chính quyền điện tử, ERP đang là cơ sở để thắng thầu tại các nước có trình độ phát triển tương đương Việt Nam như Lào, Campuchia, Myanmar, Philippines, Bangladesh, Indonesia,....

Bước ngoặt quan trọng gắn với sự thay đổi nhận thức về vai trò và vị thế của FPT ở thị trường Singapore. Với 25 năm kinh nghiệm ở Việt Nam, là Tập đoàn lớn nhất ASEAN về nhân lực công nghệ, đã đến lúc chúng ta ganh đua với các tập đoàn danh tiếng thế giới tại thị trường Singapore. Thắng trận này sẽ mở ra cơ hội cho FPT trong cả khu vực ASEAN và trên toàn cầu.

Sau 14 năm kể từ thời điểm phát động cuộc chiến xuất khẩu phần mềm năm 1999, 2013 là năm FPT trở lại không khí toàn cầu hóa sôi sục khắp mọi nơi. Chúng ta đã chuẩn bị đủ những điều kiện cần thiết và sẵn sàng nắm bắt thời cơ để tiếp tục khẳng định vị thế là Công ty Công nghệ hàng đầu tại thị trường trong nước cũng như là đối tác tăng trưởng bền vững của các tập đoàn lớn trên phạm vi toàn cầu.

Cuối cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và gắn bó của Quý Cổ đông ngay cả trong những thời khắc khó khăn nhất. Chúng tôi cam kết tiếp tục nỗ lực hết mình để mang lại những giá trị bền vững cho Cổ đông.

Hà Nội, tháng 2/2014

TRƯƠNG GIA BÌNH



PHÙNG VĂN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Bùi Quang Ngọc được bổ nhiệm làm TGD FPT từ tháng 8/2013. Ông là nhà quản trị xuất sắc của FPT, đồng thời là người am hiểu sâu sắc mô hình kinh doanh và đặc thù kinh doanh của từng loại hình B2B, B2C, B2G của FPT.

Vậy FPT đặt kỳ vọng như thế nào trong năm 2014 này?

FPT đặt mục tiêu tăng trưởng 11% về doanh thu và 6% về lợi nhuận trong năm 2014. Trong đó, Toàn cầu hóa, Xuất khẩu phần mềm, Giải pháp phần mềm, Dịch vụ viễn thông, Dịch vụ CNTT tổng thể là những động lực tăng trưởng chính.

FPT tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng cao trong các lĩnh vực: Phát triển phần mềm, Dịch vụ CNTT, Dịch vụ Viễn thông và Bán lẻ. Lĩnh vực Tích hợp hệ thống, Phân phối vẫn chịu tác động lớn từ tình hình kinh tế vĩ mô nên chưa thể có được tốc độ tăng trưởng mạnh trong năm 2014. Lĩnh vực Dịch vụ Nội dung số đã và đang được cải tổ mạnh mẽ, để có được kết quả tốt hơn trong năm 2014.

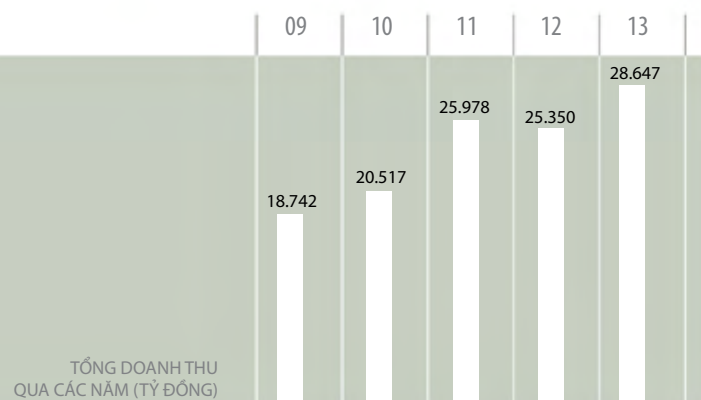
Bên cạnh mục tiêu củng cố và gia tăng thị phần trong nước, FPT sẽ đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu từ thị trường nước ngoài với mức tăng trưởng kế hoạch là 32%. Tăng doanh thu từ dịch vụ công nghệ, giải pháp chuyên ngành và dịch vụ tin học tổng thể với mức tăng trưởng kế hoạch là 90%. Đây là những hướng góp phần quan trọng cho việc làm thay đổi và phát triển bền vững của FPT.

FPT sẽ có những kế hoạch cụ thể gì để có thể đạt được những kỳ vọng trên?

Triển khai mạnh mẽ công cụ BSC trên toàn Tập đoàn; phát triển mạnh nguồn nhân lực công nghệ có kỹ năng, chuyên môn sâu theo ngành; thiết lập thêm các văn phòng đại diện, đẩy mạnh kinh doanh, M&A tại thị trường nước ngoài.

Để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng đề ra trong năm 2014, chúng tôi đã đưa ra những chính sách, công cụ để kiểm soát toàn bộ các hoạt động kinh doanh

“Năm 2013, các định hướng chiến lược và kế hoạch của Tập đoàn được kiểm soát chặt chẽ nhờ vào việc áp dụng BSC. Năm 2014, để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra, FPT sẽ tiếp tục triển khai mạnh mẽ hơn nữa công cụ này, đồng thời nâng cao kỷ luật thực hiện các mục tiêu, gắn việc hoàn thành kế hoạch với đánh giá hiệu quả và thu nhập của mỗi đơn vị, cá nhân.”



của Tập đoàn trong mọi lĩnh vực. Trong năm 2013, các định hướng chiến lược và kế hoạch của Tập đoàn được kiểm soát chặt chẽ bằng BSC với kết quả là hơn 77% mục tiêu chiến lược đã được triển khai thành công. Năm 2014 công cụ này sẽ tiếp tục được triển khai mạnh mẽ để đảm bảo kỷ luật thực hiện và tuân thủ các kế hoạch đề ra, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược.

Bên cạnh đó, Tập đoàn đã hình thành các quy định đánh giá hiệu quả của các đơn vị, cá nhân tạo tiền đề cho việc gắn thu nhập cá nhân với hiệu quả công việc, nhằm tăng cao hơn nữa năng suất lao động và tính sáng tạo của từng cá nhân.

Đối với thị trường toàn cầu, bên cạnh việc đầu tư đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phát triển, đặc biệt là theo các xu hướng công nghệ mới, chúng tôi cũng sẽ thiết lập thêm các văn phòng đại diện ở nước ngoài, thể hiện sự cam kết với khách hàng đồng thời đẩy mạnh việc bán hàng tại các thị trường này.

Tập đoàn dự kiến sẽ dành 50 triệu USD cho việc M&A các công ty trong lĩnh vực Dịch vụ CNTT có năng lực công nghệ và đội ngũ chuyên gia tư vấn mà FPT còn thiếu hoặc có cơ sở dữ liệu khách hàng phù hợp với mục tiêu của FPT. Thị trường M&A chúng tôi nhắm tới gồm Singapore, Mỹ, Nhật.

Ngoài ra, chúng tôi cũng sẽ đầu tư mạnh mẽ cho việc nâng cấp hạ tầng viễn thông tại những địa bàn quan trọng, đào tạo xây dựng đội ngũ chuyên gia công nghệ, chuyên gia giải pháp, tăng cường nhân lực cho toàn cầu hóa. Tuy rằng những đầu tư này có làm giảm tốc độ tăng trưởng của FPT trong năm 2014, nhưng sẽ mang lại những kết quả phục vụ cho sự phát triển lâu dài của FPT.

Ông có nói đến định hướng chiến lược toàn cầu hóa, vậy đâu là cơ hội và thách thức với FPT cho hướng đi này?

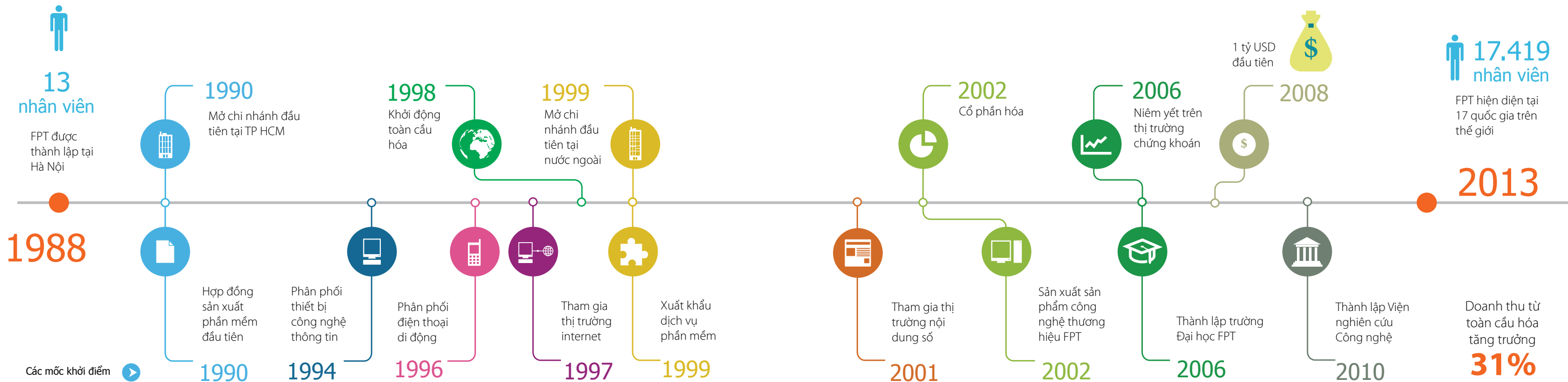
FPT có đủ năng lực để nắm bắt các cơ hội lớn từ thị trường toàn cầu, tuy nhiên để đạt được thành công lớn nhất, FPT sẽ phải vượt qua một số thách thức, trong đó có vấn đề phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực toàn cầu hóa của cán bộ FPT.

FPT đang đứng trước cơ hội lớn từ thị trường Mỹ (với quy mô thị trường Dịch vụ CNTT dự kiến đạt 379 tỷ USD trong năm 2014); Singapore (hơn 9,2 tỷ USD trong năm 2014); từ chính sách tìm kiếm đối tác cung cấp dịch vụ CNTT khác bên ngoài Trung Quốc của các đối tác Nhật Bản hay từ cơ hội cung cấp các giải pháp CNTT FPT đã triển khai thành công trong nước cho các thị trường có trình độ phát triển tương đồng Việt Nam như: Myanmar, Philippines, Indonesia, Bangladesh,...

FPT tự tin có đủ năng lực để nắm bắt những cơ hội này. Tuy nhiên, để có thể hiện thực hóa, chúng ta cần phải nâng cao hơn nữa năng lực công nghệ, hiểu biết trong các lĩnh vực chuyên ngành; đội ngũ nhân lực cần được bổ sung hơn nữa về số lượng và đào tạo theo chuẩn mực quốc tế hơn, chuyên nghiệp hơn. FPT sẽ tiến hành nhiều chương trình, dự án, có đầu tư thỏa đáng để có được sự tăng cường cả số lượng lẫn chất lượng cho nguồn nhân lực nhằm phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp toàn cầu hóa. Nhóm cán bộ được quy hoạch cho các dự án tại thị trường nước ngoài sẽ được đào tạo chuyên sâu về văn hóa giao tiếp - ứng xử trong kinh doanh quốc tế, luật pháp và các quy định liên quan tại thị trường nước ngoài.

Chúng tôi cũng sẽ đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học để đào tạo sớm cho sinh viên các năng lực công ty cần để họ có thể tiếp cận nhanh chóng với yêu cầu của công việc. Riêng đối với thị trường Nhật Bản, chúng tôi sẽ đào tạo đội ngũ kỹ sư cầu nối tiếng Nhật đạt 500 người vào năm 2014.

Lịch sử hình thành và phát triển



THÀNH TỰU GHI NHẬN

1998

Tham gia tin học hóa ngành thuế; xây dựng hệ thống thông tin chính quyền điện tử FPT.eGov.

1999

Hợp đồng xuất khẩu dịch vụ phần mềm đầu tiên cho công ty Winsoft (Canada).

Thành lập trung tâm đào tạo lập trình viên quốc tế APTECH.

2000

Tham gia tin học hóa ngành hải quan; triển khai phần mềm FPT.eHospital cho các bệnh viện.

Ký kết dự án với khách hàng đầu tiên tại thị trường Nhật Bản NTT-IT.

2001

Ký kết hợp đồng với 2 khách hàng đầu tiên tại thị trường Mỹ là Cogita và ProDX.

2002

Doanh thu 1 triệu USD đầu tiên từ toàn cầu hóa.

2006

Thực hiện dự án chuyển đổi 1.532 ứng dụng từ Lotus Note sang .Net cho Petronas (Malaysia), dự án phần mềm có giá trị lớn nhất trong khu vực, trị giá 6,4 triệu USD.

2010

Bổ nhiệm CEO người nước ngoài đầu tiên tại thị trường Nhật Bản.

2012

FPT.eGov và FPT.eHospital đạt giải bạc và vàng tại Giải Asean ICT Award 2012.

Đại học FPT trở thành trường ĐH đầu tiên của Việt Nam đạt chuẩn 3* của QS Star.

2013

Doanh thu từ toàn cầu hóa tăng trưởng 31%.

Doanh thu từ dịch vụ trên nền công nghệ mới S.M.A.C đạt 95 tỷ đồng.

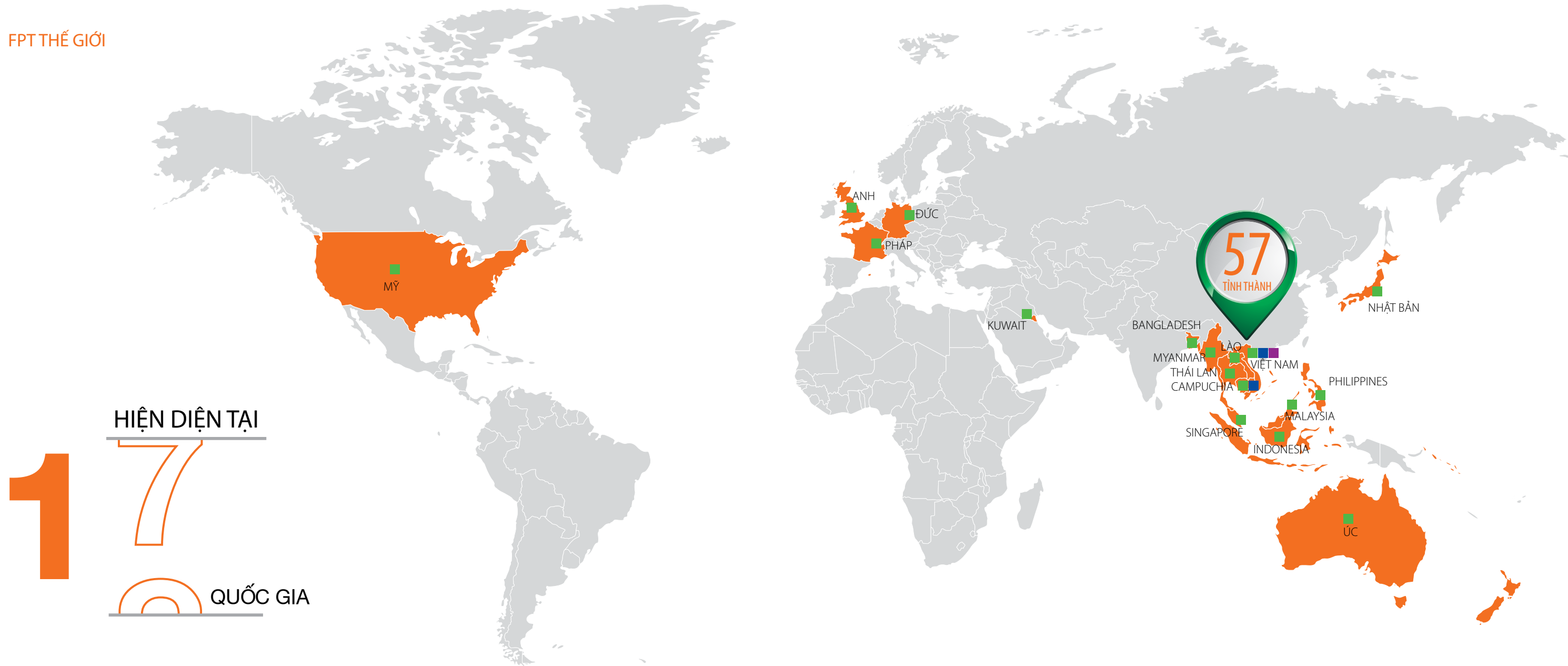
Lọt TOP 500 DN phần mềm hàng đầu thế giới.

Lọt TOP 100 Nhà Cung cấp Dịch vụ Gia công Toàn cầu do IAOP xếp hạng.

Ký kết triển khai hệ thống tính cước, quản lý khách hàng và bán hàng đa dịch vụ (FPT.BCCS) cho Công ty Viễn thông Lào trị giá hơn 2,5 triệu USD.

26 NĂM

Đồng hành với vai trò dẫn dắt thị trường Công nghệ Thông tin - Viễn thông tại Việt Nam, góp phần đưa Việt Nam vào bản đồ Công nghệ thế giới.



1 HIỆN DIỆN TẠI
7 QUỐC GIA

- Công nghệ
- Viễn thông
- Khác

- | | | | | |
|-------------------|-----------|-------------|------------|----------------|
| An Giang | Đà Nẵng | Hậu Giang | Ninh Bình | Thái Bình |
| Bà Rịa - Vũng Tàu | Đắk Lắk | Hưng Yên | Ninh Thuận | Thái Nguyên |
| Bạc Liêu | Điện Biên | Hồ Chí Minh | Phú Thọ | Thanh Hóa |
| Bắc Giang | Đồng Nai | Khánh Hòa | Phú Yên | Thừa Thiên Huế |
| Bắc Ninh | Đồng Tháp | Kiên Giang | Quảng Bình | Tiền Giang |
| Bến Tre | Gia Lai | Kon Tum | Quảng Nam | Trà Vinh |
| Bình Dương | Hà Nam | Lào Cai | Quảng Ninh | Vĩnh Long |
| Bình Định | Hà Nội | Lạng Sơn | Quảng Ngãi | Vĩnh Phúc |
| Bình Phước | Hà Tĩnh | Lâm Đồng | Quảng Trị | Yên Bái |
| Bình Thuận | Hải Dương | Long An | Sóc Trăng | |
| Cà Mau | Hải Phòng | Nam Định | Sơn La | |
| Cần Thơ | Hòa Bình | Nghệ An | Tây Ninh | |

KHỐI CÔNG NGHỆ



Lĩnh vực Phát triển phần mềm

Mảng Xuất khẩu phần mềm

Mảng Giải pháp phần mềm

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Điện toán đám mây (Cloud); Công nghệ di động (Mobility); Dịch vụ ủy thác quy trình doanh nghiệp (BPO); Thiết kế phần mềm nhúng cho các thiết bị di động; Phát triển ứng dụng và bảo trì; Chuyển đổi công nghệ phần mềm; Kiểm thử chất lượng phần mềm; Xây dựng phát triển phần mềm, ...

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

TOP 100 Nhà Cung cấp Dịch vụ Gia công do IAOP bình chọn.

TOP 500 Doanh nghiệp Phần mềm hàng đầu thế giới.

4.000 kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế.

TOP 100 Nhà Cung cấp Dịch vụ Gia công Toàn cầu do IAOP bình chọn

SỐ

tại Việt Nam

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Giải pháp phần mềm lõi trong các lĩnh vực chuyên biệt như: Chính phủ, tài chính công, ngân hàng tài chính, giáo dục, y tế, giao thông; Giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) chuyên sâu trên nền tảng: SAP, Oracle, People Soft,...; Giải pháp bảo mật,...

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

Triển khai hầu hết các hạ tầng thông tin quan trọng trong lĩnh vực: tài chính công, ngân hàng, viễn thông, y tế,...

2.700 kỹ sư, chuyên gia công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế.



Lĩnh vực Tích hợp hệ thống

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Dịch vụ hạ tầng CNTT; Thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu cho doanh nghiệp; Hệ thống mạng, bảo mật; Lưu trữ máy chủ; Hệ thống thanh toán, giám sát, các thiết bị đặc chủng cho ngành ngân hàng,...

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

Giữ vị trí số 1 tại Việt Nam cả về quy mô doanh số, số lượng khách hàng và giá trị hợp đồng.

SỐ

tại Việt Nam



Lĩnh vực Dịch vụ CNTT

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Trung tâm dữ liệu; Dịch vụ xử lý kết nối Người dân - Doanh nghiệp - Chính phủ (G2B2C); Chứng thực chữ ký số; Bảo hành - bảo trì - sửa chữa,...

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

Là nhà cung cấp Dịch vụ CNTT chuyên nghiệp số 1 tại Việt Nam.

Sở hữu hàng loạt chứng chỉ công nghệ bắt buộc của các hãng công nghệ lớn và là đối tác cấp cao nhất của các nhà cung cấp hàng đầu trên thế giới như: Cisco, IBM, Microsoft, Oracle, SAP, Dell, Apple, Toshiba, Asus, Foxconn, CheckPoint, SUN, Symantec, Huawei, Nokia, Siemens,...

SỐ

tại Việt Nam

KHỐI VIỄN THÔNG



Lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Internet băng rộng (xDSL, Triple Play, FTTH); Thuê kênh riêng; Voice; Trung tâm dữ liệu; Truyền hình tương tác; Truyền hình cáp; Thiết bị giải trí thông minh FPT Play HD; Dịch vụ chia sẻ dữ liệu trực tuyến F- Share,...

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

TOP 3 Nhà Cung cấp Dịch vụ Viễn thông cố định, internet hàng đầu tại Việt Nam.

Sở hữu hạ tầng viễn thông lớn bao gồm:

- ▶ Tuyến đường trục Bắc – Nam;
- ▶ Tuyến đường trục Tây Nguyên;
- ▶ Tuyến đường trục quốc tế kết nối với Lào;
- ▶ Dung lượng băng thông quốc tế 200 Gbps;
- ▶ 4 trung tâm dữ liệu trên toàn quốc với tổng diện tích 3.000m²;
- ▶ Sử dụng công nghệ truyền dẫn mới với tốc độ đạt 100 Gbps trên một kênh bước sóng.

TOP

tại Việt Nam

3



Lĩnh vực Nội dung số

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Hệ thống báo điện tử với hơn 25 triệu lượt xem mỗi ngày (Vnexpress.net, Ngoisao.net, iOne.net, Gamethu.net); Quảng cáo trực tuyến; Hệ thống quảng cáo thông minh eClick AdNetwork; Trò chơi trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Nghe nhạc trực tuyến; Thương mại điện tử (Sendo.vn),...

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

Là đơn vị quảng cáo trực tuyến số 1 tại Việt Nam.

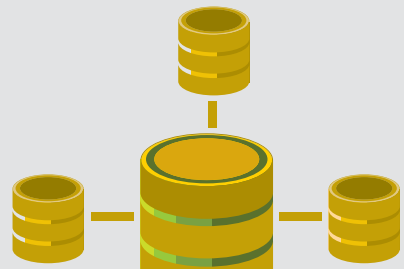
TOP 3 Nhà Cung cấp Trò chơi trực tuyến tại Việt Nam.

SỐ

tại Việt Nam

DỊCH VỤ QUẢNG CÁO TRỰC TUYẾN

KHỐI PHÂN PHỐI, BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ



Lĩnh vực Phân phối sản phẩm công nghệ

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Phân phối sản phẩm thiết bị CNTT-VT của hơn 60 hãng nổi tiếng thế giới như: IBM, Lenovo, Microsoft, HP, Nokia, Toshiba,...; Nhà phân phối đầu tiên được quyền phân phối tất cả sản phẩm của Apple tại Việt Nam; Sản xuất các sản phẩm công nghệ thương hiệu FPT.

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

Giữ vị trí số 1 tại Việt Nam.

Mạng lưới phân phối phủ hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc.



Lĩnh vực Bán lẻ sản phẩm công nghệ

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Bán lẻ các sản phẩm CNTT và điện thoại di động của hầu hết các hãng công nghệ lớn trên thế giới.

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

Là hệ thống bán lẻ đầu tiên của Việt Nam được cấp chứng chỉ quốc tế ISO 9001:2000.

Là công ty duy nhất tại Việt Nam có chuỗi bán lẻ với đầy đủ mô hình cửa hàng của Apple bao gồm: Cấp 1 là APR (Apple Premium Reseller), cấp 2 AAR (Apple Authorised Reseller) và CES (Consumer Electronic Stores).

Sở hữu 100 cửa hàng tại 50 tỉnh thành trên cả nước.

**HỆ THỐNG BÁN LẺ ĐẦU TIÊN
TẠI VIỆT NAM ĐẠT
ISO 9001:2000**

KHỐI GIÁO DỤC



Khối Giáo dục

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Đang đào tạo 16.000 sinh viên ở tất cả lĩnh vực đào tạo gồm: CNTT, kinh tế, kỹ thuật đa phương tiện phục vụ cho thị trường lao động trong nước nói chung và góp phần đáng kể trong việc giải quyết nhu cầu nhân lực của FPT nói riêng.

Đào tạo học sinh phổ thông trung học.

VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC

ĐH FPT là trường đại học đầu tiên của Việt Nam đạt chuẩn 3 sao của QS Star, 1 trong 3 chuẩn xếp hạng hàng đầu dành cho các trường đại học trên thế giới.

97% sinh viên ra trường có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp; 11% sinh viên tốt nghiệp làm việc tại nước ngoài; 45% sinh viên sau khi tốt nghiệp làm cho FPT.

16
ngàn sinh viên
đang được đào tạo tại Đại học FPT

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA FPT ĐƯỢC CHIA THEO 4 KHỐI KINH DOANH CỐT LÕI GỒM: KHỐI CÔNG NGHỆ; KHỐI VIỆN THÔNG; KHỐI PHÂN PHỐI, BÁN LẺ CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ VÀ KHỐI GIÁO DỤC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRƯƠNG GIA BÌNH

Thành viên sáng lập,
Chủ tịch HĐQT

Ông tốt nghiệp Khoa Toán Cơ, ĐH Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov, Liên bang Nga năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ cũng tại đại học này năm 1982. Năm 1991, Ông được nhà nước công nhận danh hiệu Phó Giáo sư.

Năm 2013, Ông được Tập đoàn truyền thông Nikkei, Nhật Bản trao giải thưởng Nikkei Asia vì những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành CNTT Việt Nam.

Sáng lập ra FPT năm 1988, trong suốt quá trình phát triển của FPT, Ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự tăng trưởng vượt bậc của FPT.



BÙI QUANG NGỌC

Thành viên sáng lập,
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Ông tốt nghiệp Khoa Toán, ĐH Tổng hợp Kishinhov (Cộng hòa Moldova) năm 1979 và bảo vệ luận án Tiến sĩ về Cơ sở dữ liệu tại Đại học Grenoble (Pháp) năm 1986.

Ông am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của FPT, luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.

Ông là nhà quản trị xuất sắc của FPT. Ông là chuyên gia hàng đầu về CNTT của FPT từ những năm 1990 và được bình chọn là một trong 10 lãnh đạo CNTT (CIO) xuất sắc nhất Đông Dương (năm 2005).



ĐỖ CAO BẢO

Thành viên sáng lập,
Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp ngành Toán điều khiển, Học viện Kỹ thuật Quân sự năm 1984.

Từ năm 1994, với vai trò lãnh đạo cao nhất của FPT IS, Ông đã đưa FPT IS trở thành mũi nhọn công nghệ của FPT và liên tục dẫn đầu thị trường Tích hợp hệ thống, Phát triển phần mềm và Dịch vụ CNTT tại Việt Nam.

Hiện Ông cũng là Chủ tịch FPT IS, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng FPT, Phó Chủ tịch Hiệp hội An toàn Bảo mật thông tin Việt Nam khóa 1 (2008-2012), Ủy viên BCH Hội Tin học Việt Nam khóa 06 (2007-2011) và khóa 7 (2011-2014).



TRƯƠNG ĐÌNH ANH

Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992.

Ông gia nhập FPT từ năm 1993. FPT Telecom dưới sự điều hành của Ông đã trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Ông là cha đẻ của mạng Intranet đầu tiên, có nhiều người dùng nhất ở Việt Nam (Trí Tuệ Việt Nam - TTVN) và là một trong những người sáng lập VnExpress.net - tờ báo điện tử hàng đầu Việt Nam.

Hiện, Ông cũng là Ủy viên HĐQT FPT Telecom.



LÊ SONG LAI

Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Luật tại Trường ĐH Quốc gia Hà Nội năm 1998 và Trường ĐH Tổng hợp Cambridge (Anh) năm 1999.

Ông hiện đang là Phó TGD Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Ông được SCIC đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017. Hiện SCIC nắm giữ 6,05% cổ phiếu FPT (chốt danh sách ngày 27/2/2014).



LÊ NỮ THÙY DƯƠNG

Ủy viên HĐQT

Bà tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Quản lý Maastricht (Hà Lan) năm 2003 và hiện đang làm luận án tốt nghiệp Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh tại Viện Công nghệ Châu Á - AIT (Thái Lan).

Bà đang là TGD Công ty Cổ phần May và Xây dựng Huy Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Golf Long Thành, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thiên Đức.



JEAN-CHARLES BELLIOL

Ủy viên HĐQT

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Ecole Supérieure de Commerce de Reims (Pháp).

Ông Jean-Charles đã làm việc ở Việt Nam 12 năm với vai trò là TGD một ngân hàng nổi tiếng của Pháp tại Việt Nam. Ông là chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng với 24 năm kinh nghiệm về tài chính doanh nghiệp, tài chính kỹ thuật, tài chính dự án.

Hiện, Ông là Tham tán Thương mại Pháp, Trưởng đại diện của Trí Tín International Hà Nội (TTI).

Ông được Red River Holdings đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2012-2017. Hiện Red River Holdings nắm giữ 5,73% cổ phiếu FPT (chốt danh sách ngày 27/2/2014).

BAN ĐIỀU HÀNH



BÙI QUANG NGỌC

Tổng Giám đốc

Ông là một trong 13 thành viên sáng lập của FPT và là lãnh đạo đầu tiên phụ trách mảng CNTT của FPT, tiền thân của các CTTV quan trọng như FPT IS, FPT Software, FPT Telecom, FPT Trading.

Ông am hiểu sâu sắc mô hình và đặc thù kinh doanh của FPT, luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.

Tháng 7/2013, Ông được HĐQT bổ nhiệm làm TGD FPT nhằm tách bạch chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD theo chuẩn mực quản trị hiện đại và giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.



CHU THỊ THANH HÀ

Phó Tổng Giám đốc

Bà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1994 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh ĐH Hawaii, Manoa (Mỹ) năm 2006.

Bà gia nhập FPT từ năm 1995. Tham gia FPT Telecom từ ngày đầu thành lập, bà có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của FPT Telecom, góp phần đưa FPT Telecom trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Trung tâm Internet FPT (1999); PTGD FPT Media (2003); PTGD FPT Telecom (2005); Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2008); TGD FPT Telecom (2009).

Hiện bà cũng là Chủ tịch HĐQT FPT Telecom và FPT Retail.



NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Ông tốt nghiệp ĐH Ngoại thương năm 1999.

Ông gia nhập FPT tháng 8/2000 và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính, kế toán FPT theo chuẩn quốc tế.

Gần 14 năm qua, với việc đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong lĩnh vực: Tài chính, kiểm soát kế hoạch tài chính, Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho FPT.

Hiện, Ông cũng là GD Tài chính FPT.



NGUYỄN LÂM PHƯƠNG

Giám đốc Công nghệ FPT

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Ngành Kỹ thuật hệ thống, trường ĐH Năng lượng Matxcova (Nga) năm 1991 và tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại ĐH Hawaii, Manoa (Mỹ) năm 2002.

Gia nhập FPT từ năm 1991, Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng như: GD Công ty FPT Software toàn cầu, PTGD Công ty FPT IS, kiêm nhiệm GD Trung tâm Phát triển Thương mại toàn cầu thuộc FPT IS HCM, PTGD phụ trách Công nghệ FPT Software.

Hiện, Ông cũng là Chủ tịch Hội đồng Công nghệ FPT.

BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN VIỆT THẮNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông đang là Nghiên cứu sinh Tiến sĩ Kinh tế. Ông tốt nghiệp ĐH Thương mại Hà Nội năm 1989 và là Thạc sĩ Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, ĐH Rushmore University (Mỹ) năm 2006.

Từ năm 1997, Ông làm việc tại Khoa Quản trị Kinh doanh, ĐH Quốc gia Hà Nội.

Từ 13/10/2009, Ông là Hiệu phó ĐH FPT kiêm Viện Trưởng Viện Quản trị Kinh doanh (FSB).

Ông là thành viên Ban Kiểm soát FPT từ năm 2008 và được bầu làm Trưởng Ban kể từ Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012.



NGUYỄN KHẢI HOÀN

Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Học viện Tài chính (Nga) năm 1999 và là Tiến sĩ Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư tại Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học (Nga) năm 2003.

Năm 2003, Ông gia nhập FPT. Từ năm 2005 đến 2010, Ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Tài chính, kiêm Kế toán trưởng FPT Software. Từ ngày 1/1/2011, Ông được bổ nhiệm là PTGD Phụ trách Tài chính FPT Software.



CAO DUY HÀ

Ủy viên Ban Kiểm soát

Ông tốt nghiệp Cử nhân danh dự (chuyên ngành Kinh tế), ĐH New South Wales (Úc) và Cử nhân (chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng) của trường ĐH Newcastle (Úc). Ông đang là ứng cử viên trình độ III, chương trình CFA.

Hiện nay, Ông là Phó phòng Văn phòng điều hành SCIC. Ông tham gia HĐQT và Ban Kiểm soát một số công ty trong danh mục SCIC quản lý như: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP giống và cây trồng trung ương (NSC) nhiệm kỳ 2012-2017, thành viên Ban Kiểm soát FPT nhiệm kỳ 2012 - 2017.

VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Báo cáo Hội đồng Quản trị
- Phân tích hoạt động kinh doanh
- Định hướng chiến lược và kế hoạch 2014

300

khách hàng/đối tác
là các tập đoàn, công ty
lớn trên thế giới

40

khách hàng
thuộc danh sách
Fortune 500

Đối tác công nghệ

Microsoft

DELL

SUN

Jupiter

IBM

Cisco

Oracle

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

2.516

TỶ VNĐ

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2013 nhận định “Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu lần này được đánh giá là trầm trọng nhất kể từ Đại suy thoái kinh tế thế giới 1929 - 1933”. Những vùng tối kéo dài nhiều năm qua như: Nhu cầu tiêu dùng yếu, tăng trưởng tín dụng thấp, tỷ lệ nợ xấu cao khiến năm 2013 vẫn là năm hết sức khó khăn đối với các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh tồn tại đã được xem là thành công, FPT đã kết thúc năm 2013 với:

- Doanh thu đạt 28.647 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch, tăng 13%;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2.516 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch, tăng 5%;
- EPS đạt 5.858 đồng/cổ phiếu, đạt 95% kế hoạch, tăng 3%.

Các định hướng chiến lược để ra trong năm 2013 đạt được những kết quả rõ rệt:

KHỐI CÔNG NGHỆ

Thực hiện tốt mục tiêu nâng tỷ trọng doanh thu sản phẩm/dịch vụ mới trên tổng doanh thu đạt 19%, năm 2012 con số này là 12%.

Triển khai thành công các giải pháp phần mềm lõi trong các lĩnh vực chuyên biệt tại thị trường nước ngoài như: Dự án 2,5 triệu USD trong lĩnh vực Viễn thông tại Lào, dự án FMIS trị giá gần 10 triệu USD cho Bộ Kinh tế và Tài chính Campuchia, dự án Core Banking tại Myanmar trị giá gần 1,2 triệu USD cho ngân hàng Innwa Bank,...

Đẩy mạnh phát triển các giải pháp phần mềm lõi tại thị trường trong nước với một số dự án tiêu biểu như: Hệ thống Quản lý và phát hành kho quỹ theo hướng tập trung tại Ngân hàng Trung ương, Hệ thống Phần mềm Quản lý Bệnh viện - FPT.eHospital cho Bệnh viện Chợ Rẫy, Hệ thống Phần mềm Quản lý các hoạt động nghiệp vụ Ngành bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam, Hệ thống Quản lý Dữ liệu Trung tâm thông tin tin dụng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,...

Ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược đầu tư phát triển CNTT với nhiều tỉnh thành như: Quảng Ninh, Nghệ An, Hải Phòng,....Nhiều gói thầu tại Quảng Ninh đã được triển khai ngay trong năm 2013. Hệ thống Thông tin Chính quyền điện tử - FPT.eGOV đã và đang được ứng dụng tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Khởi công và đưa vào hoạt động nhiều công trình hạ tầng quy mô lớn phục vụ cho nhu cầu phát triển lâu dài của mảng Xuất khẩu phần mềm như: F-Ville tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), F-Town 2 tại khu Công nghệ cao Quận 9 (TP. HCM), FPT Complex tại Đà Nẵng.

KHỐI VIỄN THÔNG

Hoàn thiện tuyến đường trục Bắc - Nam mạch B chiều dài 3.600km; hoàn thiện tuyến đường trục quốc tế đầu tiên kết nối với Lào.

Mở rộng đầu tư sang thị trường Campuchia và hiện có mặt tại 5 tỉnh thành lớn là: Phnom Penh, Kandal, Kampong Cham, Battam Bang, Siem Reap.

Mở rộng vùng phủ ra 54 tỉnh thành trên toàn quốc.

KHỐI PHÂN PHỐI, BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Hệ thống FPT Shop liên tục phát triển: Trong năm 2013, FPT đã mở thêm 50 cửa hàng, nâng tổng số cửa hàng hiện có lên 100 và có mặt tại 50 tỉnh thành. Hiện, thị phần của FPT trong lĩnh vực Bán lẻ là 7%.

Mở rộng thị phần phân phối độc quyền sản phẩm điện thoại Nokia tại thị trường Việt Nam, bao gồm: Các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ (Tây Nguyên, Đà Nẵng và Duyên hải miền Trung).

Chính thức phân phối điện thoại iPhone tại thị trường nội địa từ tháng 4/2013, đánh dấu việc FPT trở thành đơn vị đầu tiên được quyền phân phối tất cả sản phẩm của Apple tại Việt Nam.

TOÀN CẦU HÓA

Đạt được những bước tiến mạnh mẽ trong năm 2013, đặc biệt với dấu mốc thành lập Công ty Dịch vụ FPT Myanmar (thành phố Yangon, Myanmar) với chức năng nghiên cứu thị trường và hỗ trợ các công ty thành viên trong Tập đoàn trong việc xin giấy phép và triển khai hoạt động kinh doanh tại thị trường mới đầy tiềm năng này.

Trúng thầu và triển khai hàng loạt các dự án có quy mô lớn trong lĩnh vực Tích hợp hệ thống với khách hàng thuộc khối Chính phủ tại Lào, Campuchia, Singapore,... với giá trị lên tới hàng triệu USD.

Tổng doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng 31%. Trong đó, mảng Xuất khẩu phần mềm tăng trưởng tốt tại thị trường Mỹ (62%), Nhật Bản (32%, theo nguyên tệ) và Châu Á - Thái Bình Dương (APAC) tăng 46%.

Những kết quả trên là nỗ lực và quyết tâm của hơn 17.000 CBNV và bộ máy lãnh đạo các cấp trong bối cảnh hết sức khó khăn để tiếp tục khẳng định vị thế của Tập đoàn sau 25 năm phát triển và mang lại những giá trị ổn định, bền vững cho Cổ đông.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công nêu trên, vẫn còn một số điểm hạn chế trong năm 2013 cần được Tập đoàn khắc phục. Lợi nhuận trước thuế chưa hoàn thành kế hoạch đề ra do lĩnh vực Tích hợp hệ thống và Nội dung số gặp khó khăn. Đây là những điểm thắt nút mà Ban Lãnh đạo FPT và FPT IS, FPT Online đang rất ráo triển khai các biện pháp tháo gỡ thông qua việc tối ưu hóa mô hình hoạt động và đầu tư để đưa hoạt động kinh doanh trở lại tốc độ tăng trưởng như kỳ vọng.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Tháng 8/2013, FPT bổ nhiệm Ông Bùi Quang Ngọc làm TGD, Ông Trương Gia Bình tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhằm tách bạch giữa chức năng quản trị và điều hành theo thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới.

Ngay sau khi nhận nhiệm vụ, Ông Bùi Quang Ngọc cùng Ban Điều hành đã khẩn trương triển khai rà soát hoạt động của từng đơn vị trong Tập đoàn, kịp thời có những điều chỉnh và thắt chặt kỷ luật trong việc tuân thủ các quy trình và thực hiện kế hoạch. BSC là công cụ được sử dụng triệt để trong việc giám sát thực hiện các mục tiêu chiến lược, các chỉ tiêu cam kết của từng CTTV.

Về công tác quản trị, thực hiện Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 7 năm 2012, quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, tháng 4/2013, FPT đã soạn thảo và ban hành mới Điều lệ Công ty. Tiếp đó, Quy chế Quản trị Công ty cũng được sửa đổi và ban hành, nhằm hướng dẫn và cụ thể hoá việc thi hành các quy định về Quản trị Công ty quy định trong Điều lệ mới. Đây là kết quả từ những nỗ lực lớn của HĐQT trong việc đảm bảo tuân thủ luật định, đồng thời thể hiện quyết tâm của Ban Lãnh đạo Tập đoàn nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị trong năm 2013.

DOANH THU	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ DÀNH CHO CỔ ĐÔNG CÔNG TY MẸ	EPS
28.647 tỷ đồng +13%	2.516 tỷ đồng +5%	1.608 tỷ đồng +4%	5.858 đồng/cổ phiếu +3%

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

Năm 2013, kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng chậm. GDP 2013 tăng 5,4%, thấp hơn mức tăng trung bình trong vòng 5 năm trở lại đây. Những khó khăn của nền kinh tế chưa được giải quyết tiếp tục gây áp lực lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ số PMI xuống dưới 50 điểm tới 5 lần trong năm 2013, chỉ số hàng tồn kho ở mức cao và CPI tăng thấp phản ánh nhu cầu nội địa khá yếu ớt. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng duy trì ở mức cao, tiếp tục cản trở lưu thông nguồn vốn. Tốc độ tăng trưởng tín dụng cả năm đạt thấp hơn kỳ vọng 12% ban đầu của Ngân hàng Nhà nước và phản ánh khả năng hấp thụ vốn thấp của nền kinh tế. Điều kiện kinh tế vĩ mô kém thuận lợi tiếp tục ảnh hưởng tới ngành CNTT-VT.

Trong bối cảnh đó, FPT đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013 với:

- Doanh thu đạt 28.647 tỷ đồng, tăng 13%;
- Lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn đạt 2.516 tỷ đồng, tăng 5%;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 2.065 tỷ đồng, tăng 4%;
- Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 1.608 tỷ đồng, tăng 4%;
- EPS đạt 5.858 tỷ đồng, tăng 3%.

DOANH THU

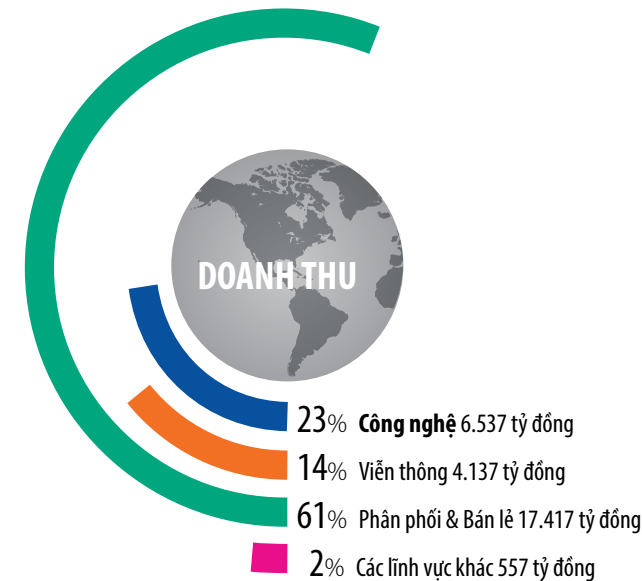
Doanh thu toàn Tập đoàn năm 2013 đạt 28.647 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với năm 2012.

Khối Công nghệ, bao gồm các lĩnh vực: Phát triển phần mềm (gồm các mảng Xuất khẩu phần mềm và Giải pháp phần mềm), Tích hợp hệ thống và Dịch vụ CNTT đạt doanh thu 6.537 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2012. Mảng Xuất khẩu phần mềm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với mức tăng trưởng doanh thu 24%, chiếm 33% doanh thu của khối Công nghệ.

Khối Viễn thông, bao gồm các lĩnh vực: Dịch vụ Viễn thông và Nội dung số, có doanh thu giảm 9%, lợi nhuận tăng 10% so với năm 2012. Trong năm 2013, Ban Điều hành FPT Online chủ động ngừng kinh doanh phân phối thẻ viễn thông do hiệu quả thấp. Nếu loại doanh thu kinh doanh thẻ viễn thông trong năm 2012 để so sánh tương đương, doanh thu khối Viễn thông tăng trưởng 11% so với năm 2012.

Khối Phân phối, Bán lẻ sản phẩm công nghệ có doanh thu đạt 17.417 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ, đạt 111% kế hoạch. Trong đó, lĩnh vực Bán lẻ có những đóng góp lớn với số lượng cửa hàng tăng gấp đôi, từ 50 cửa hàng trong năm 2012 lên 100 cửa hàng trong năm 2013 và doanh thu tăng trưởng 186% so với năm 2012.

Lãi gộp toàn FPT đạt 5.539 tỷ đồng, tương đương tỷ suất lãi gộp đạt 19,3%, tăng so với năm 2012 (18,5%), đồng thời, tổng chi phí bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng 11,2%, tăng so với năm 2012 (9,7%) phản ánh tốc độ tăng trưởng cao hơn của các mảng phần mềm, dịch vụ so với các mảng phần cứng.



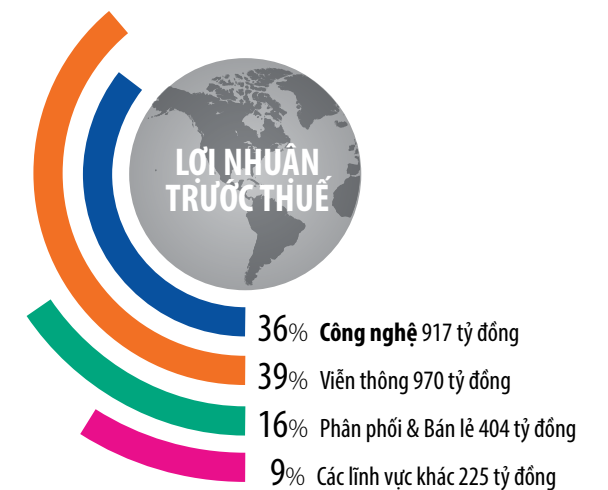
LỢI NHUẬN

Lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn đạt 2.516 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ, trong đó hai khối Công nghệ và khối Viễn thông chiếm 75%.

Khối Công nghệ có lợi nhuận trước thuế đạt 917 tỷ đồng, tương đương năm 2012 (916 tỷ đồng) do phần lợi nhuận tăng trưởng tốt của các mảng dịch vụ/giải pháp tại thị trường nước ngoài bù đắp cho phần lợi nhuận giảm của một số lĩnh vực kinh doanh phụ thuộc lớn vào thị trường trong nước. Lợi nhuận của mảng Xuất khẩu phần mềm tăng 20% so với cùng kỳ, chiếm 49% lợi nhuận của khối Công nghệ.

Khối Viễn thông có lợi nhuận trước thuế đạt 970 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2012 chủ yếu nhờ tăng trưởng lợi nhuận từ lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông (đạt 830 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2012). Lĩnh vực Nội dung số có lợi nhuận trước thuế đạt 140 tỷ đồng. Do năm 2013, FPT Online bắt đầu đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử. Nếu loại ảnh hưởng của khoản đầu tư này, lợi nhuận của lĩnh vực Nội dung số giảm 17% so với năm 2012.

Khối Phân phối, Bán lẻ sản phẩm công nghệ có lợi nhuận trước thuế đạt 404 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ. Ngoài bức tranh sáng của thị trường điện thoại thông minh, sức mua chung của toàn thị trường vẫn ở mức thấp, đặc biệt đối với các thiết bị tin học như máy tính để bàn, máy tính cá nhân,... Điều này làm tăng áp lực cạnh tranh lên các nhà phân phối, khiến lợi nhuận biên của mảng phân phối bị ảnh hưởng.



Lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn đạt 2.065 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2012.

Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 5.858 đồng, tăng 3% so với năm 2012.

Trong năm 2013, FPT đã thực hiện nộp Ngân sách Nhà nước 4.043 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm 2012, nằm trong nhóm các doanh nghiệp có đóng góp lớn nhất cho Ngân sách Nhà nước năm 2013.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ TOÀN TẬP ĐOÀN

2.065

TỶ VNĐ

KẾT QUẢ KINH DOANH 2013

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	Tăng trưởng 2013 so với 2012
Tổng doanh thu toàn Tập đoàn	25.978	25.350	28.647	13%
Lãi trước thuế	2.502	2.407	2.516	5%
Lãi sau thuế	2.079	1.985	2.065	4%
Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ	1.682	1.540	1.608	4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	6.276	5.665	5.858	3%

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	% Tổng tài sản	2012	% Tổng tài sản	2013	% Tổng tài sản
Tổng tài sản	14.943	100%	14.209	100%	17.571	100%
Tài sản cố định	2.151	14%	2.618	18%	3.076	18%
Tổng nợ ngắn hạn & dài hạn	8.717	58%	7.115	50%	9.317	53%
Nợ ngắn hạn	8.475	57%	6.820	48%	9.069	52%
Vay ngắn hạn	4.674	31%	2.860	20%	4.167	24%
Phải trả ngắn hạn khác	3.801	25%	3.960	28%	4.902	28%
Nợ dài hạn	242	2%	295	2%	248	1%
Vay dài hạn	0	0%	22	0%	55	0%
Phải trả dài hạn khác	242	2%	274	2%	193	1%
Vốn chủ sở hữu	5.518	37%	6.179	43%	7.206	41%
Vốn điều lệ	2.161	14%	2.738	19%	2.752	16%
Lợi nhuận chưa phân phối	3.173	21%	3.181	22%	4.207	24%

HIỆU QUẢ QUẢN LÝ

	2011	2012	2013
Tỷ suất lãi gộp	19,1%	18,5%	19,3%
EBITDA/Doanh thu	12,0%	12,0%	10,8%
Lãi trước thuế/Doanh thu	9,6%	9,5%	8,8%
Lãi sau thuế/Doanh thu	8,0%	7,8%	7,2%
ROE	41,9%	32,7%	29,9%
ROA	15,3%	13,8%	13,1%

Các chỉ số hiệu quả kinh doanh cơ bản được duy trì ở mức tốt qua các năm. Chỉ tiêu lợi nhuận trên doanh thu giảm nhẹ do ảnh hưởng ngắn hạn của việc đầu tư mở rộng chuỗi bán lẻ. Trong dài hạn, chỉ tiêu này sẽ được cải thiện với chiến lược tập trung đầu tư vào các khối kinh doanh có tỷ suất lợi nhuận cao như Công nghệ và Viễn thông.

Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	1,3	1,5	1,4
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,0	1,1	1,1
Vay dài hạn/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,0	0,0	0,0
Vốn vay/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,8	0,5	0,6
Hệ số đảm bảo lãi vay (lần)	11,0	11,5	20,0
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	1.847	2.410	1.400
Số dư tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng (tỷ đồng)	3.136	2.705	3.963
Nợ thuần (tỷ đồng)	1.538	176	259

FPT chú trọng quản trị dòng tiền tốt ở các lĩnh vực kinh doanh. Tổng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh năm 2013 của FPT duy trì ở mức cao, đạt 1.400 tỷ đồng. Mức này có giảm so với năm trước phản ánh sự gia tăng ngắn hạn của tồn kho và công nợ vào thời điểm cuối năm. Tổng số dư tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng đạt mức 3.963 tỷ đồng, tăng 46% so với năm trước. Thanh khoản của toàn Tập đoàn tiếp tục ở mức tốt với hệ số thanh toán hiện thời ở mức 1,4 lần, hệ số thanh toán nhanh ở mức 1,1 lần. Dư nợ vay của Tập đoàn chủ yếu là vay ngắn hạn tài trợ vốn lưu động cho lĩnh vực Phân phối. Số dư nợ thuần của Tập đoàn duy trì ở mức thấp, đạt 259 tỷ vào 31/12/2013.

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO THỊ TRƯỜNG VÀ KHỐI KINH DOANH

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO THỊ TRƯỜNG

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Doanh thu	Tăng trưởng	LNTT	Tăng trưởng
Thị trường nước ngoài	2.692	31%	446	25%
Thị trường trong nước	23.338	11%	2.070	1%
TỔNG CỘNG	28.647	13%	2.516	5%

Trong bối cảnh thị trường trong nước bị ảnh hưởng bởi khó khăn chung của nền kinh tế, Tập đoàn đã chủ động thúc đẩy kinh doanh từ thị trường nước ngoài. Kết thúc năm 2013, doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt 2.692 tỷ đồng, tăng 31%; lợi nhuận đạt 446 tỷ đồng, tăng 25%. Thành công ở thị trường nước ngoài chủ yếu nhờ vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của mảng Xuất khẩu phần mềm tại các thị trường Nhật, Mỹ. Đặc biệt, năm 2013 FPT đã đạt được những dấu mốc quan trọng trong việc ký kết các hợp đồng triển giải pháp phần mềm lõi trong các lĩnh vực chuyên biệt mà Tập đoàn đang sở hữu hoặc có kinh nghiệm triển khai tại thị trường Việt Nam ra thị trường các nước có trình độ phát triển tương đương như: Lào, Campuchia, Myanmar,... Đây là nền tảng quan trọng cho chiến lược đẩy mạnh kinh doanh ở thị trường nước ngoài của FPT.

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO KHỐI

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Doanh thu 2013	Tăng trưởng	Lợi nhuận trước thuế 2013	Tăng trưởng
Công nghệ	6.537	10%	917	0%
Viễn thông	4.137	11%	970	8%
Phân phối, Bán lẻ	17.417	21%	404	2%
Các lĩnh vực khác	557	N/A	225	N/A
TỔNG CỘNG	28.647	13%	2.516	5%

* Doanh thu gồm doanh thu bán cho khách hàng bên ngoài và doanh thu bán cho các đơn vị trong Tập đoàn với mục đích kinh doanh (ví dụ: FPT Telecom bán dịch vụ internet cho các đơn vị trong Tập đoàn).

CHI TIẾT KẾT QUẢ KINH DOANH THEO KHỐI

KHỐI CÔNG NGHỆ



Có một năm đầy ấn tượng với: Doanh thu vượt ngưỡng 100 triệu USD (tương đương 2.154 tỷ đồng), tăng trưởng 24% so với năm 2012; trở thành doanh nghiệp phần mềm Việt Nam đầu tiên đạt quy mô nhân sự trên 5.000 người; là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên lọt vào Danh sách 100 Nhà Cung cấp Dịch vụ Gia công Toàn cầu của IAOP.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

MẢNG XUẤT KHẨU PHẦN MỀM

Kết thúc năm 2013, doanh thu mảng Xuất khẩu phần mềm của FPT đạt 2.154 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 453 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2012. Trong đó, thị trường Nhật Bản, Mỹ và APAC tăng trưởng tốt nhất với mức tăng trưởng lần lượt là 32%⁽¹⁾, 62% và 46%. Doanh thu từ dịch vụ mới (S.M.A.C) đạt 95 tỷ đồng (2012: 0 đồng).

Năm 2013, ở mảng dịch vụ này FPT tiếp tục có những đầu tư mới cho nghiên cứu và phát triển, tạo nên tăng quan trọng cho thời kỳ tăng trưởng tiếp theo, đơn cử như mở trung tâm R&D tại Thung lũng Silicon (Mỹ) nhằm cập nhật và triển khai nghiên cứu các dịch vụ theo những xu hướng công nghệ mới nhất của thế giới.

Doanh thu theo các thị trường trọng điểm:

Thị trường Nhật Bản chiếm 52% tổng doanh thu mảng Xuất khẩu phần mềm (năm 2012: 58%) tương đương 1.121 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ tính theo đồng VNĐ. Nếu loại ảnh hưởng của việc giảm giá 21,6% của đồng Yên Nhật (JPY) trong năm 2013, doanh thu từ thị trường Nhật Bản tăng trưởng xấp xỉ 32%. Đây là kết quả vượt bậc trong bối cảnh mức chi cho CNTT tại thị trường Nhật Bản ước

tính giảm 15% trong năm 2013. FPT tiếp tục được các đối tác Nhật Bản tin cậy tạo tiền đề cho việc mở rộng quy mô của Tập đoàn tại thị trường này.

Thị trường Mỹ đạt doanh thu 585 tỷ đồng, tăng trưởng 62% so với năm 2012, chiếm 27% tổng doanh thu mảng Xuất khẩu phần mềm của FPT. Đây là thị trường có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất của FPT trong năm 2013. Ngoài dịch vụ Ủy thác Phát triển phần mềm truyền thống, FPT cũng đã tiếp tục chứng minh được năng lực triển khai dịch vụ trên nền công nghệ Cloud thông qua việc: Xây dựng, triển khai và vận hành kho ứng dụng trên nền công nghệ Cloud cho TV thông minh của Liên minh Các nhà sản xuất TV thông minh thế giới (STA); được Microsoft công nhận năng lực vàng về công nghệ Mobility; được Amazon Web Services công nhận là đối tác tư vấn cao cấp (Advanced Consulting Partner) về việc triển khai dịch vụ trên nền công nghệ Cloud, mở ra nhiều cơ hội hợp tác triển khai cho khách hàng cả hai bên.

Thị trường châu Âu có doanh thu giảm nhẹ 1,8% so với năm 2012, chiếm 9% tổng doanh thu mảng Xuất khẩu phần mềm, tương đương 194 tỷ đồng, thấp hơn kỳ vọng của Ban Điều hành do chiến lược marketing chưa phù hợp. Năm 2014, FPT sẽ thay đổi

và tiếp tục đẩy mạnh hoạt động marketing tại thị trường châu Âu để khai thác hiệu quả thị trường tiềm năng này.

Thị trường APAC tăng trưởng 46%, đạt doanh thu 253 tỷ đồng, chiếm 12% tổng doanh thu mảng Xuất khẩu phần mềm. Sau nhiều nỗ lực, FPT hiện là 1 trong 8 Nhà Cung cấp đạt các tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ CNTT cho Chính phủ Singapore. Năm 2013, lần đầu tiên FPT được lựa chọn cung cấp dịch vụ chuyển đổi các ứng dụng trên mảng công nghệ Sharepoint cho Chính phủ nước này. Dự án này là dấu mốc quan trọng mở ra triển vọng hợp tác lớn hơn nữa cho FPT tại thị trường Singapore.

MẢNG GIẢI PHÁP PHẦN MỀM

Kết thúc năm 2013, mảng Giải pháp phần mềm đạt doanh thu 665 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2012, đạt 101% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 95 tỷ đồng, thấp hơn năm 2012 phần lớn do việc tăng chi phí cho hoạt động nghiên cứu cũng như áp lực tạm thời về giá và chi phí trong bối cảnh thị trường trong nước gặp khó khăn.

Đẩy mạnh cung cấp các giải pháp tổng thể do FPT phát triển

Năm 2013, giải pháp quản lý tổng thể bệnh viện - FPT e.Hospital đã được triển khai tại Bệnh viện Chợ Rẫy, TP. HCM. Đây là gói thầu xác lập kỷ lục mới về giá trị cho sản phẩm FPT e.Hospital của FPT với giá trị 25 tỷ đồng. FPT e.Hospital đã được triển khai tại gần 69 bệnh viện trên toàn quốc.

Tháng 8/2013, FPT ký kết hợp đồng triển khai Phần mềm Quản lý Tổng thể nguồn nhân lực (FPT.iHRP) với Công ty TNHH Nhà Máy Sửa Chữa & Đóng Tàu Sài Gòn (Triyards SSY) có quy mô hơn 2.000 nhân viên.

Hệ thống Thông tin Chính quyền điện tử - FPT.eGOV do FPT phát triển đã được đưa vào sử dụng tại 21 tỉnh thành trên cả nước.

Tiếp tục giới thiệu các gói giải pháp trên nền các công nghệ mới mà Tập đoàn đang theo đuổi

Trong năm 2013, FPT đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác toàn diện với MobiFone, Samsung trong việc cung cấp gói Giải pháp Quản trị doanh nghiệp trên nền công nghệ Mobility cho các doanh nghiệp trong các lĩnh vực: Dược phẩm, Điện máy, Nhựa, Cao su Xăng dầu, Hàng tiêu dùng,... tại Việt Nam.

Tích cực đưa các giải pháp của FPT tiếp cận thị trường nước ngoài

FPT tiếp tục nỗ lực đưa các giải pháp của Tập đoàn đã được triển khai thành công tại thị trường Việt Nam sang thị trường các nước đang phát triển thông qua việc tham dự và tài trợ hàng loạt các hội thảo quốc tế như: Hội thảo "Ứng dụng và phát triển CNTT trong lĩnh vực tài chính ngân hàng Việt Nam - Myanmar", hội thảo "ERP - Cách tân phương pháp quản trị doanh nghiệp tương lai"... tại Myanmar.

Năm 2013, Tập đoàn đã bước đầu thu được những kết quả tích cực từ nỗ lực này với một số kết quả tiêu biểu như: Triển khai giải pháp ngân hàng lõi đầu tiên ở thị trường Myanmar cho ngân hàng Innwa Bank; triển khai hệ thống Quản lý mạng tập trung và hệ thống tính cước, quản lý khách hàng và bán hàng đa dịch vụ cho Lào Telecom với tổng trị giá 3,7 triệu USD.

Tích cực mở rộng hoạt động tại thị trường nước ngoài sẽ là hướng đi chủ đạo trong năm 2014 của mảng Giải pháp phần mềm.

Duy trì tăng trưởng trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế. Đã đặt nền móng quan trọng cho chiến lược toàn cầu hóa, đưa các giải pháp phần mềm lõi mà FPT sở hữu hoặc có kinh nghiệm triển khai tại thị trường trong nước ra thị trường nước ngoài.

Giải thưởng tiêu biểu

Tháng 1/2014, lọt vào Danh sách 100 Nhà Cung cấp Dịch vụ Gia công Toàn cầu của IAOP.

Tháng 1/2013, được Microsoft công nhận năng lực vàng về công nghệ Mobility.

Tháng 9/2013, được Tạp chí Software của Mỹ bình chọn là 1 trong 500 Doanh nghiệp Phần mềm hàng đầu thế giới theo quy mô doanh thu FPT xếp thứ 296.

Hoạt động tiêu biểu

Tháng 5/2013, khởi công tòa nhà F-Town 2 tại khu Công nghệ cao Quận 9, TP. HCM

⁽¹⁾ Tăng trưởng ở đây đã loại bỏ ảnh hưởng của biến động tỷ giá

Tháng 10/2013 ra mắt Liên doanh F-Agrex với Công ty Agrex (Nhật Bản), liên doanh đầu tiên trong lĩnh vực BPO tại khu vực Đông Nam Á. Dự kiến đến năm 2015 doanh thu của Liên doanh đạt 5 triệu USD.

Tháng 11/2013, khai trương giai đoạn 1 làng phần mềm F-Ville tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội. Đây là khu campus thứ 3 của FPT trên toàn quốc.

Tháng 12/2013, ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh lớn nhất lịch sử FPT với Tập đoàn Recruit Technologies (Nhật Bản).

Tiếp tục khẳng định thị phần số 1 tại Việt Nam trong bối cảnh chi tiêu cho CNTT trong nước vẫn ở mức thấp

Hoạt động tiêu biểu

Tháng 10/2013 triển khai "Hệ thống quản lý dữ liệu Trung tâm thông tin tin dụng" cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ký kết "Ghi nhớ Hợp tác chiến lược về CNTT-VT" giai đoạn 2014-2020 với Kiểm toán Nhà nước.

Nghiệm thu dự án triển khai Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và kho bạc cho Bộ Tài chính Việt Nam (TABMIS)

Cung cấp và triển khai Hệ thống Thông tin quản lý tài chính cho Kho bạc Nhà nước - Chính phủ Hoàng gia Campuchia (FMIS) trị giá 10 triệu USD.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực Phát triển phần mềm năm 2013

Đơn vị: tỷ đồng	2012	2013	Tăng trưởng
Doanh thu	2.340	2.819	20%
Xuất khẩu phần mềm	1.736	2.154	24%
Giải pháp phần mềm	603	665	10%
Lợi nhuận trước thuế	496	548	11%
Xuất khẩu phần mềm	377	453	20%
Giải pháp phần mềm	119	95	-20%
Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	21,2%	19,4%	
Xuất khẩu phần mềm	21,7%	21,0%	
Giải pháp phần mềm	19,6%	14,3%	

LĨNH VỰC TÍCH HỢP HỆ THỐNG

Ngân sách cả năm dành cho CNTT từ khối Chính phủ tiếp tục ở mức thấp do ngân sách Nhà nước chịu sức ép lớn từ kinh tế tăng trưởng chậm lại. Bên cạnh đó, khối ngân hàng cũng tiếp tục chứng kiến mức đầu tư cho CNTT sụt giảm do tình hình kinh doanh chưa được cải thiện đáng kể so với năm 2012. Tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống thấp, lợi nhuận của đa số các ngân hàng bị giảm sút, sức khỏe của nhóm các ngân hàng yếu kém chưa được phục hồi. Các tác nhân trên đã ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực Tích hợp hệ thống.

Trong bối cảnh đó, FPT vẫn tiếp tục nỗ lực thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, duy trì doanh thu của lĩnh vực Tích hợp hệ thống đạt 2.997 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2012, đạt 102% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 264 tỷ, giảm 57 tỷ so với cùng kỳ do áp lực cạnh tranh trong nước và việc tăng chi phí cho nghiên cứu phát triển.

Trong năm 2013, FPT tiếp tục mở thêm hướng đi mới cho lĩnh vực Tích hợp hệ thống thông qua việc đẩy mạnh ký kết hợp tác hỗ trợ các tỉnh, thành phố phát triển ngành CNTT địa phương. FPT hiện đang triển khai hệ thống chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ninh; hợp tác chiến lược đầu tư phát triển CNTT tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013 - 2020; hợp tác chiến lược với UBND TP. Hải Phòng tiến tới xây dựng Hải Phòng thành Thành phố có mô hình tiên tiến về ứng dụng khoa học công nghệ.

FPT tiếp tục khẳng định được năng lực cung cấp các giải pháp CNTT tổng thể cho khách hàng thuộc khối doanh nghiệp. Giải pháp rút ngắn thời gian triển khai ERP cho ngành thép - FPT.iFESS (FPT Express Steel Solution) do đội ngũ chuyên gia của FPT xây dựng đã được chấp thuận bởi hội đồng

Giải thưởng tiêu biểu

Lần thứ 5 liên tiếp giành giải thưởng đơn vị cung cấp Dịch vụ Tích hợp hệ thống và đơn vị Phần mềm hàng đầu do Hội Tin học TP. HCM bình chọn.

Doanh thu năm 2013 đạt 720 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 104 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Các hợp đồng bảo dưỡng hệ thống ATM tiếp tục được duy trì với 4 ngân hàng lớn nhất Việt Nam.

Giải thưởng tiêu biểu

Giành giải Nhất eAsia Awards 2013, hạng mục Ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực công với dự án Xây dựng và triển khai hệ thống Thông quan điện tử cho ngành Hải quan Việt Nam (E-customs)

RDS (Rapid Deployment Solution) của SAP khu vực Châu Á Thái Bình Dương và được đưa lên eStore (kho giải pháp) của SAP. Đây là thuận lợi lớn cho FPT trong việc thể hiện năng lực triển khai các giải pháp trên nền tảng công nghệ của SAP. Trong năm 2014, FPT sẽ tiếp tục mở rộng xây dựng và triển khai các giải pháp tương tự cho ngành xây dựng, bất động sản, thực phẩm, dịch vụ ăn uống.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực Tích hợp hệ thống năm 2013

Đơn vị: tỷ đồng	2012	2013	Tăng trưởng
Doanh thu	2.919	2.997	3%
Lợi nhuận trước thuế	322	264	-18%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	11,0%	8,8%	

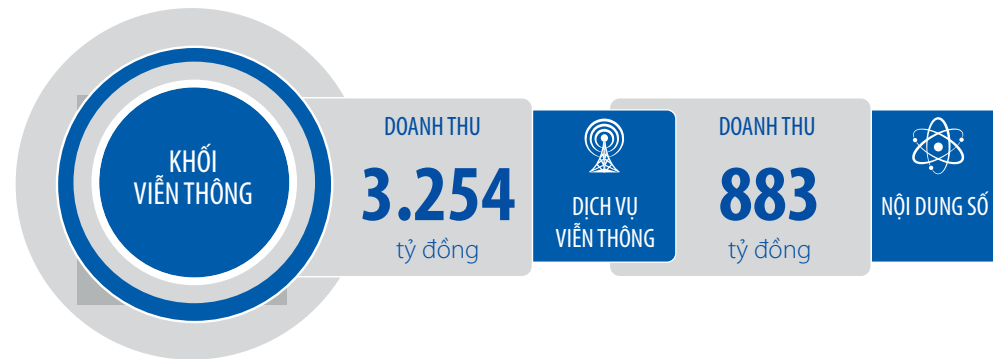
LĨNH VỰC DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bên cạnh các dịch vụ truyền thống là bảo dưỡng hệ thống phần cứng (đang chiếm thị phần lớn nhất tại Việt Nam), từ tháng 4/2013, FPT chính thức ra mắt Dịch vụ điện tử trọn gói cho thị trường trong nước, gồm: Chữ ký số (FPT.CA), khai thuế điện tử (FPT.eTax) và khai hải quan điện tử (FPT.eCustoms). Đây là dịch vụ cầu nối tạo điều kiện thuận lợi cho cả cơ quan chức năng và người sử dụng dịch vụ, giúp khai thác hiệu quả hạ tầng thông tin mà Nhà nước đã đầu tư, góp phần vào công cuộc cải cách thủ tục hành chính tại Việt Nam.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực Dịch vụ CNTT tin năm 2013

Đơn vị: tỷ đồng	2012	2013	Tăng trưởng
Doanh thu	680	720	6%
Lợi nhuận trước thuế	98	104	6%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	14,4%	14,5%	

KHỐI VIỄN THÔNG



LĨNH VỰC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Tiếp tục mở rộng hạ tầng với việc hoàn thiện mạch B tuyến đường trục Bắc - Nam, đưa vào hoạt động tuyến đường trục quốc tế đầu tiên kết nối với Lào, mở rộng vùng phủ ra 54/63 tỉnh thành trên cả nước. Đồng thời, tiếp tục tăng trưởng tốt hơn so với tốc độ tăng trưởng trung bình toàn thị trường. Hoạt động Toàn cầu hóa có những bước tiến quan trọng với việc mở rộng thị trường sang Campuchia.

Năm 2013, lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông đạt doanh thu 3.254 tỷ đồng, tăng trưởng 18% so với cùng kỳ, đạt 103% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 830 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2012.

Đối với các khách hàng cá nhân, bên cạnh dịch vụ internet băng rộng truyền thống, FPT đã ra mắt các dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu giải trí của người dùng. Từ 1/4/2013, FPT chính thức cung cấp thiết bị và dịch vụ giải trí FPT Play HD cho phép người dùng thưởng thức các nội dung theo yêu cầu với chất lượng tốt nhất ngay tại nhà - đánh dấu bước phát triển lớn trong lĩnh vực IPTV tại Việt Nam. Ứng dụng xem truyền hình FPT Play trên các thiết bị di động như: Điện thoại thông minh, máy tính bảng được cung cấp trên kho ứng dụng của Google và Apple từ đầu tháng 10/2013. Tính tới cuối năm 2013, FPT Play đã có gần 50.000 lượt tải về.

Tháng 8/2013, FPT nhận được giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình cáp. Với lợi thế là một trong 3 ISP (nhà cung cấp dịch vụ internet) hàng đầu tại Việt Nam, FPT có nhiều ưu thế trong việc cung cấp thêm dịch vụ truyền hình cáp tới khách hàng.

Khối khách hàng doanh nghiệp tiếp tục phát triển tốt. FPT đã thực hiện

nâng cấp, mở rộng hạ tầng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Tháng 9/2013, FPT khai trương trung tâm dữ liệu (TTDL) Phạm Hùng, Hà Nội. Đây là TTDL thứ 4 của FPT trên cả nước và là TTDL đầu tiên tại Việt Nam đạt được đủ 3 bộ chứng chỉ: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; hệ thống quản lý ISO 27001:2005 và quản trị năng lượng ISO 50001:2011. TTDL Phạm Hùng cũng là TTDL đầu tiên tại Việt Nam nhận được chứng chỉ Quản trị năng lượng ISO 50001:2011. Việc đạt được chứng chỉ ISO 50001:2011 là lời khẳng định của FPT trong việc sử dụng năng lượng hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm/dịch vụ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Tháng 10/2013, TTDL EPZ tại Khu chế xuất Tân Thuận (TP. HCM) của FPT đã trở thành TTDL đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng chỉ quốc tế Uptime Tier III do Uptime Institute, Mỹ chứng nhận. Với chứng chỉ Uptime Tier III dành cho Data Center EPZ của FPT, Việt Nam đã trở thành nước thứ 3 tại Đông Nam Á sở hữu chứng nhận uy tín này, trước đó là Malaysia và Indonesia.

Về phát triển cơ sở hạ tầng, tuyến đường trục Bắc - Nam mạch B được đưa vào sử dụng giúp FPT nâng dung lượng băng thông trong nước lên

Hoạt động tiêu biểu

Tháng 8/2013 nhận giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình cáp với dịch vụ truyền hình cáp tương tự (analog) và truyền hình cáp kỹ thuật số (digital).

Tháng 4/2013 cung cấp thiết bị và dịch vụ giải trí FPT Play HD.

Chứng chỉ quốc tế tiêu biểu

TTDL EPZ tại Khu chế xuất Tân Thuận (TP. HCM) của FPT trở thành TTDL đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng chỉ quốc tế Uptime Tier III do Uptime Institute, Mỹ chứng nhận

hàng trăm Gbps đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của khách hàng cá nhân và tổ chức. Đồng thời việc hoàn thiện tuyến đường trục đầu tiên kết nối với Lào cũng giúp FPT nâng cao năng lực dự phòng băng thông.

Trong năm 2013, FPT tiếp tục mở rộng thị trường sang Campuchia với sự hiện diện tại 5 tỉnh thành lớn, gồm: Phnom Penh, Kandal, Kampong Cham, Battam Bang và Siem Reap.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực Dịch vụ viễn thông năm 2013

Đơn vị: tỷ đồng	2012	2013	Tăng trưởng
Doanh thu	2.750	3.254	18%
Lợi nhuận trước thuế	691	830	20%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	25,1%	25,5%	

LĨNH VỰC NỘI DUNG SỐ

Năm 2013, FPT Online có nhiều điểm nhấn quan trọng trong hoạt động công nghệ như:

Chuyển đổi toàn bộ hạ tầng công nghệ và tích hợp hơn 20 dịch vụ trên báo điện tử VnExpress từ công nghệ Microsoft sang Open Source (Social, Mobile, Cloud), tiết kiệm trên 30% chi phí vận hành và hạ tầng. Từ đó, đáp ứng hơn 1,5 tỷ lượt xem cho 25 triệu người dùng mỗi tháng, cùng với 400 triệu lượt xem hàng tháng trên thiết bị di động.

Triển khai thành công hệ thống quảng cáo thông minh eClick AdNetwork (phiên bản Beta). eClick hiện xử lý 10 Terabyte dữ liệu lớn với dung lượng trung bình 30 GB Logs mỗi ngày, 5 tỷ lượt xem quảng cáo hàng tháng, mang đến doanh thu mới chiếm 5% trong tổng doanh thu quảng cáo trực tuyến của lĩnh vực Nội dung số.

Tuy nhiên, năm 2013 vẫn tiếp tục là một năm khó khăn chung cho mảng trò chơi trực tuyến và quảng cáo trực tuyến do tác động của suy thoái kinh tế, doanh nghiệp cắt giảm ngân sách chi tiêu cho hoạt động quảng cáo, cộng với việc nhà nước thắt chặt chính sách quản lý và phát hành game và tình trạng game lậu trên thị trường ngày càng nhiều. Trong năm 2013, FPT Online đã phát hành thành công game Avatar Star với số người chơi tại thời điểm cao nhất lên tới 34.000 người. Thành công này đã giúp Avatar Star đạt 2 giải thưởng Game Casual được yêu thích nhất của năm và Game online được yêu thích nhất của năm do GameK tổ chức.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực Nội dung số năm 2013

Đơn vị: tỷ đồng	2012	2013	Tăng trưởng
Doanh thu	985	883	-10%
Lợi nhuận trước thuế	203	140	-31%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	20,6%	15,8%	

* Doanh thu năm 2012 đã loại doanh thu từ kinh doanh thẻ viễn thông để so sánh tương đương với năm 2013.

KHỐI PHÂN PHỐI, BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ



Duy trì vị thế số 1 về phân phối tại thị trường trong nước với danh mục nhãn hiệu phân phối ngày càng đa dạng, bao phủ đầy đủ các phân khúc thị trường. Ký kết phân phối iPhone tại thị trường Việt Nam.

Hoạt động tiêu biểu

Tháng 4/2013, chính thức phân phối điện thoại iPhone và trở thành đơn vị đầu tiên được quyền phân phối tất cả sản phẩm của Apple tại Việt Nam

LĨNH VỰC PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Thị trường sản phẩm CNTT và điện thoại di động trong nước có sự phân hóa khá rõ trong năm 2013. Ở thị trường sản phẩm CNTT, mức tăng trưởng toàn thị trường đạt thấp, đặc biệt máy tính xách tay giảm 2,98%. Trong khi đó, ở thị trường điện thoại di động, xu hướng dịch chuyển sang điện thoại thông minh tiếp tục diễn ra rõ nét khiến thị trường điện thoại tăng trưởng mạnh về giá trị, tuy số lượng máy bán ra chỉ tăng 1,9%.

Trong bối cảnh nhu cầu thị trường chung tăng thấp, áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành tiếp tục gia tăng. Nhiều doanh nghiệp trong ngành có lợi nhuận giảm mạnh. Tuy vậy, FPT đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch đề ra. Kết thúc năm 2013, doanh thu Lĩnh vực Phân phối đạt 14.485 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, đạt 106% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 436 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ.

Nhằm củng cố danh mục phân phối, tận dụng mạng lưới đại lý phủ hầu hết 63 tỉnh thành, FPT liên tục liên kết với các đối tác là các nhà sản xuất điện thoại thông minh hàng đầu thế giới, bổ sung các dòng sản phẩm bán chạy nhất vào danh mục phân phối. Từ tháng 4/2013, FPT được quyền phân phối iPhone chính hãng tại Việt Nam. Các dòng điện thoại thông minh của Lenovo do FPT phân phối tăng trưởng ấn tượng với con số 749% trong năm 2013. Hai nhãn hàng điện thoại iPhone và Lenovo đã đóng góp đáng kể vào doanh thu mảng phân phối điện thoại của FPT với tỷ trọng đóng góp từ 1% trong năm 2012 lên 17% trong năm 2013.

Bước sang tháng đầu tiên của năm 2014, FPT chính thức trở thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm điện thoại của Huawei tại thị trường Việt Nam.

Việt Nam và Thái Lan được đánh giá là một trong hai thị trường điện thoại thông minh tăng trưởng mạnh nhất trong khu vực Đông Nam Á. Với việc là nhà phân phối hàng đầu của hầu hết các hãng điện thoại lớn trên thế giới, FPT đang chuẩn bị tốt cho việc nắm bắt cơ hội từ xu hướng dịch chuyển của người dùng từ điện thoại phổ thông sang các dòng điện thoại thông minh.

Doanh thu đạt 2.932 tỷ đồng, bằng 2,86 lần năm 2012. Tăng gấp đôi số lượng cửa hàng bán lẻ so với năm 2012 và có mặt tại 50 tỉnh thành trên toàn quốc.

Năm 2013 khối Giáo dục cũng đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, tổng số sinh viên mới nhập học đạt 4.700 sinh viên.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực Phân phối sản phẩm công nghệ năm 2013

Đơn vị: tỷ đồng	2012	2013	Tăng trưởng
Doanh thu	13.311	14.485	9%
Lợi nhuận trước thuế	432	436	1%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	3,2%	3,0%	

LĨNH VỰC BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Lĩnh vực Bán lẻ sản phẩm công nghệ có một năm thành công khi hoàn thành các mục tiêu đề ra. Kết thúc năm 2013, doanh thu bán lẻ các sản phẩm viễn thông và CNTT đạt 2.932 tỷ đồng, tăng trưởng 186% so với năm 2012 trong khi số lượng cửa hàng tăng 100%, đạt 100 cửa hàng. Với kế hoạch mở thêm 50 cửa hàng bán lẻ trong năm 2014, FPT dự kiến lĩnh vực Bán lẻ sẽ bắt đầu có lãi trong năm tài chính này.

Kết quả kinh doanh lĩnh vực Bán lẻ sản phẩm công nghệ năm 2013

Đơn vị: tỷ đồng	2012	2013	Tăng trưởng
Doanh thu	1.026	2.932	186%
Lợi nhuận trước thuế	-35	-32	n/a
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	-3,4%	-1,1%	

KHỐI GIÁO DỤC

Tháng 3/2013, Trường THPT FPT (FPT School) được thành lập theo mô hình nội trú tại Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Hà Nội.

Năm 2013, Đại học FPT lần đầu giành vé vào Chung kết cuộc thi Lập trình Quốc tế Toàn cầu (ACM/ICPC), đồng thời, lần thứ 3 liên tiếp nhận giải thưởng Sao Khuê 2013 cho đơn vị đào tạo nhân lực CNTT hệ chính quy và hệ phi chính quy xuất sắc. Với chất lượng đào tạo nổi trội về CNTT, cơ sở vật chất tốt và chương trình giảng dạy cập nhật, phù hợp với thực tiễn, khối giáo dục hiện đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn lực của FPT. Trong thời gian tới, khối Giáo dục sẽ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại TP. HCM.

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2013, nền kinh tế thế giới tăng trưởng khoảng 2,1%, chỉ cao hơn thời điểm khủng hoảng 2008 và thấp nhất trong vòng 4 năm trở lại đây. Tuy nhiên, tình hình tài chính toàn cầu đã có chiều hướng ổn định hơn. Trong nước, GDP năm 2014 được Chính phủ đặt kỳ vọng tăng 5,8%, tuy cao hơn năm 2012 nhưng vẫn ở trong dải tăng trưởng thấp trong vòng 5 năm gần đây. Triển vọng kinh tế vĩ mô theo đà đi ngang cũng sẽ ảnh hưởng tới các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp trong ngành CNTT-VT nói riêng.

TRIỂN VỌNG NGÀNH VÀ CƠ HỘI CHO FPT

Ngành CNTT thế giới đang chuyển dịch sang nền tảng công nghệ thế hệ 3 từ máy chủ, máy trạm, mạng LAN (nền tảng thứ 2) sang nền tảng công nghệ S.M.A.C. Các nhà cung cấp dịch vụ sẽ đứng cùng một vạch xuất phát trong lĩnh vực công nghệ mới này. Thị trường các nước đang phát triển như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu là những thị trường tiềm năng nhất cho các dịch vụ giải pháp ứng dụng công nghệ mới nêu trên.

Trong nước, năm 2014, nền kinh tế được dự báo sẽ phục hồi chậm. Điều này sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng từ thị trường trong nước của FPT. Trong bối cảnh đó, bên cạnh mục tiêu củng cố và gia tăng thị phần trong nước, FPT đặt quyết tâm mở rộng phạm vi hoạt động tại các thị trường bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

TRIỂN VỌNG THEO KHỐI

KHỐI CÔNG NGHỆ

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM

Mảng Xuất khẩu Phần mềm:

Mảng Xuất khẩu phần mềm sẽ tiếp tục là mũi nhọn trong chiến lược Toàn cầu hóa của FPT. Thị trường ủy thác Dịch vụ CNTT (IT outsourcing) thế giới được Gartner ước tính lên tới 288 tỷ USD, và dự báo tiếp tục tăng trưởng 5,2% trong năm 2014. Đây được xem là thị trường không giới hạn cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực Dịch vụ CNTT tại Việt Nam. Bên cạnh các Dịch vụ CNTT truyền thống được các chuyên gia dự báo tiếp tục tăng trưởng với tốc độ một chữ số, các dịch vụ liên quan đến Cloud, Mobility luôn được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ hai

chữ số. Đây cũng chính là khu vực được kỳ vọng sẽ tạo động lực tăng trưởng cao cho mảng Xuất khẩu phần mềm của FPT trong thời gian tới. Năm 2013, sau chưa đầy một năm triển khai dịch vụ liên quan đến Cloud và Mobility, FPT đã bắt đầu có doanh thu (đạt 95 tỷ đồng) đã chứng tỏ năng lực của FPT trong việc nắm bắt và triển khai những công nghệ mới.

Riêng với thị trường Nhật Bản, các doanh nghiệp Việt Nam đang có lợi thế trước xu hướng các doanh nghiệp Nhật Bản tìm kiếm thêm đối tác cung cấp dịch vụ CNTT khác ngoài Trung Quốc. Với nguồn nhân lực dồi dào, chi phí sản xuất ở mức hợp lý, Việt Nam được đánh giá là một trong 10 điểm đến hấp dẫn nhất thế giới về gia công phần mềm⁽²⁾. Với quy mô hơn 4.000 kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế và là nhà tuyển dụng được ưa thích nhất trong lĩnh vực CNTT tại Việt Nam (theo kết quả khảo sát của CareerBuilder), FPT có nhiều lợi thế trong việc tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao.

LĨNH VỰC TÍCH HỢP HỆ THỐNG

Theo xếp hạng của Báo cáo CNTT Toàn cầu 2013 (2013 Global IT Report) của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Việt Nam xếp thứ 84/144, tụt 1 hạng so với năm 2012, mặc dù điểm xếp hạng đạt 3,74 điểm, cao hơn mức 3,70 của năm 2012. Điều này cho thấy mức độ sẵn sàng của Việt Nam với nền kinh tế điện tử tuy cải thiện, nhưng tăng chậm hơn các quốc gia có cùng trình độ phát triển. Báo cáo còn cho thấy việc đầu tư cho CNTT là tất yếu và cần thiết để nhanh chóng cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia và hối thúc các quốc gia như Việt Nam nhanh chóng đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi cho lĩnh vực CNTT phát triển.

Chính phủ đã nhận thức rõ về vai trò của CNTT, thể hiện qua Nghị quyết 16/CP-NQ ngày 8/6/2012) nhằm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 16/1/2012, về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ năm 2014, việc Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về ứng dụng CNTT được kỳ vọng sẽ thúc đẩy thị trường CNTT tại Việt Nam phát triển nhanh hơn nữa. Tuy nhiên, hạn chế của Việt Nam là ngân sách đầu tư của Chính phủ có thể tiếp tục bị thắt chặt, bao gồm cả ngân sách chi tiêu cho CNTT. IDC dự báo trong năm 2014, nhóm thiết bị tin học, gồm: máy tính cá nhân (PC), máy tính xách tay, máy tính bảng, máy chủ, thiết bị lưu trữ, thiết bị ngoại vi (peripheral) chỉ tăng 0,05% so với 2013.

⁽²⁾ Theo khảo sát của Tập đoàn A.T. Kearney, 2011

Khối Ngân hàng tiếp tục quá trình tái cấu trúc nên ngân sách chi tiêu cho CNTT từ khối này trong năm 2013 thấp hơn năm trước. Dự báo năm 2014, ngân sách chi cho CNTT của khối Ngân hàng sẽ tiếp tục bị siết chặt và phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe chung của toàn hệ thống, cụ thể là việc giải quyết bài toán nợ xấu, đầu ra cho nguồn vốn (tăng trưởng tín dụng) và tái cấu trúc các ngân hàng yếu kém.

Trên thị trường viễn thông, năm 2014 Chính phủ dự kiến đẩy mạnh tái cấu trúc các doanh nghiệp viễn thông. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng tới đầu tư cho CNTT nói chung và lĩnh vực Tích hợp hệ thống nói riêng.

KHỐI VIỄN THÔNG

LĨNH VỰC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Theo thống kê của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), tỷ lệ thâm nhập dịch vụ internet tại Việt Nam xếp thứ 111/228 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng, đạt 39%. Bên cạnh khu vực nông thôn (chiếm gần 70% dân số cả nước) còn nhiều tiềm năng phát triển, nhu cầu về băng thông và tốc độ đường truyền của người dùng, đặc biệt tại các đô thị lớn, có chiều hướng gia tăng nhanh chóng đã tạo ra những nhu cầu dịch vụ mới. Sự phổ biến của các định dạng dữ liệu có kích thước lớn truyền qua internet (video, hình ảnh độ phân giải cao, hội nghị truyền hình,...) và sự ra đời của các thiết bị di động làm tăng mạnh nhu cầu về băng thông dịch vụ, đòi hỏi các nhà cung cấp phải liên tục nâng cấp hạ tầng, đưa ra các gói dịch vụ cao cấp nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Đây là điều kiện thuận lợi để năm 2014, FPT đẩy mạnh triển khai các gói dịch vụ cao cấp nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc nâng cấp đường truyền sẽ tạo điều kiện để khách hàng tiếp cận các dịch vụ gia tăng như truyền hình cáp, truyền hình theo yêu cầu sử dụng công nghệ IPTV, dịch vụ lưu trữ trực tuyến,... Đồng thời, với lợi thế là một trong ba nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cố định hàng đầu tại Việt Nam và hạ tầng ngày càng hiện đại, FPT sẽ tiếp tục mở rộng thị phần cung cấp các dịch vụ trung tâm dữ liệu, cho thuê máy chủ, ... cho các khách hàng tổ chức.

LĨNH VỰC NỘI DUNG SỐ

Với cộng đồng người dùng internet lớn mạnh nhanh chóng, đạt hơn 31 triệu người sử dụng trong năm 2013,

lĩnh vực Nội dung số non trẻ có nhiều cơ hội phát triển tại Việt Nam trong dài hạn.

Theo báo cáo năm 2013 của ComScore, Việt Nam có cộng đồng người dùng internet lớn nhất khu vực Đông Nam Á và đứng thứ hai tại khu vực này về thời gian sử dụng internet. Trong đó, đối tượng sử dụng internet nhiều nhất là dân số trẻ, dưới 35 tuổi với tỷ lệ 74% và thời gian sử dụng nhiều nhất là cho mạng xã hội và nhu cầu tin tức.

Còn theo khảo sát của Kantar Media, tin tức là nhu cầu lớn thứ hai đối với người dùng internet tại Việt Nam, điều này có nghĩa là báo điện tử ngày càng trở thành một kênh thông tin quan trọng.

FPT đang duy trì các báo điện tử và cổng thông tin bằng tiếng Việt hàng đầu như: VnExpress.net, ngoisao.net,... với hơn 1,5 tỷ lượt xem và 25 triệu người dùng mỗi tháng. Đây là những tiền đề quan trọng để FPT tiếp tục cung cấp các dịch vụ đang có cũng như phát triển thêm nhiều loại hình nội dung số hơn nữa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cộng đồng hơn 31 triệu người dùng internet tại Việt Nam.

Trong lĩnh vực Trò chơi trực tuyến, theo ước tính, thị trường trò chơi trực tuyến tại Việt Nam có khoảng 15 triệu người chơi và là thị trường có số lượng người chơi lớn nhất Đông Nam Á. Sau nhiều năm ngừng cấp phép, năm 2013, Chính phủ đã có tín hiệu cho phép phát hành trò chơi trực tuyến trở lại. Đây là tín hiệu chính sách tích cực, giúp FPT thay đổi mạnh mẽ để lấy lại đà tăng trưởng trong mảng kinh doanh trò chơi trực tuyến.

KHỐI PHÂN PHỐI, BÁN LẺ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ

Đối với thị trường thiết bị viễn thông, xét trên bình diện toàn thị trường, mức tăng trưởng hai chữ số của điện thoại thông minh dự kiến sẽ bù đắp cho mức sụt giảm hai chữ số của điện thoại phổ thông trong năm 2014. Với danh mục phân phối gồm các hãng điện thoại thông minh hàng đầu như: iPhone, Nokia, Lenovo, HTC, FPT Phone và gần đây nhất là Huawei, danh mục phân phối của FPT Trading hiện đã phủ hết các phân khúc điện thoại thông minh từ cao cấp đến bình dân, chuẩn bị tốt trước xu hướng dịch chuyển sang điện thoại thông minh của thị trường.

Thị trường sản phẩm CNTT trong nước được dự báo sẽ tiếp tục đi ngang, ngoại trừ sản phẩm máy tính bảng. Sức mua yếu trên thị trường CNTT sẽ tiếp tục gây sức ép lớn lên các nhà phân phối, bán lẻ.

DOANH THU NĂM 2014

31.892

TỶ VNĐ

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2014

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và triển vọng các lĩnh vực hoạt động của FPT như trên, Hội đồng Quản trị đề ra những định hướng chiến lược cho năm 2014 như sau:

Toàn cầu hóa:

- ▶ Đẩy mạnh mảng Xuất khẩu phần mềm tại thị trường Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu thông qua việc tăng cường đào tạo chuyên gia, nghiên cứu công nghệ mới và đẩy mạnh hoạt động marketing;
- ▶ Phát triển dịch vụ BPO mà nguồn nhân lực đã được chuẩn bị và được đối tác Nhật Bản đào tạo kỹ lưỡng trong năm 2013;
- ▶ Đẩy mạnh cung cấp các giải pháp phần trong các lĩnh vực chuyên biệt như: Chính phủ, Ngân hàng, Viễn thông, Y tế,... ra thị trường nước ngoài, đặc biệt là thị trường các nước đang phát triển như: Lào, Campuchia, Myanmar, Bangladesh, Ghana, Bhutan, Senegal, ...;
- ▶ Tiếp tục mở rộng thị phần viễn thông tại các nước trong khu vực và tiếp tục tìm kiếm cơ hội tại các thị trường mới;
- ▶ Xây dựng các khu làm việc tại Việt Nam theo mô hình campus và mở rộng quy mô văn phòng tại nước ngoài.

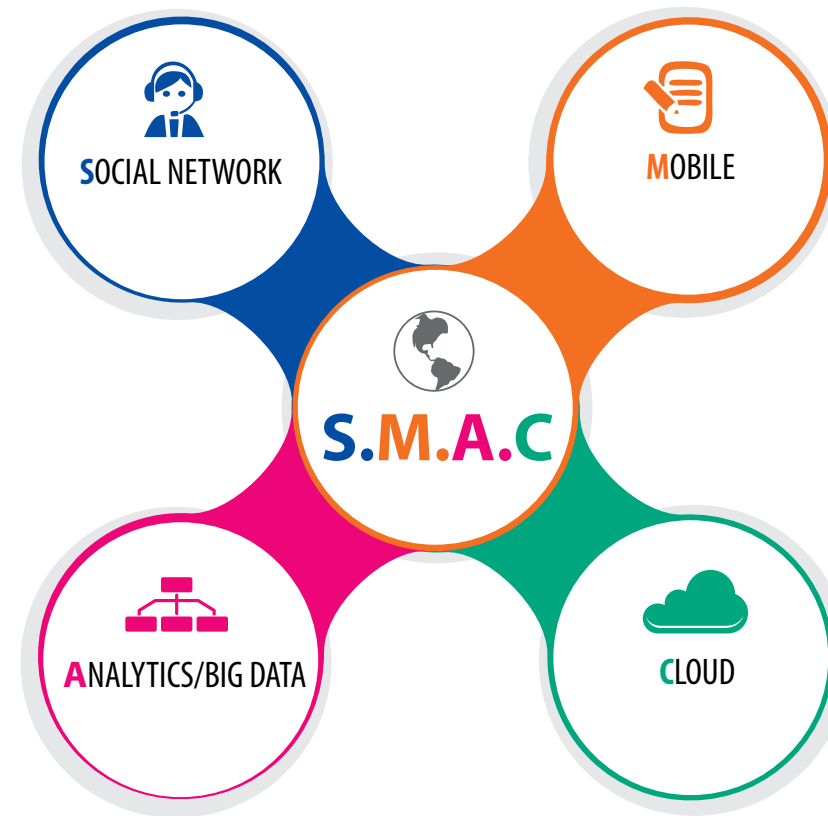
Thị trường trong nước: củng cố vị thế trong các lĩnh vực truyền thống

Khối Công nghệ:

- ▶ Giữ vững thị phần trong nước đối với lĩnh vực Giải pháp phần mềm và Tích hợp hệ thống;
- ▶ Giữ vững và tăng trưởng thị phần dịch vụ bảo dưỡng, cài đặt, lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ bảo hành,... với trọng tâm là các hệ thống phần mềm ứng dụng, thiết bị đặc thù ngành ngân hàng, hệ thống bảo mật, hệ thống lưu trữ lớn;
- ▶ Đẩy mạnh dịch vụ Điện tử, nỗ lực tiếp tục đạt tăng trưởng hai chữ số so với năm 2013.

Khối Viễn thông:

- ▶ Đầu tư nâng cấp và cải tạo hạ tầng viễn thông tạo nền tảng để cung cấp các dịch vụ cao cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng về băng thông, tốc độ và sự ổn định;
- ▶ Đầu tư vào truyền hình cáp, tăng lựa chọn cho khách hàng;
- ▶ Tiếp tục mở rộng vùng phủ trong nước và quốc tế;
- ▶ Cải tiến hoạt động mảng trò chơi trực tuyến, đẩy mạnh phát hành các trò chơi mới cũng như phát hành các trò chơi trên nền di động.



Giải pháp dựa trên nền tảng các công nghệ mới là Mạng xã hội (Social network), Công nghệ di động (Mobile), Phân tích dữ liệu lớn (Analytics/Big Data) và điện toán đám mây (Cloud) gọi tắt là S.M.A.C.

Khối Phân phối, Bán lẻ sản phẩm công nghệ:

- ▶ Củng cố danh mục phân phối, hoàn thiện hệ thống phân phối nhằm giữ vững vị thế số 1 về phân phối các sản phẩm công nghệ tại Việt Nam;
- ▶ Mở rộng quy mô chuỗi bán lẻ theo kế hoạch đã được phê duyệt năm 2012, tăng thêm 50 cửa hàng, với mục tiêu đạt 150 cửa hàng vào cuối năm 2014.

Đầu tư cho công nghệ mới và các hoạt động nghiên cứu phát triển:

Trong năm 2014, Ban Công nghệ sẽ đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và đề xuất giải pháp cho tất cả các lĩnh vực kinh doanh của FPT như:

- ▶ **Mảng Xuất khẩu phần mềm:** Nghiên cứu mở rộng cung cấp dịch vụ trên nền công nghệ S.M.A.C nhằm chủ động đề xuất giải pháp và mở rộng phạm vi cung cấp cho khách hàng, bên cạnh dịch vụ Ủy thác Phát triển phần mềm truyền thống;

Lĩnh vực Giải pháp phần mềm và Tích hợp hệ thống:

Thiết kế và tiếp tục hoàn thiện các giải pháp trọn gói; các giải pháp hạ tầng thông minh với các giải pháp cụ thể như camera giao thông, y tế điện tử, nhận dạng an ninh,...; các giải pháp Cloud, Mobility cho khách hàng vừa và nhỏ, trước mắt phục vụ thị trường trong nước;

▶ **Lĩnh vực Dịch vụ Viễn thông:** Nghiên cứu các giải pháp quản lý trung tâm chăm sóc khách hàng, phân tích file nhật ký (log), phát triển ứng dụng và dịch vụ cho thuê hạ tầng (IaaS);

▶ **Lĩnh vực Nội dung số:** Đẩy mạnh việc đưa các nội dung hiện có lên nền tảng di động, phát triển các công nghệ tối ưu khả năng trình bày tin bài và các công cụ khai thác cộng đồng đọc tin lớn;

▶ **Lĩnh vực Phân phối, Bán lẻ sản phẩm công nghệ:** Phát triển cổng thương mại điện tử, phát triển các ứng dụng cài đặt sẵn trên các điện thoại bán ra.

Đẩy mạnh hoạt động mua bán, sáp nhập, tích cực tìm kiếm cơ hội tại các thị trường Singapore, Mỹ và Nhật Bản.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và triển vọng ngành như phân tích ở trên, HĐQT FPT đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 với mục tiêu: Doanh thu tăng 11%, lợi nhuận trước thuế tăng 6%, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 10%.

Kế hoạch cụ thể theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng	Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế	
	Giá trị	% Thay đổi	Giá trị	% Thay đổi
FPT	31.892	11%	2.672	6%
KHỐI CÔNG NGHỆ	7.561	16%	1.057	15%
Phát triển phần mềm	3.556	26%	663	21%
Xuất khẩu phần mềm	2.750	28%	528	17%
Giải pháp phần mềm	806	21%	135	42%
Tích hợp hệ thống	3.141	5%	257	-3%
Dịch vụ tin học	864	20%	137	32%
KHỐI VIỄN THÔNG	4.685	13%	966	0%
Dịch vụ viễn thông	3.830	18%	820	-1%
Nội dung số	855	-3%	145	4%
KHỐI PHÂN PHỐI, BÁN LẺ	19.091	10%	507	25%
Phân phối và sản xuất sản phẩm CNTT	5.997	2%	122	7%
Phân phối và sản xuất sản phẩm mobile	9.107	6%	360	12%
Bán lẻ các sản phẩm công nghệ	3.988	36%	24	n/a
KHỐI GIÁO DỤC VÀ KHÁC	555	0%	143	7%

Năm 2014, FPT đã thông qua kế hoạch đầu tư mạnh cho việc quang hóa hạ tầng viễn thông để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Với việc lựa chọn hình thức khấu hao nhanh cho các khoản đầu tư này nên kế hoạch lợi nhuận của mảng Viễn thông không tăng trưởng trong ngắn hạn. Đây chính là nguyên nhân chính khiến tăng trưởng lợi nhuận toàn Tập đoàn nhỏ hơn tốc độ tăng doanh thu.

CÁC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Năm 2014, FPT sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào các nền tảng nhằm phục vụ nhu cầu kinh doanh hiện tại và thúc đẩy tăng trưởng trong tương lai. Các hạng mục đầu tư dự kiến phục vụ các lĩnh vực đang tăng trưởng mạnh và có nhiều tiềm năng tăng trưởng mạnh, bao gồm:

Khối Công nghệ

- ▶ Đầu tư mạnh vào hoạt động nghiên cứu công nghệ và giải pháp mới. Đầu tư cho đội ngũ chuyên gia công nghệ theo ngành, lĩnh vực;
- ▶ Đầu tư cơ sở hạ tầng tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội; khu Công nghệ cao Quận 9, TP. HCM và tại Đà Nẵng cho mảng Xuất khẩu phần mềm.

Lĩnh vực Dịch vụ viễn thông

- ▶ Đầu tư phát triển thuê bao mới và tiếp tục mua bản quyền nội dung;
- ▶ Đẩy mạnh đầu tư nâng cấp, cải tạo hạ tầng viễn thông và đầu tư phát triển dịch vụ truyền hình trả tiền;
- ▶ Mua bản quyền và phát triển các game mới;
- ▶ Đầu tư cho cổng thông tin về game trên các thiết bị di động;
- ▶ Nâng cấp các cổng thông tin và đẩy mạnh quảng bá cho hệ thống thương mại điện tử.

Khối Phân phối, Bán lẻ sản phẩm công nghệ

- ▶ Đầu tư mở rộng chuỗi cửa hàng bán lẻ với mục tiêu đạt 150 cửa hàng vào cuối năm 2014.

Khối Giáo dục

- ▶ Đầu tư mở rộng cơ sở vật chất tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội và tại TP. HCM.

Đầu tư cho công nghệ

- ▶ FPT sẽ tiếp tục duy trì chính sách dành 5% lợi nhuận trước thuế của năm liền trước để đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu công nghệ.

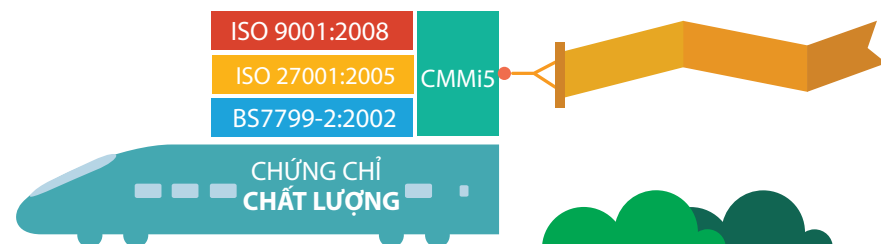
Đầu tư mạnh cho hoạt động M&A

3 QUẢN TRỊ CÔNG TY

• Quản trị công ty • Quản trị rủi ro • Quan hệ nhà đầu tư

Năng lực CÔNG NGHỆ của FPT

13/3/2013, mở Trung tâm Nghiên cứu Phát triển tại Silicon Valley, Mỹ để nghiên cứu, xây dựng sản phẩm công nghệ mới trên nền công nghệ Mobility, Cloud, Big Data.



Thuế hải quan

FPT.ePOS

Cung cấp các giải pháp đóng gói trong các lĩnh vực Chính phủ, Ngân hàng, Viễn thông, Y tế, ...

FPT.Billing

FPT.eGov

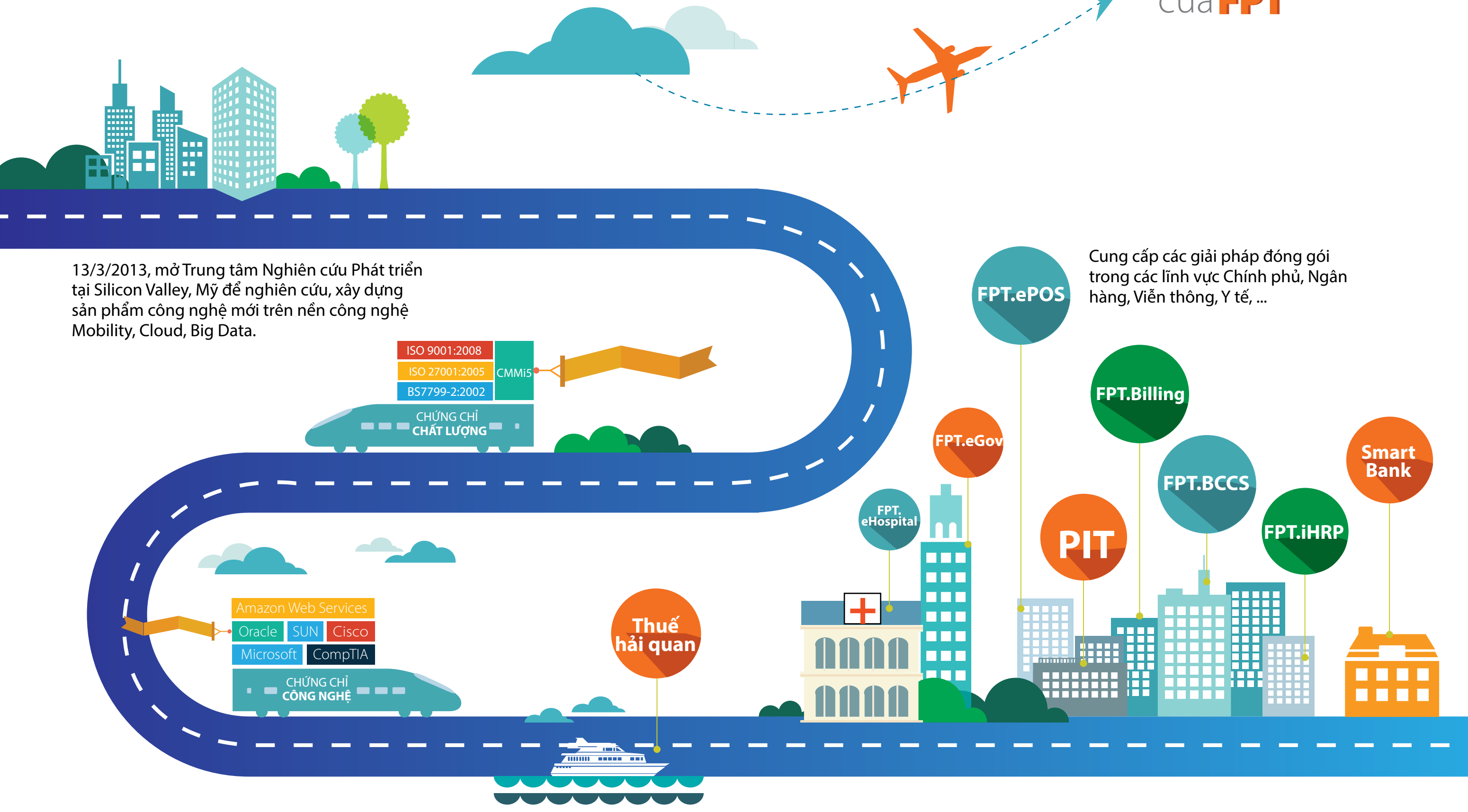
FPT.BCCS

Smart Bank

FPT.eHospital

PIT

FPT.iHRP



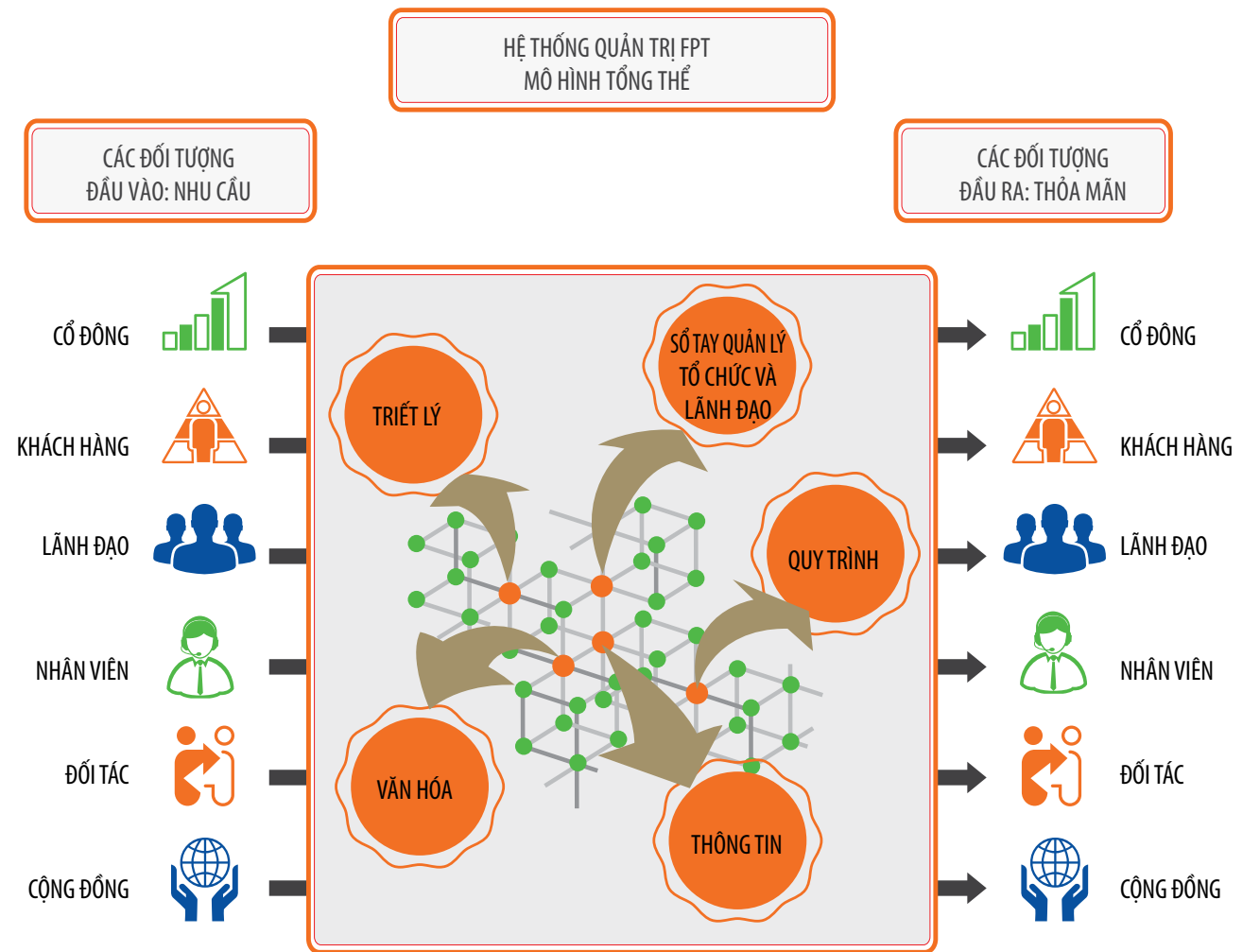
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch HĐQT	4	4/4	
2	Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	4	4/4	
3	Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên HĐQT	4	4/4	
4	Ông Trương Đình Anh	Ủy viên HĐQT	4	4/4	
5	Ông Lê Song Lai	Ủy viên HĐQT	4	4/4	
6	Bà Lê Nữ Thùy Dương	Ủy viên HĐQT	4	4/4	
7	Ông Jean-Charles Belliol	Ủy viên HĐQT	4	4/4	

Năm 2013, HĐQT FPT đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường và triển khai lấy ý kiến bằng văn bản nhằm có những chỉ đạo kịp thời về các nội dung sau:

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính
Phiên 1 - Từ 4-8/2/2013	Xin ý kiến bằng văn bản Hội đồng Quản trị: 7/7 thành viên	Thông qua phương án thành lập Văn phòng đại diện tại Myanmar.
Phiên 2 - Ngày 15/3/2013	Quan sát viên: • Ban Kiểm soát: 3/3 • Ban Điều hành: 3/3	Thông qua chương trình và các đề xuất Đại hội đồng Cổ đông Thường niên FPT 2013.
Phiên 3 - Từ 27/3-1/4/2013	Xin ý kiến bằng văn bản Hội đồng Quản trị: 7/7 thành viên	Thông qua đề xuất chuyển sở hữu FPT Services từ Tập đoàn về FPT IS.
Phiên 4 - Ngày 8/5/2013	Quan sát viên: • Ban Kiểm soát: 3/3 • Ban Điều hành: 3/3	Thông qua khung chế độ đãi ngộ dành cho CBNV FPT. Thông qua quy trình bổ nhiệm TGD FPT. Thông qua khung chương trình hoạch định lãnh đạo Thê đội 2 của FPT. Thông qua dự án đầu tư xây dựng Giai đoạn 1 Khu phức hợp Văn phòng của FPT tại Đà Nẵng.
Phiên 5 - Ngày 31/7/2013	Hội đồng Quản trị: 7/7 thành viên Quan sát viên: • Ban Kiểm soát: 2/3 • Ban Điều hành: 3/3	Thông qua Phương án chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 (6 tháng đầu năm) năm 2013. Trình bày Quy chế Quản trị Công ty sửa đổi. Bổ nhiệm Ông Bùi Quang Ngọc giữ chức vụ TGD FPT.
Phiên 6 - Từ 30/8-5/9/2013	Xin ý kiến bằng văn bản	Thông qua Quy chế xếp chức danh cán bộ công nghệ FPT. Báo cáo chiến lược 2014 - 2016 .
Phiên 7 Ngày 13/11/2013	Hội đồng Quản trị: 4/7 thành viên Quan sát viên: • Ban Kiểm soát: 1/3 • Ban Điều hành: 3/3	Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2013 và Dự kiến thực hiện kế hoạch năm 2013. Thông qua Đề xuất chấm dứt hoạt động Ủy ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT và thành lập Ủy ban Giám sát trực thuộc Ban Điều hành. Thông qua Quy chế Quản trị công ty sửa đổi. Thông qua Vấn đề lương TGD.



Mô hình tổng thể hệ thống quản trị FPT hiện tại

Các quyết định của Hội đồng Quản trị

Năm 2013, HĐQT đã ban hành các quyết định triển khai các nội dung được HĐQT thông qua. Ngoài ra, HĐQT còn ban hành thêm các quyết định:

- Miễn nhiệm Chủ tịch, TGD và các Phó TGD Công ty FPT Services.
- Thay đổi chủ sở hữu Công ty FPT Services từ Tập đoàn về Công ty FPT IS.
- Chuyển toàn bộ lợi nhuận đến 31/03/2013 của Công ty FPT Services về Tập đoàn.
- Tăng vốn góp của Tập đoàn vào Công ty FPT Retail.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Mối quan hệ giữa HĐQT và TGD được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty.

TGD báo cáo kết quả kinh doanh quý, trình và xin ý kiến các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý.

Chủ tịch HĐQT tham dự giao ban Tập đoàn do TGD chủ trì, thực hiện giao ban giữa Chủ tịch và Ban Điều hành để cập nhật thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết kịp thời các công việc theo đúng thẩm quyền phân cấp.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 15/11/2013, HĐQT thông qua Quy chế Quản trị Công ty sửa đổi. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản trị của FPT bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông
- HĐQT
- TGD và Ban Điều hành
- Ban Kiểm soát (BKS)

Và các bộ phận chức năng gồm:

- Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (trước đây là Ủy ban Chính sách và Quy hoạch cán bộ)
- Ủy ban Chính sách phát triển (trước đây là Hội đồng Chiến lược)
- Hội đồng Tư vấn
- Văn phòng Chủ tịch

Ủy ban Kiểm soát Nội bộ được chuyển thành Ủy ban Giám sát Tuân thủ, đặt dưới sự quản lý và điều hành của Ban Điều hành.

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng

Tháng 11/2013, Ủy Ban Chính sách và Quy hoạch cán bộ (trước đây là Ủy ban TCCB) được đổi tên thành Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng.

Các công việc đã thực hiện

- Chỉ đạo chương trình tìm kiếm và chọn lựa TGD theo yêu cầu của HĐQT;
- Tiếp tục xây dựng chương trình đào tạo và quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp, đào tạo và phát triển cán bộ lãnh đạo/quản lý;
- Xây dựng, ban hành chính sách đãi ngộ mới theo hướng minh bạch hóa thu nhập đến từng cá nhân trên toàn hệ thống;
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng bản mô tả công việc cho khối chuyên môn nghiệp vụ trên toàn hệ thống (gần 500 bản mô tả công việc);
- Chỉ đạo kiểm soát việc thực thi chính sách nhân sự và lương thưởng tại các CTTV;

- Chỉ đạo xây dựng các mảng chiến lược nhân sự toàn Tập đoàn theo mô hình BSC;
- Chỉ đạo xây dựng chính sách đãi ngộ và xếp hạng cán bộ công nghệ cấp Tập đoàn;
- Chỉ đạo tổ chức đánh giá cán bộ lãnh đạo cao cấp định kỳ cho hơn 60 cán bộ lãnh đạo;
- Tổ chức việc lựa chọn cán bộ lãnh đạo để bổ nhiệm cho các hướng kinh doanh mới của FPT tại các thị trường toàn cầu hóa như: Singapore, Myanmar,....

Ủy Ban Chính sách Phát triển

Hỗ trợ xây dựng và giám sát triển khai chiến lược FPT và CTTV

- Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT xây dựng chiến lược Tập đoàn và chỉ đạo triển khai chiến lược bằng công cụ BSC;
- Tham gia lập quy trình quản lý thực thi chiến lược Tập đoàn và CTTV;
- Giám sát các CTTV trong việc triển khai Chiến lược liên thông với Tập đoàn, báo cáo Chủ tịch HĐQT về tiến độ/ chất lượng thực thi chiến lược Tập đoàn và CTTV;
- Phối hợp với Học viện Lãnh đạo FPT (FLI) tổ chức đào tạo hơn 900 cán bộ quản lý cấp trung của toàn Tập đoàn về công cụ BSC;
- Theo dõi, giám sát triển khai các dự án chiến lược quan trọng như thâm nhập thị trường Myanmar, thúc đẩy thị trường Singapore, dự án CNTT hạ tầng của hạ tầng.

Chỉ đạo triển khai Hội thảo Chiến lược Tháng 10/2013 và Hội nghị Chiến lược Tháng 11/2013.

Điều phối, phát triển các mối hợp tác chiến lược của Tập đoàn với các đối tác chiến lược như: Hitachi, Sony,...

Tổ chức các chuyến đi phát triển quan hệ quốc tế và tìm kiếm cơ hội kinh doanh tại Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) Hội nghị của Hiệp hội Điện toán châu Á- châu Đại Dương (ASOCIO),....

Ủy ban Kiểm soát nội bộ (UBKSNB)

Từ ngày 15/11/2013, theo Quy chế Quản trị Công ty sửa đổi, UBKSNB được chuyển thành Ủy ban Giám sát Tuân thủ và đặt dưới sự quản lý và điều hành của Ban Điều hành.

Trong thời gian từ 1/1/2013 - 15/11/2013, UBKSNB đã thực hiện các công việc:

Liên quan đến xây dựng hệ thống:

- Hoàn thành Báo cáo Tổng hợp về lợi ích liên quan toàn Tập đoàn tính đến thời điểm 31/12/2012;
- Tham gia các khóa đào tạo và được cấp 2 chứng chỉ về kiểm soát/thanh tra trong lĩnh vực xây dựng.

Thực hiện các cuộc kiểm soát:

- Kiểm soát các CTTV: FPT Trading miền Trung; FPT Trading Mê Kông (tại Cần Thơ); Đại học FPT miền Trung và TP. HCM; FPT Software Đà Nẵng;
- Kiểm soát chuyên đề: Xây dựng khu ĐH FPT Hòa Lạc (giai đoạn 1 và 2); thuê, xây dựng văn phòng tại Keangnam của FPT IS Hà Nội; xây dựng Trung tâm Đào tạo của FPT Software Đà Nẵng tại khu Công nghiệp Đà Nẵng; thuê, xây dựng kho tập trung tại Mỹ Đình của FPT Trading; xây dựng F-Town 2 của FPT Software HCM; xây dựng trụ sở chung tại Tân Thuận của FPT Telecom, FPT Online, FPT Trading HCM; thuê và cải tạo Hệ thống Shop của FPT Retail.

UBKSNB đã đạt được các kết quả cụ thể trong năm 2013:

- Góp phần phòng tránh và hạn chế được xung đột lợi ích giữa cá nhân và công ty, nâng cao công tác quản trị và tính tuân thủ trong toàn Tập đoàn;
- Xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, vi phạm quy định của FPT.

Hội đồng tư vấn

Hội đồng Tư vấn họp định kỳ hàng quý, thực hiện chức năng tư vấn, kiến nghị cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT về các vấn đề liên quan đến chiến lược, phát triển dài hạn và các vấn đề trọng yếu cho Tập đoàn.

Văn phòng Chủ tịch Hội đồng Quản trị (VP HĐQT)

VP HĐQT hỗ trợ Chủ tịch và HĐQT trong việc tổ chức 7 phiên họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản, soạn thảo và ban hành các văn bản, tài liệu của HĐQT tuân thủ các Quy chế hoạt động, Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác.

VP HĐQT chịu trách nhiệm chính và phối hợp tổ chức Hội nghị Chiến lược 2013 với 2 sự kiện lớn là Hội thảo Chiến lược tháng 10/2013 và Hội nghị Chiến lược tháng 11/2013. Phối hợp tham gia tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 vào tháng 4/2013.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Một số hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2013:

BKS tuân thủ quy định tiến hành các cuộc họp thường kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email để thực hiện một số công việc chính nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông:

- Bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị, nghị quyết của HĐQT sau mỗi phiên họp định kỳ và đột xuất;
- Cử thành viên tham dự 100% các cuộc họp định kỳ của HĐQT và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn;
- Tham gia và tích cực đóng góp ý kiến cho chiến lược phát triển của Tập đoàn tại Hội nghị Chiến lược 2013;
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng quý do Ban Điều hành và Ban Tài chính kế toán chuẩn bị để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát;
- Xem xét và có ý kiến về những vấn đề được đưa ra trong báo cáo của Kiểm toán độc lập, báo cáo của các cơ quan chức năng;
- Giám sát việc báo cáo, thực thi các kết luận sau thanh tra thuế và tài chính trong năm, nhằm đảm bảo công tác tài chính kế toán của Tập đoàn và các CTTV hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tập đoàn

BKS đã tiến hành xem xét toàn bộ các báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm 2013 và đưa ra một số nội dung đánh giá như sau:

- Các báo cáo tài chính của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tập đoàn tại từng thời điểm, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành;

- ▶ Ban Điều hành đã chú trọng chuẩn hóa và xây dựng những quy chế, chính sách tài chính để áp dụng chung và nhất quán trong toàn Tập đoàn. Năm 2013 đã ban hành quy chế đãi ngộ chung cho cán bộ, thể hiện tính minh bạch và chuẩn hóa chính sách trong toàn hệ thống;
- ▶ Ban Kế hoạch Tài chính đã xây dựng quy định và quản trị được kế hoạch luân chuyển dòng tiền rất tốt giữa các CTTV. Tập đoàn luôn có dòng tiền mặt tốt và việc sử dụng vốn rất hiệu quả trong năm 2013;
- ▶ BKS đã tiến hành xem xét toàn bộ các biên bản thanh tra, kiểm tra của Cục thuế, Thanh tra thuế, các đoàn thanh tra kiểm tra khác với Tập đoàn và các CTTV trong năm 2013 do Ban Tài chính cung cấp. Đôn đốc các đơn vị giải trình và triển khai kết luận sau thanh tra của các đơn vị liên quan đồng thời tiến hành nghiên cứu và rút kinh nghiệm với những sai sót (nếu có) cho các đơn vị liên quan cũng như toàn hệ thống;
- ▶ BKS đã cử thành viên tham gia cùng đoàn thanh kiểm tra nội bộ của UBKSNB xuống các CTTV để kiểm tra định kỳ cũng như kiểm tra chuyên đề tại các CTTV ở TP. HCM vào tháng 9/2013;
- ▶ Phối hợp làm việc với công ty kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán số liệu. BKS đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Tập đoàn và tổ chức kiểm toán độc lập đã ban hành trong năm 2013;
- ▶ Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ với Nhà nước của Tập đoàn theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác. Trong năm 2013, Tập đoàn đã tính và nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Nhà nước, chưa phát hiện hiện tượng gian lận nào về các khoản phải nộp nói trên;
- ▶ Đến hết năm 2013, BKS chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính chung của Tập đoàn. Các quy trình hoạt động tài chính tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ đã ban hành;
- ▶ UBKSNB trong năm 2013 đã hoạt động tích cực và có đóng góp nhiều cho công tác quản trị của Tập đoàn. Việc phối hợp hoạt động giữa UBKSNB và BKS đã được thông suốt hơn so với năm 2012 và mang lại hiệu quả tích cực trong công việc của cả 2 đơn vị.

Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành và cán bộ quản lý:

BKS ghi nhận sự tích cực của HĐQT trong năm 2013 trong việc theo sát chiến lược và hoạt động của Tập đoàn; nhanh chóng và kịp thời đưa ra những quyết sách cần thiết giúp Ban Điều hành triển khai tốt công việc của mình;

Năm 2013 Tập đoàn tiếp tục có sự thay đổi nhân sự cấp cao, Ông Bùi Quang Ngọc được bầu làm TGD thay Ông Trương Gia Bình. BKS đã giám sát quá trình bầu chọn TGD theo đúng quy định: Quá trình lựa chọn TGD mới có sự tham gia tư vấn của doanh nghiệp tuyển dụng chuyên nghiệp bên ngoài; các tiêu chí, điều kiện lựa chọn đã được trao đổi thống nhất trong HĐQT qua nhiều vòng công khai và minh bạch. Sự thay đổi nhân sự cấp cao này không làm ảnh hưởng nhiều đến tình hình tổ chức, quản trị và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 của Tập đoàn;

Về giám sát hoạt động của các thành viên: Trong năm 2013, BKS không ghi nhận có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành cũng như các cán bộ quản lý khác trong Tập đoàn.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành:

BKS đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT; tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến với HĐQT, Ban Điều hành trong công tác quản trị Tập đoàn trong năm 2013. Sự gắn kết và tính công khai, minh bạch thông tin được xuyên suốt trong mọi hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Điều hành;

BKS cử người thường xuyên tham dự các buổi công bố thông tin kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý cho các cổ đông. BKS đánh giá cao sự cởi mở và thẳng thắn trong việc công bố thông tin ra bên ngoài của Ban Điều hành, tạo sự tin tưởng minh bạch đối với các cổ đông.

Ban Kiểm soát có một số kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành sau:

Kiến nghị HĐQT chỉ đạo, theo dõi sát sao chương trình bồi dưỡng các ứng cử viên vào các chức vụ lãnh đạo của Tập đoàn, bồi dưỡng thể hệ kế cận trong giai đoạn tới;

Cần duy trì và tăng cường hoạt động của Ủy ban Giám sát Tuân thủ (trước đây là UBKSNB) trong năm 2014; tạo cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa Ủy ban và BKS để đảm bảo hệ thống tài chính Tập đoàn được minh bạch và hiệu quả.

CHÍNH SÁCH THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT, THU NHẬP CỦA TGD

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 đã phê duyệt ngân sách thù lao HĐQT năm 2013 là 1,1 tỷ đồng và ngân sách hoạt động BKS là 435,8 triệu đồng.

Cụ thể thù lao thực tế 2013 như sau:

- ▶ HĐQT: 1,07 tỷ đồng.

Cấu trúc thu nhập của các thành viên HĐQT như sau:

Thành viên HĐQT	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Trương Gia Bình	32%	68%	0%	100%
Bùi Quang Ngọc	33%	67%	0%	100%
Đỗ Cao Bảo	36%	64%	0%	100%
Trương Đình Anh	0%	0%	100%	100%
Lê Nữ Thùy Dương	0%	0%	100%	100%
Lê Song Lai	0%	0%	100%	100%
Jean-Charles Beliol	0%	0%	100%	100%

- ▶ BKS: 280,8 triệu đồng

- ▶ Thu nhập và quyền lợi của TGD:

Lương: 170.000.000 đồng/tháng.

Quyền lợi: Đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp và công đoàn phí theo luật lao động và luật bảo hiểm hiện hành quy định. Đồng thời được hưởng các chính sách chung của Tập đoàn như bảo hiểm FPT care, nghỉ mát, các ngày nghỉ phép và nghỉ lễ hàng năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ GIỮA FPT VÀ CTTV

Quy định về quản trị giữa FPT và các CTTV được thực hiện theo Quy chế Quản trị Công ty sửa đổi, ban hành ngày 15/11/2013 (trước đó thực hiện theo Quy định Quản trị giữa Tập đoàn và CTTV).

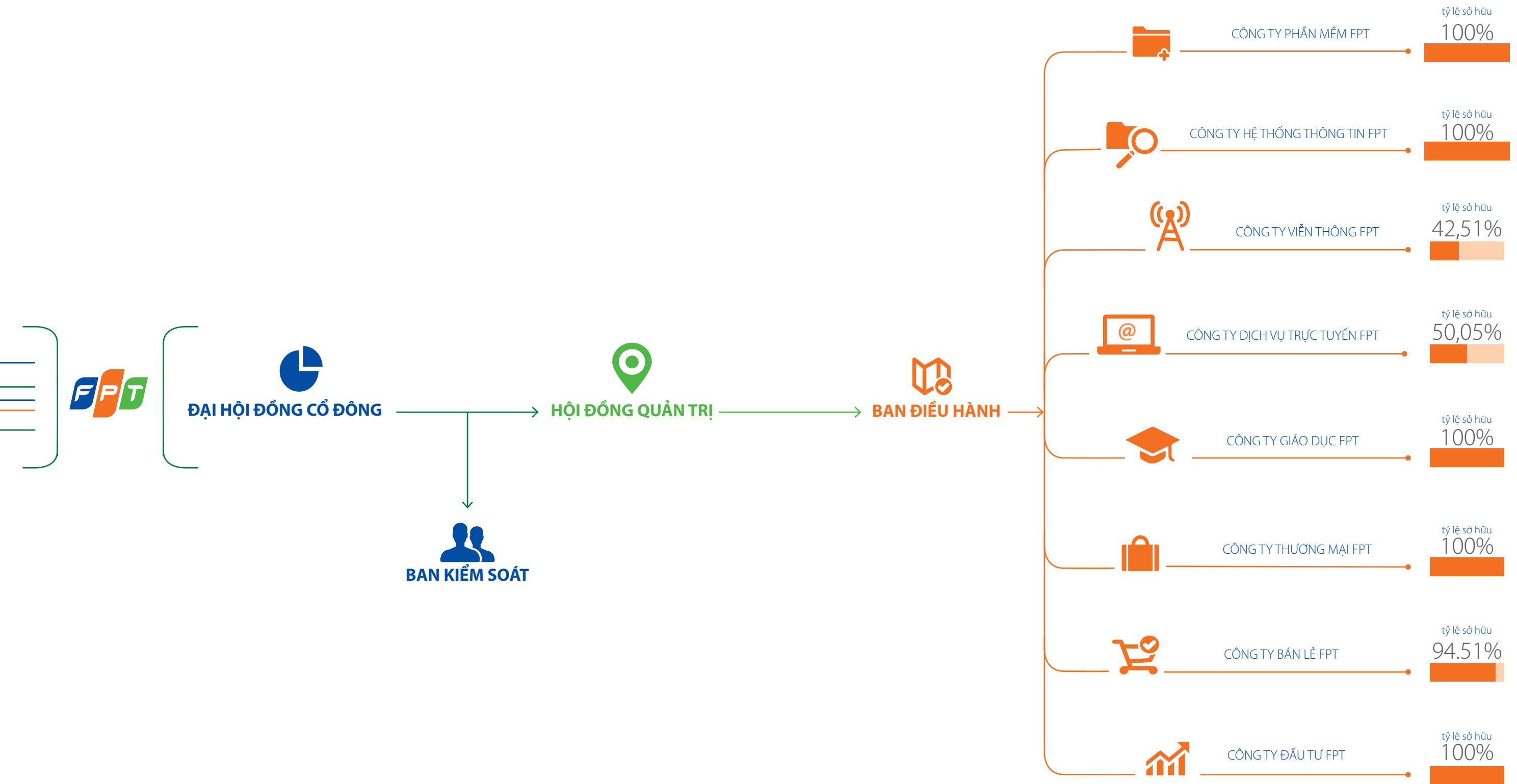
Các quy định này được cụ thể hóa bằng Hệ thống Quản trị FPT - hệ thống quản trị toàn diện, mang bản sắc riêng, được văn bản hóa, quy ước phương thức tư duy, cách thức hành động của mọi đơn vị thành viên của FPT trong việc quản lý và vận hành các hoạt động.

Một số hoạt động quản trị tiêu biểu

- ▶ Phê duyệt phương hướng, chiến lược kinh doanh: Tháng 10 hàng năm, Tập đoàn tổ chức Hội nghị Chiến lược FPT để phê duyệt và xem xét sửa đổi chiến lược hoạt động 3-5 năm của các đơn vị;
- ▶ Phê duyệt kế hoạch trung và dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm. Năm 2013, các hoạt động xây dựng kế hoạch đều được thực hiện và kiểm soát bằng công cụ BSC trong toàn Tập đoàn. Việc bảo vệ kế hoạch và phê duyệt kế hoạch được triển khai chi tiết và chặt chẽ từ tháng 12/2013 đến hết tháng 1/2014;
- ▶ Ban Điều hành FPT và các CTTV họp định kỳ hàng tuần về tình hình hoạt động kinh doanh trong tuần và kế hoạch cho các tuần tiếp theo.

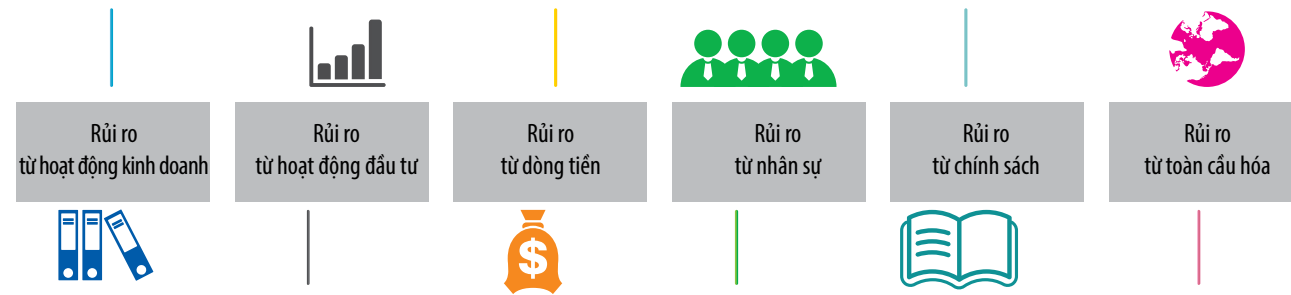
Quản lý nhân sự

- ▶ Các CTTV tuân thủ chính sách nhân sự khung của FPT, sử dụng chung Sổ tay Nhân sự và sử dụng chung hạ tầng CNTT tập trung về nhân sự;
- ▶ FPT quản lý cán bộ cao cấp (từ L6), bao gồm việc HĐQT CTTV cùng Ban Điều hành FPT phối hợp lựa chọn cán bộ vào các vị trí then chốt (thành viên Ban Điều hành) trình Ủy ban Nhân sự và lương thưởng phê duyệt việc bổ nhiệm/bãi miễn. Riêng TGD các CTTV do HĐQT Tập đoàn phê duyệt. FPT có quyền điều động, chuyển chuyển cán bộ cao cấp giữa các CTTV;
- ▶ Tiếp tục nâng cấp công tác quản lý nhân sự thông qua việc ban hành hệ thống thang lương mới, gắn liền với mô tả công việc, ngạch bậc công việc và vị trí chức danh; ban hành chính sách đãi ngộ, bản cấu trúc chức danh công nghệ, hệ thống mô tả tiêu chuẩn chức danh, hệ thống quy trình thực hiện trong toàn Tập đoàn.



Công ty TNHH F-AGREX Toàn cầu trong lĩnh vực BPO. FPT sở hữu 51%, IT Holdings (Nhật Bản) sở hữu 49%.

CÁC RỦI RO CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ



Hoạt động quản trị rủi ro của Tập đoàn dựa trên nguyên tắc nhất quán là nhận biết sớm các rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh hiện hữu cũng như các hoạt động kinh doanh, đầu tư mới để có chính sách quản trị toàn diện.

Rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh luôn phải đối mặt với rủi ro lớn nhất là suy giảm năng lực cạnh tranh so với đối thủ, không nắm bắt đúng yêu cầu và xu thế của thị trường. FPT luôn chú trọng nâng cao năng lực quản lý, năng lực cạnh tranh trên phương diện toàn Tập đoàn cũng như từng CTTV thông qua xây dựng chiến lược dài hạn và kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng lĩnh vực trên cơ sở phân tích thị trường, đối thủ, cơ hội cũng như áp dụng các công cụ quản lý hiện đại, toàn diện.

Một số rủi ro cụ thể khác

Rủi ro tỷ giá

FPT có một số hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro do biến động tỷ giá như Phân phối, Bán lẻ, Tích hợp hệ thống, Xuất khẩu phần mềm. Thị trường hàng CNTT có đặc điểm là biến động tỷ giá được phản ánh vào giá đầu ra nhưng Tập đoàn vẫn chủ động phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh ngoài ý muốn bằng cách:

- Theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá;
- Tham khảo đánh giá của các định chế tài chính lớn;
- Áp dụng các biện pháp phù hợp về bảo hiểm tỷ giá.

Rủi ro công nợ, hàng tồn

Tập đoàn có hệ thống đánh giá, xếp hạng nội bộ về năng lực tài chính của khách hàng theo thời gian, kết hợp với đánh giá và dịch vụ bảo hiểm các khoản thu của các tổ chức tài chính trung gian để làm cơ sở cấp tín dụng cho khách hàng. Phần lớn các khách hàng được cấp tín dụng mua hàng của FPT đều được yêu cầu thực hiện các hình thức bảo lãnh.

Hoạt động kiểm soát công nợ (phân tích tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng...) được tiến hành thường xuyên để có những biện pháp xử lý kịp thời. Hàng tồn kho được quản lý chặt chẽ ngay từ khâu nhập hàng trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường, theo dõi hàng ngày nhằm có biện pháp thúc đẩy bán hàng kịp thời đối với hàng chậm luân chuyển.

Rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn và kết quả kinh doanh. Do đó, FPT luôn quản trị chặt chẽ các hoạt động đầu tư ngay từ giai đoạn đánh giá khả thi nhằm tránh các rủi ro không lường trước có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cũng như lợi ích của cổ đông. Các dự án lớn đều phải thông qua Hội đồng đầu tư cấp Tập đoàn, được phân tích toàn diện dựa trên nhu cầu thị trường, khả năng cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh, tài chính, công nghệ, nhằm nhận biết các rủi ro liên quan cũng như mức độ tác động của từng yếu tố.

Rủi ro về dòng tiền

Dòng tiền luôn đặc biệt quan trọng trong hoạt động của các doanh nghiệp nhất là trong bối cảnh thị trường khó khăn. Tập đoàn đã áp dụng việc quản lý dòng tiền tập trung nhằm:

- Tối ưu hóa nguồn tiền trên phương diện tổng thể của Tập đoàn;
- Đảm bảo tính thanh khoản, đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tài chính cũng như yêu cầu về đầu tư cho tăng trưởng.

Rủi ro về nhân sự

Phần lớn các lĩnh vực kinh doanh cũng như định hướng chiến lược của Tập đoàn đều dựa rất nhiều vào nguồn lực về con người với quy mô lớn ở các trình độ khác nhau. Điều này, đặt ra những thách thức, rủi ro trong việc tuyển dụng và đảm bảo nhân sự trình độ cao gắn bó lâu dài.

FPT luôn chú trọng vào việc hoàn thiện chế độ đãi ngộ cho CBNV; đảm bảo thu nhập, quyền lợi có tính cạnh tranh toàn diện hơn so với mặt bằng chung của thị trường nhân lực. Chế độ đãi ngộ mới được ban hành năm 2013 và áp dụng trên toàn Tập đoàn đã được xây dựng dựa trên các nguyên tắc này.

FPT có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích về đào tạo nhằm hoàn thiện, nâng cao năng lực chuyên môn và đưa ra lộ trình thăng tiến rõ ràng đến từng nhân viên để đảm bảo sự gắn bó lâu dài.

Rủi ro vĩ mô, chính sách

Nền kinh tế của Việt Nam còn nhiều bất cập, chịu ảnh hưởng rất mạnh của chu kỳ kinh tế. Nguồn lực quốc gia mỏng dẫn đến hạn chế trong việc chủ động can thiệp thúc đẩy kinh tế, kiểm soát tỷ giá. Rủi ro lạm phát luôn hiện hữu. Chính sách điều hành nhiều khi còn chưa minh bạch, và thiếu tính định hướng cho doanh nghiệp, người dân.

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực CNTT-VT, FPT còn chịu ảnh hưởng bởi các chính sách quản lý trong lĩnh vực này (chiến lược phát triển CNTT Quốc gia; định hướng cho chính quyền địa phương, các cơ quan lớn của Chính phủ; những chính sách cụ thể về đầu tư, mua sắm hệ thống, thiết bị, giải pháp phần mềm,...).

Trong môi trường vĩ mô và chính sách như vậy, đòi hỏi các doanh nghiệp trong đó có FPT phải chủ động, linh hoạt để thích ứng. Tập đoàn luôn chú trọng việc theo dõi sát các chính sách, định hướng lớn của Chính phủ để có những điều chỉnh về chiến lược cho phù hợp và chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất cho các cơ quan

hữu quan hướng tới việc nâng cao vai trò của CNTT trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Rủi ro toàn cầu hóa

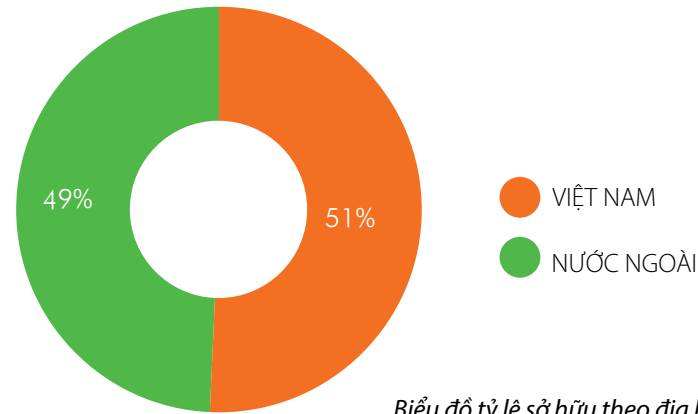
Hiện FPT đang có các hoạt động kinh doanh tại 17 quốc gia. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh tại các thị trường này sẽ chịu ảnh hưởng của một số nhân tố rủi ro gắn với bản chất của hoạt động toàn cầu hóa như:

- Những rủi ro liên quan đến khác biệt trong chính sách thuế giữa các quốc gia;
- Sự khác biệt trong chính sách thuế giữa các quốc gia;
- Chi phí phát sinh liên quan đến việc bản địa hóa giải pháp và thay đổi sản phẩm để phù hợp với pháp luật nước sở tại;
- Chính sách bảo hộ của nước sở tại;
- Các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu;
- Quy định về nhập cư cho người lao động nước ngoài tại nước sở tại.

Để quản trị và giảm thiểu những rủi ro liên quan đến toàn cầu hóa, FPT đánh giá những rủi ro này trên nhiều phương diện và theo từng hoàn cảnh cụ thể. Trong các cuộc họp đầu tuần, lãnh đạo các CTTV, lãnh đạo Tập đoàn luôn có những chia sẻ liên quan tới kinh nghiệm hoạt động toàn cầu hóa qua những trải nghiệm thực tế. Với các thị trường mới, FPT chú trọng lắng nghe lời khuyên từ các cố vấn kinh tế, pháp lý, thuế và cả chính quyền sở tại tại các thị trường dự định kinh doanh, và có các biện pháp cụ thể.

Đối với những rủi ro ở tầm vĩ mô hơn như ảnh hưởng của suy thoái kinh tế tại khu vực đồng Euro, hay sự thay đổi chính sách kinh tế của Nhật Bản kéo theo thay đổi tỷ giá... FPT luôn quán triệt tinh thần theo dõi sát sao diễn biến kinh tế tại các thị trường có liên quan, tình hình sức khỏe tài chính của khách hàng nhằm có biện pháp phù hợp, giảm tối đa ảnh hưởng tiêu cực tới doanh thu và lợi nhuận.

Tuy vậy, cũng không tránh khỏi khả năng một trong những yếu tố trên xảy ra ngoài tầm kiểm soát của công ty, dẫn tới doanh thu và lợi nhuận bị ảnh hưởng so với dự kiến ban đầu.



Biểu đồ tỷ lệ sở hữu theo địa lý

BÁO CÁO THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Dựa theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/2/2014

Loại cổ phần	Cổ phần	%	Mệnh giá (VNĐ)	Quyền biểu quyết
Cổ phần phổ thông	275.119.379	99,97%	10.000	1:1
Quý cổ phiếu ưu đãi nhân viên	82.376	0,03%	10.000	1:0
Tổng	275.201.755	100,00%		

Sở hữu theo số cổ phần	Cổ đông	%	Cổ phần	%
1-999	9.341	73,09%	1.805.757	0,66%
1.000-10.000	2.699	21,12%	7.944.126	2,89%
10.001-1.000.000	693	5,42%	70.885.947	25,77%
1.000.001 trở lên	47	0,37%	194.483.549	70,69%
Tổng	12.780	100,00%	275.119.379	100,00%

Sở hữu theo nhóm cổ đông	Cổ đông	%	Cổ phần	%
Nhà nước (SCIC)	1	0,01%	16.639.800	6,05%
Cổ đông nội bộ	2.464	19,28%	68.773.906	25,00%
HĐQT, Ban Điều hành, BKS và Kế toán trưởng	9	0,07%	33.382.215	12,13%
Nhân viên	2.455	19,21%	35.391.691	12,86%
Cổ đông ngoài (cá nhân)	10.066	78,76%	32.724.271	11,89%
Cổ đông ngoài (tổ chức)	249	1,95%	156.981.402	57,06%
Tổng	12.780	100,00%	275.119.379	100,00%

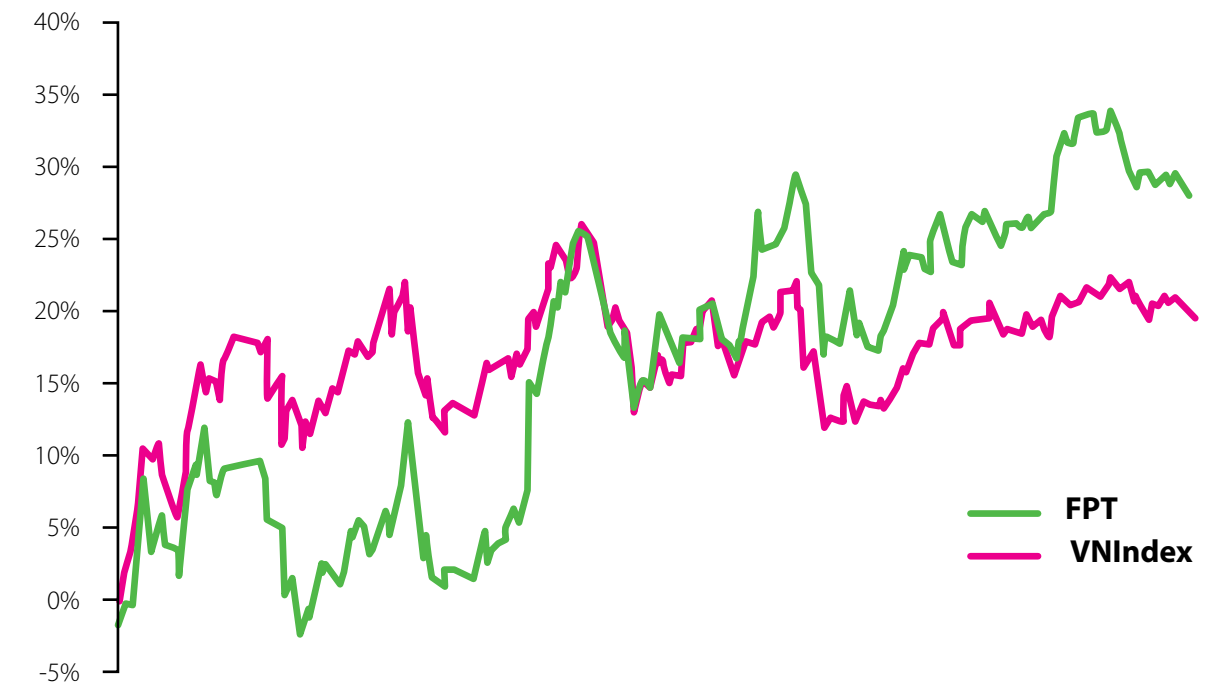
Sở hữu theo địa lý	Cổ đông	%	Cổ phần	%
Việt Nam	11.479	89,82%	140.299.401	51,00%
Cá nhân	11.368	88,95%	98.850.088	35,93%
Tổ chức	111	0,87%	41.449.313	15,07%
Nước ngoài	1.301	10,18%	134.819.978	49,00%
Cá nhân	1.162	9,09%	2.648.089	0,96%
Tổ chức	139	1,09%	132.171.889	48,04%
Tổng	12.780	100,00%	275.119.379	100,00%

10 cổ đông lớn nhất	Cổ phần	%
Ông Trương Gia Bình	19.649.128	7,14%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	16.639.800	6,05%
Red River Holdings	15.754.058	5,73%
Ông Bùi Quang Ngọc	10.223.495	3,72%
Cashew Investments Pte. Ltd	9.841.570	3,58%
Government of Singapore	8.374.737	3,04%
The Caravel Fund (International) Ltd	7.296.005	2,65%
Vietnam Equity Holding	6.131.807	2,23%
Ông Hoàng Minh Châu	4.917.632	1,79%
Vietnam Enterprise Investments Limited	4.841.688	1,76%

THÔNG TIN CHUNG VỀ CỔ PHIẾU FPT NĂM 2013

Tại thời điểm 31/12/2013, cổ phiếu FPT đạt mức 47.100 đồng, với giá trị vốn hóa thị trường là 12.958 tỷ đồng.

Biến động giá cổ phiếu FPT với VnIndex trong năm 2013



Trong năm 2013, FPT đã thực hiện chi trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông như sau:

Chi trả cổ tức

Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt cho cổ đông theo tỷ lệ 15%/ mệnh giá vào ngày 30/8/2013.

Phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013, Tập đoàn đã thực hiện phát hành cổ phần phổ thông cho người lao động có thành tích đóng góp trong năm 2012, nâng vốn điều lệ lên 2.752.017.550.000 đồng

Tình hình giao dịch cổ phiếu quỹ

STT	Thời gian	Số lượng CP quỹ	Mua lại	Phân bổ	Ghi chú
1	Chốt đến 28/2/2013	80.723			
2	16/3 - 31/3/2013		467		Tập đoàn mua lại CPUĐNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT
3	16/4 - 30/4/2013		136		Tập đoàn mua lại CPUĐNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT
4	16/5 - 31/5/2013		350		Tập đoàn mua lại CPUĐNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ Công ty FPT
5	16/6 - 30/6/2013		700		Tập đoàn mua lại CPUĐNV khi CBNV nghỉ việc theo Điều lệ của FPT
6	Chốt đến 27/2/2014	82.376			

Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BGD, BKS, KTT

Họ tên	Tỷ lệ	Chức danh
Trương Gia Bình	7,14%	Chủ tịch HĐQT
Bùi Quang Ngọc	3,72%	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
Đỗ Cao Bảo	1,18%	Thành viên HĐQT
Lê Song Lai	0,00%	Thành viên HĐQT
Lê Nữ Thùy Dương	0,00%	Thành viên HĐQT
Jean Charles Belliol	0,00%	Thành viên HĐQT
Chu Thị Thanh Hà	0,01%	Phó TGD
Nguyễn Thế Phương	0,06%	Phó TGD
Nguyễn Việt Thắng	0,01%	Trưởng BKS
Nguyễn Khải Hoàn	0,01%	Thành viên BKS
Cao Duy Hà	0,00%	Thành viên BKS
Hoàng Hữu Chiến	0,01%	Kế toán trưởng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Norges Bank	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	378.870	0,14%	422.120	0,15%	Mua
2	Nguyễn Khải Hoàn	Ủy viên BKS	104.745	0,04%	33.035	0,01%	Bán
3	Chu Hùng Thắng	Em trai PTGD Chu Thị Thanh Hà	37.750	0,01%	12.750	0,005%	Bán
4	Amersham Industries Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	4.388.790	1,59%	4.788.790	1,74%	Mua
5	Balestrand Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	299.625	0,11%	474.625	0,17%	Mua
6	Grinling International Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	341.830	0,12%	391.830	0,14%	Mua
7	Wareham Group Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	4.082.770	1,48%	4.082.770	1,48%	

8	Vietnam Enterprise Investment Limited	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	4.241.338	1,54%	4.741.338	1,72%	Mua
9	Norges Bank	Liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital	422.120	0,15%	2.844.950	1,03%	Mua
10	Tổng nhóm NĐT liên quan đến cổ đông lớn Dragon Capital		13.776.473	5,01%	17.324.303	6,30%	Mua
11	Orchid Capital Investment Pte., Ltd.	Cổ đông lớn	29.168.462	10,66%	0	0,00%	Bán
12	Trương Đình Anh	Ủy viên HĐQT	1.178.545	0,43%	21.428	0,01%	Bán
13	Hoàng Hữu Chiến	Kế toán trưởng	60.439	0,022%	14.289	0,005%	Bán

CÁC HOẠT ĐỘNG VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Trao đổi cởi mở, thẳng thắn, hai chiều và đối xử công bằng giữa các cổ đông luôn là nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư (IR) FPT.

Nhận thức rõ vai trò của việc trao đổi thường xuyên và hiệu quả với các nhà đầu tư, chuyên viên phân tích tài chính, Bộ phận IR FPT đã liên tục và định kỳ thực hiện các công việc như:

- Duy trì, cập nhật thường xuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư trên website của Tập đoàn;
- Tuân thủ các yêu cầu về công bố thông tin theo luật định;
- Định kỳ cung cấp các bản tin nhà đầu tư hàng tháng, tổ chức họp công bố kết quả kinh doanh hàng quý;
- Tổ chức các cuộc họp giới thiệu về Tập đoàn đáp ứng nhu cầu của các quỹ đầu tư trong và ngoài nước.

Với việc duy trì các kênh liên lạc thường xuyên, hai chiều giữa Tập đoàn và cộng đồng đầu tư, Bộ phận IR FPT đã tiến hành cập nhật kịp thời tới nhà đầu tư và các cổ đông của FPT về chiến lược, tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh để nhà đầu tư có thể có những quyết định kịp thời.

Trong năm 2013, cổ phiếu FPT vẫn nhận được rất nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Điều này được minh chứng bằng việc đều đặn hàng tháng, hàng quý các công ty chứng khoán (CTCK) hàng đầu trên thị trường vẫn đưa ra các bản báo cáo phân tích về FPT và số lượng các CTCK viết báo cáo về FPT cũng tăng lên so với năm trước. Đồng thời, trong năm 2013, Bộ phận IR FPT đã gặp mặt trực tiếp hơn 90 quỹ đầu tư và giải đáp thắc mắc của các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng qua email, điện thoại.

Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Tập đoàn cũng tham dự một số cuộc hội thảo được các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán lớn tổ chức như:

- Hội thảo Nhà đầu tư của UBS, được tổ chức tại Thái Lan vào giữa tháng 5/2013;
- Hội thảo Thường niên do CIMB tổ chức tại Malaysia vào tháng 6/2013;
- Hội thảo Ngày Doanh nghiệp Việt Nam tại Singapore do HOSE phối hợp với Daiwa tổ chức vào cuối tháng 8/2013.

Năm 2014, Bộ phận IR FPT tiếp tục đặt mục tiêu:

- Tiếp tục duy trì tốt các hoạt động đã thực hiện trong năm 2013 như tổ chức họp nhà đầu tư hàng quý và cung cấp bản tin hàng tháng cho nhà đầu tư;
- Xây dựng mục quan hệ cổ đông trên website chính thức của Tập đoàn chuyên nghiệp hơn nữa, nhằm đảm bảo thêm kênh thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời cho nhà đầu tư;
- Nỗ lực giải đáp mọi yêu cầu, thắc mắc của nhà đầu tư trong thời gian nhanh nhất với hiệu quả cao nhất và đầy đủ nhất.

4 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mô hình phát triển bền vững • Phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh
- Phát triển nguồn nhân và hoạt động cộng đồng • Hoạt động môi trường

6.500

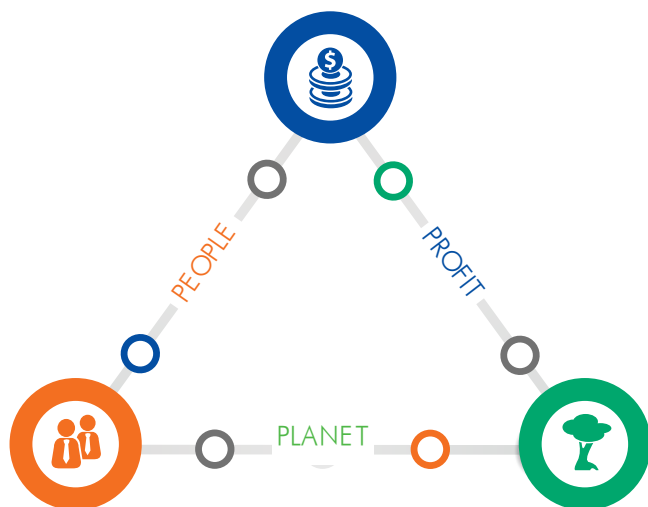
lập trình viên, kỹ sư CNTT,
chuyên gia công nghệ theo
chuẩn quốc tế đang làm
việc tại 17 quốc gia trên
phạm vi toàn cầu.



MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là Tập đoàn công nghệ hàng đầu, FPT luôn coi sứ mệnh quan trọng là mang công nghệ và tri thức mới giúp mỗi người phát huy hết tiềm năng, cải thiện cuộc sống; góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế, giáo dục, thiên tai, môi trường... Cam kết này đã được phản ánh trong các sản phẩm/dịch vụ/giải pháp và các chương trình xã hội mà FPT thực hiện trong nhiều năm qua.

FPT luôn quan tâm, hài hòa 3 yếu tố (3P): Profit (lợi ích), People (cộng đồng), Planet (môi trường) trong chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.



3 YẾU TỐ ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PROFIT: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ, nâng cao hệ thống quản trị, lấy khách hàng làm trung tâm nhằm tăng trưởng nhanh, bền vững và hướng đến trở thành "Tập đoàn toàn cầu hàng đầu Việt Nam về dịch vụ thông minh".

Tiếp tục tham gia xây dựng các hệ thống thông tin lớn của quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành CNTT-VT.

Đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông/khách hàng và đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước.



PEOPLE: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Coi con người là tài sản lớn nhất, vì thế, FPT chú trọng xây dựng chính sách đãi ngộ, bồi dưỡng nhân tài, phát triển văn hóa doanh nghiệp...

Tận dụng lợi thế về công nghệ, lực lượng tri thức để đồng hành cùng cộng đồng trong việc hỗ trợ tài năng trẻ, phát triển công nghệ vì cộng đồng và lan tỏa lòng nhân ái trong FPT và toàn xã hội.



PLANET: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nâng cao ý thức và khuyến khích thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của CBNV FPT.

Kết hợp với các tổ chức quốc tế và Việt Nam thực hiện các chương trình hành động vì môi trường.

Áp dụng các giải pháp thông minh, công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm năng lượng.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Phát triển kinh tế

Với vai trò tiên phong trong lĩnh vực CNTT-VT Việt Nam, FPT luôn giữ mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng trung bình của ngành, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của ngành:

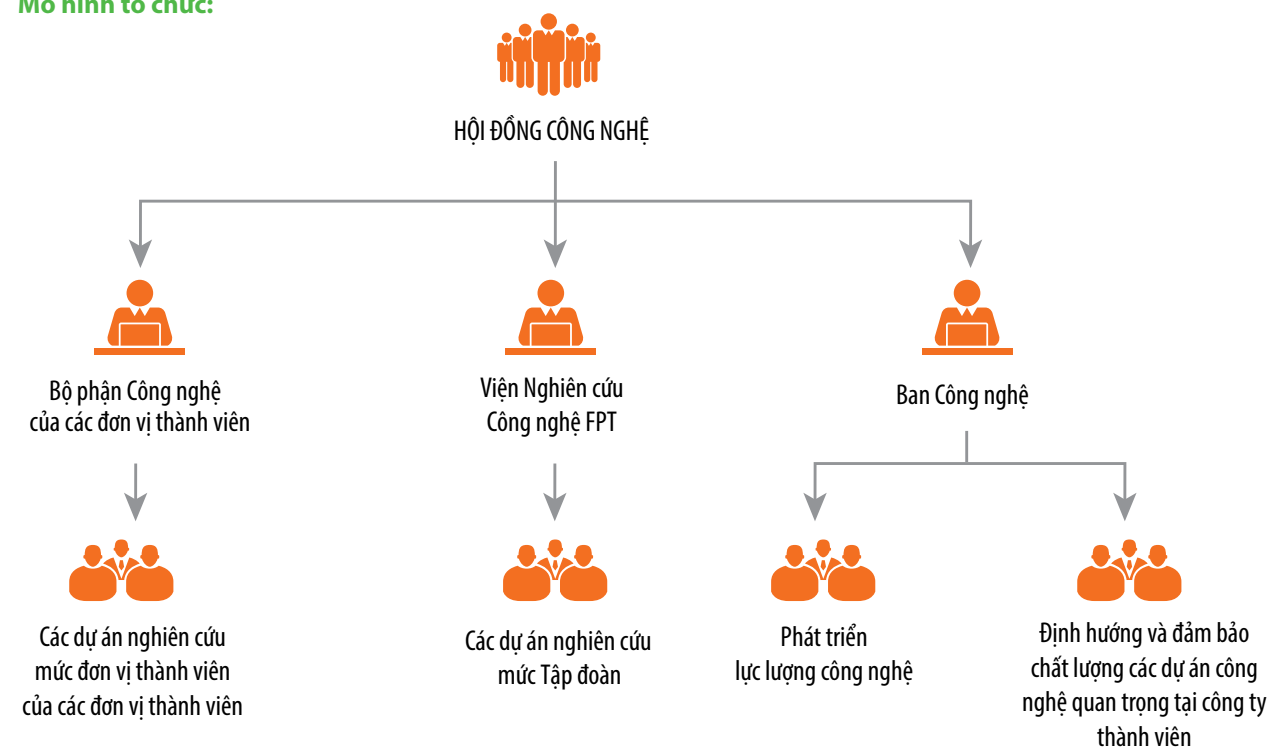
- Tham gia xây dựng hầu hết các hệ thống thông tin lớn của quốc gia, khẳng định năng lực công nghệ của doanh nghiệp CNTT Việt Nam;
- 1 trong 4 ISP đầu tiên đóng góp tích cực cho sự phát triển của Internet Việt Nam;
- Thành công trong xuất khẩu phần mềm, góp phần đưa Việt Nam có tên trong bản đồ số của thế giới;
- Tiên phong đổi mới trong đào tạo đại học nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành CNTT Việt Nam;
- Tạo việc làm cho hơn 17.000 người, đóng góp hàng nghìn tỷ đồng/năm cho Ngân sách Nhà nước. Năm 2013, FPT đã tạo thêm 2.500 việc làm mới và nộp Ngân sách Nhà nước 4.043 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm 2012.



Nâng cao năng lực cạnh tranh

Nghiên cứu và phát triển

Mô hình tổ chức:



Định hướng và chính sách

Định hướng:

Tạo ra những giá trị mới cho khách hàng và mang lại sự phát triển bền vững cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Theo đó, Tập đoàn tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm/dịch vụ/giải pháp CNTT theo những xu hướng công nghệ mới nhất áp dụng cho khách hàng trong nhiều lĩnh vực khác nhau tại thị trường trong nước và nước ngoài. Hiện nay, FPT và các đơn vị thành viên đang tập trung phát triển theo xu hướng công nghệ S.M.A.C.

Chính sách:

Ngân sách cho Nghiên cứu và Phát triển

Năm 2012, HĐQT FPT đã quyết định trích 5% lợi nhuận trước thuế hàng năm cho công tác nghiên cứu và phát triển (R&D) chung của Tập đoàn. Năm 2013, ngân sách từ Tập đoàn chi cho các dự án R&D tăng 87,67% so với năm 2012. Trong đó, một số dự án tiêu như: Dự án SmartBank. NextG - Xây dựng phần mềm Core Banking mới; dự án FPT.eGov - Nâng cấp hệ thống chính quyền điện tử; dự án FPT.eHEALTH - Nâng cấp hệ thống eHospital,...

Bên cạnh đó, mỗi đơn vị thành viên của Tập đoàn cũng dành một khoản ngân sách riêng đáng kể cho lĩnh vực R&D của đơn vị mình.

Xây dựng nguồn nhân lực

Nhằm đảm bảo nguồn lực tốt cho việc thực hiện các dự án R&D, FPT xây dựng cơ chế đánh giá và xếp hạng chung cho cán bộ công nghệ toàn Tập đoàn, gồm: Cấu trúc chức danh công nghệ; hệ thống mô tả tiêu chuẩn chức danh; danh sách cán bộ công nghệ; đề xuất về chính sách đãi ngộ; quy trình quản lý và sử dụng cán bộ công nghệ; triển khai việc xếp hạng cán bộ công nghệ cấp Tập đoàn.

Ngoài ra, FPT cũng liên kết với các nguồn lực nghiên cứu trong và ngoài nước để tận dụng những kết quả nghiên cứu trong các lĩnh vực công nghệ mới như: Xử lý dữ liệu lớn, học máy,....

Kết quả hoạt động năm 2013

Sản phẩm biểu tượng (flagship) SmartOshin dựa trên nền tảng công nghệ Cloud, Mobility đã hoàn thành giai đoạn 1

đúng dự kiến và kết thúc bằng cuộc thi Mobile Robot Challenge (MRC2013). Một số công nghệ cơ bản phát triển trong quá trình xây dựng flagship (xử lý ngôn ngữ tự nhiên; xử lý thông tin dạng hình ảnh, video; điều khiển hành vi robot và các thiết bị trong gia đình; ...) bước đầu đã được đưa vào triển khai trong các sản phẩm/dịch vụ/giải pháp mới của Tập đoàn như:

- Hệ thống quảng cáo thông minh e-click;
- Hệ thống thuyết minh tự động cho OneTV;
- Giải pháp giao tiếp với tivi thông minh và settop box cho truyền hình cáp.

Ngày Công nghệ FPT được tổ chức với mục đích tổng kết và chia sẻ kinh nghiệm về những kết quả đã đạt được trong việc ứng dụng và triển khai sản phẩm trong các mảng công nghệ trọng tâm như: S.M.A.C, Security (an ninh),... và hoạch định hướng đầu tư trong thời gian tới. Sự kiện đã thu hút sự tham gia của 300 chuyên gia công nghệ trong Tập đoàn.

Xây dựng thành công và đưa vào sử dụng hệ thống chia sẻ tri thức cho các chuyên gia công nghệ trong Tập đoàn dựa trên nền tảng mạng xã hội doanh nghiệp.

Tham gia các sự kiện/hội thảo khoa học của cộng đồng trong nước và nước ngoài: Mobile World Congress(MWC 2013); Gartner Outsourcing & Strategic Partnerships Summit 2013; Gartner Symposium/ITxpo 2013; OpenStack Summit 2013; Consumer Electronics Show;...

Xin cấp bằng sáng chế cho 25 sản phẩm/dịch vụ/giải pháp ứng dụng trong đời sống kinh tế xã hội dựa trên các công nghệ: tự động hóa, thiết bị di động thông minh, điện toán đám mây, dữ liệu lớn,....

Nâng tầm quản trị doanh nghiệp

Ban Lãnh đạo FPT tin tưởng: Liên tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và quản lý sản xuất là phương thức hiệu quả nhất đảm bảo hài lòng khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và đem lại lợi ích bền vững cho cổ đông.

Năng lực quản trị công ty

Triển khai BSC nhằm xây dựng hệ thống quản lý triển khai chiến lược hiện đại. BSC được đánh giá là 1 trong 10 công cụ quản trị hiệu quả nhất và được áp dụng ở hầu hết các

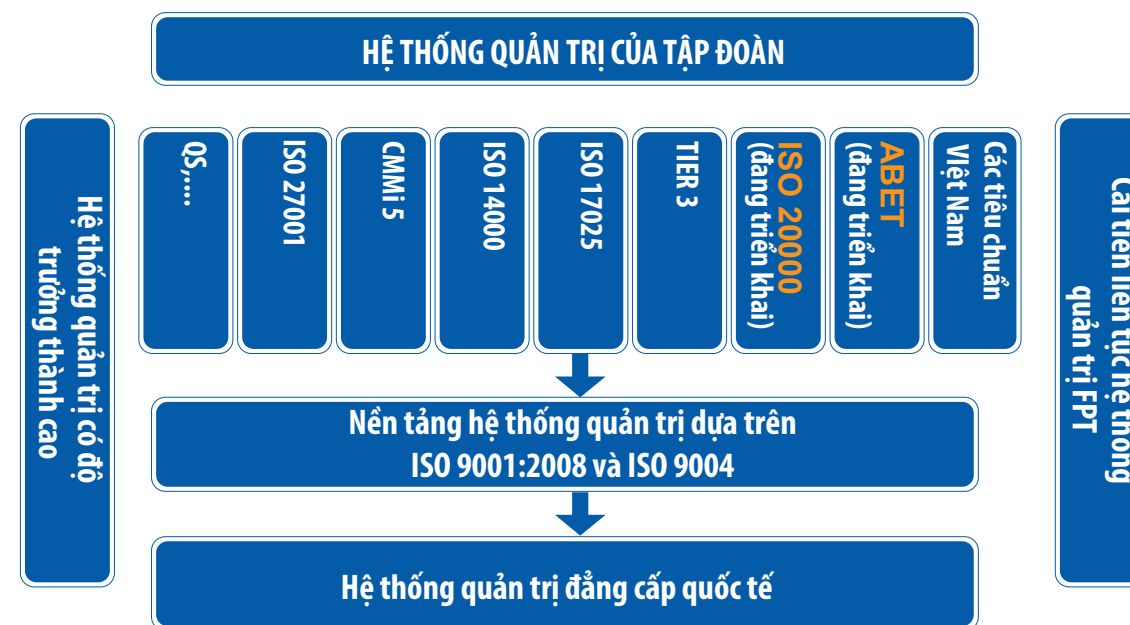
tập đoàn lớn trên toàn cầu. FPT đã xây dựng thành công cơ cấu ngành dọc quản lý triển khai chiến lược tại tất cả các CTTV. Năm 2014, BSC sẽ được triển khai tới bộ phận sản xuất kinh doanh tại các CTTV và ngành dọc chức năng trong toàn Tập đoàn.

Triển khai cấu trúc thu nhập mới trên nền tảng mô hình quản trị nhân sự đẳng cấp quốc tế giúp nâng cao tính minh bạch; khuyến khích nhân viên trong công việc; gia tăng động lực cho những mũi tấn công chiến lược của Tập đoàn; tạo thuận lợi cho FPT mở rộng quy mô nhân sự tại nước ngoài, thúc đẩy chiến lược Toàn cầu hóa.

Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh

FPT không ngừng cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đem lại sự hài lòng cho khách hàng và tối ưu hóa chi phí.

FPT là doanh nghiệp CNTT đầu tiên tại Đông Nam Á nhận được chứng chỉ ISO 9001, áp dụng cho toàn Tập đoàn. Ngoài ra, FPT còn đạt nhiều chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế cho từng lĩnh vực hoạt động.



STT	Khối Kinh doanh	Chứng chỉ/Chứng nhận
1	Khối Công nghệ (Phát triển phần mềm; Tích hợp hệ thống; Dịch vụ CNTT)	- CMMi for Development mức 5: Chứng chỉ chuyên cho hoạt động phát triển phần mềm - ISO 27001: Chuẩn Hệ thống Quản lý Bảo Mật Thông Tin - ISO 50001:2011: Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống Quản lý Năng lượng
2	Khối Viễn thông (Dịch vụ viễn thông; Nội dung số)	- Uptime Tier III: Chứng chỉ quốc tế dành cho Data Center - ISO 27001: Chuẩn Hệ thống Quản lý Bảo Mật Thông Tin
3	Khối Phân phối, Bán lẻ và Sản xuất thiết bị	- ISO 14001: Chuẩn về Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất/kinh doanh - ISO 17025: Chuẩn về năng lực của phòng thí nghiệm/kiểm thử
4	Khối Giáo dục	- ISO 14001: Chuẩn về Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất/kinh doanh - ISO 17025: Chuẩn về năng lực của phòng thí nghiệm/kiểm thử

Trong suốt chặng đường hơn 25 năm, FPT luôn chú trọng thu hút nhân tài, phát triển tiềm năng và tinh thần hợp tác của mọi thành viên.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Trong suốt chặng đường hơn 25 năm, FPT luôn chú trọng thu hút nhân tài, phát triển tiềm năng và tinh thần hợp tác của mọi thành viên.

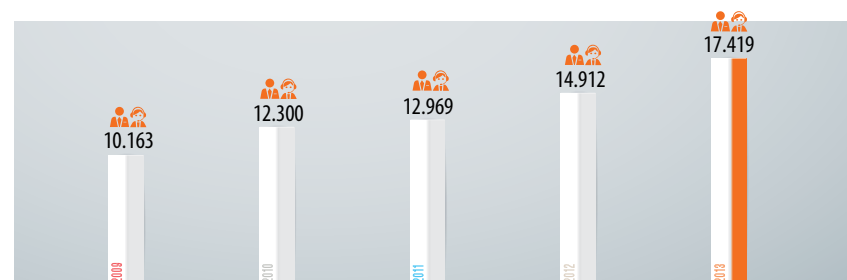
Phát triển nguồn nhân lực

Tính đến hết ngày 31/12/2013, tổng số CBNV là 17.419 người, trong đó có 6.500 kỹ sư, lập trình viên, chuyên gia công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế. FPT tự hào là công ty tập trung đông đảo cán bộ CNTT nhất Việt Nam.

FPT nỗ lực làm chủ công nghệ trên mọi lĩnh vực hoạt động và đã đạt được hàng nghìn chứng chỉ công nghệ quốc tế quan trọng của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới. Đây là nền tảng vững chắc giúp FPT không ngừng tạo nên những giá trị gia tăng hiệu quả cho khách hàng.

Đánh giá chung hoạt động nhân sự

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM

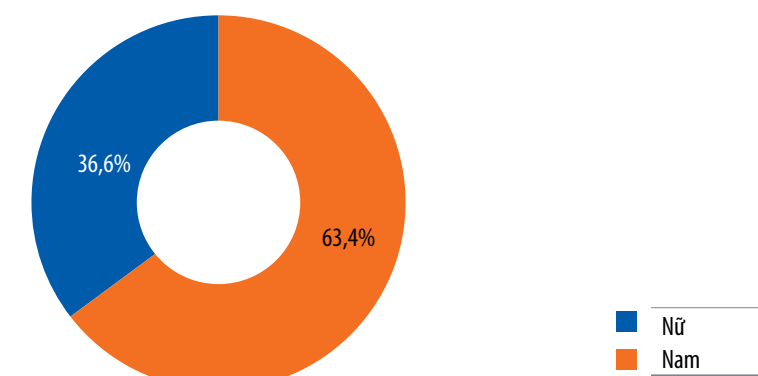


ĐỘ TUỔI TRUNG BÌNH TOÀN FPT

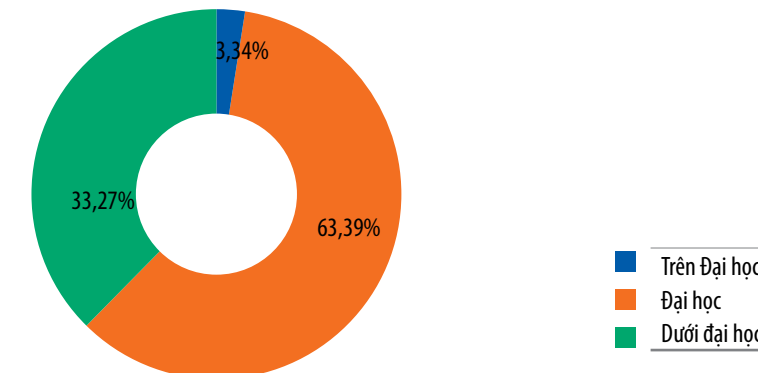
Độ tuổi	%
Dưới 25	17,44
Từ 25 đến 30	50,54
Từ 31 đến 40 tuổi	28,96
Từ 41 đến 50 tuổi	2,42
>50 tuổi	0,64

FPT nỗ lực làm chủ công nghệ trên mọi lĩnh vực hoạt động và đã đạt được hàng nghìn chứng chỉ công nghệ quốc tế quan trọng của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới.

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH



CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ



CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO CHỨC NĂNG CÔNG VIỆC

Chức năng công việc	Nhân sự					Tỷ lệ				
	2009	2010	2011	2012	2013	2009	2010	2011	2012	2013
Quản lý	299	418	326	686	1.746	3%	4%	3%	5%	10%
Kỹ sư công nghệ	4.247	4.589	4.515	5.552	6.684	46%	41%	38%	40%	38%
Cán bộ kinh doanh	2.679	2.450	2.999	3.022	3.403	29%	22%	25%	22%	20%
Cán bộ hỗ trợ	1.918	3.702	3.992	4.631	5.586	21%	33%	34%	33%	32%

CÁC THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thay đổi về tổ chức 2013

Tháng 3/2013, HĐQT FPT thông qua việc chuyển sở hữu FPT Services từ Tập đoàn về FPT IS.

Tháng 7/2013, thành lập Công ty Dịch vụ FPT Myanmar với chức năng thiết lập quan hệ với chính phủ, bộ ngành, các hiệp hội ICT và các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng CNTT tại Myanmar.

Tháng 1/2014, Thành lập Ban Giám sát và Tuân thủ FPT.

Thay đổi về nhân sự

Năm 2013, FPT tiếp tục có những thay đổi về nhân sự cấp cao. Một số thay đổi vị trí quan trọng như sau:

Tháng 7/2013	Ông Bùi Quang Ngọc, Phó Chủ tịch FPT được bổ nhiệm vị trí TGD, thay cho Ông Trương Gia Bình.
Tháng 7/2013	Ông Nguyễn Văn Khoa, TGD FPT Telecom kiêm nhiệm vị trí GD điều hành FPT Online, thay cho Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng.
Tháng 7/2013	Bà Nguyễn Bạch Diệp được bổ nhiệm giữ chức TGD FPT Retail, thay cho Ông Phạm Thành Đức. Bà Võ Thị Hoàng Quân được bổ nhiệm vị trí PTGD FPT Retail.
Tháng 7/2013	Ông Hoàng Minh Châu và bà Bùi Thị Hồng Liên được bổ nhiệm vào các vị trí tương ứng Chủ tịch và TGD FPT Myanmar.
Tháng 10/2013	Ông Trần Quốc Hoài, Chủ tịch FPT Trading kiêm nhiệm vị trí TGD FPT Trading, thay cho Ông Lê Trung Thành.
Tháng 12/2013	Ông Lê Quang Tiến được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch kiêm TGD Công ty TNHH Đầu tư FPT.
Tháng 12/2013	Ông Chu Hùng Thắng được bổ nhiệm vị trí PTGD FPT Telecom.

Xây dựng nguồn lực lãnh đạo

FPT đã triển khai chương trình quy hoạch cán bộ cấp cao toàn Tập đoàn nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ trẻ, được rèn luyện và trải nghiệm thực tế, hiểu biết sâu rộng về hoạt động kinh doanh, giá trị cốt lõi FPT để có thể sẵn sàng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo và quản lý cấp cao của Tập đoàn.

Theo đó, các ứng viên sẽ được đánh giá ở 13 năng lực phẩm chất với hơn 40 tiêu chí. Ngoài các năng lực căn bản của lãnh đạo như: Khát vọng và đam mê thành công; tầm nhìn và tư duy chiến lược; tập hợp lực lượng tài năng; khả năng quản trị hiệu quả..., các ứng viên sẽ được đánh giá thêm ở nhiều năng lực mới như: Khả năng toàn cầu hóa; am hiểu các hoạt động kinh doanh đa dạng của FPT; hiểu biết và nắm bắt các xu hướng công nghệ thế giới; gương mẫu trong phát triển văn hóa FPT.

Bên cạnh đó, FPT đã thực hiện nhiều chương trình đào tạo cho cán bộ chủ chốt và quản lý của Tập đoàn thông qua FLI như: chương trình Leadership Training - cung cấp các kỹ năng mềm, chương trình MiniMBA, các khóa đào tạo Coaching Skills for Executive, FLI Club, Leader talk, câu lạc bộ Kinh doanh Dự án (PBC), chương trình sư phụ - đệ tử, các chuyến đi thực tế tại các tập đoàn nước ngoài,...

Năm 2013, FLI đã tổ chức được gần 30 sự kiện, hội thảo chuyên đề với khách mời là những chuyên gia kinh tế, doanh nhân thành đạt, lãnh đạo nhiều kinh nghiệm... thu hút hàng ngàn cán bộ tham gia trực tiếp và online; 1.311 lượt quản lý, lãnh đạo FPT đã tham gia các khóa đào tạo của FLI.

Năm 2013, FPT đã triển khai được 4 chương trình “Chat với CEO” tại 4 trường ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Bách Khoa Hà Nội & Tp Hồ Chí Minh, Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh thu hút được hơn 5.000 sinh viên tham gia.

Thu hút nhân tài

Theo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng 2013 của CareerBuilder, FPT là nhà tuyển dụng được ưa thích nhất trong lĩnh vực CNTT tại Việt Nam, và đứng vị trí thứ 5 trong tất cả các lĩnh vực được khảo sát.

Hàng năm, FPT tổ chức nhiều chương trình, hoạt động liên kết với các trường đại học nhằm tìm kiếm tài năng trẻ, rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn như:

- Chat với CEO, chương trình giao lưu giữa lãnh đạo FPT với sinh viên các trường đại học trên toàn quốc. Năm 2013, FPT đã triển khai 4 chương trình tại: ĐH Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội, ĐH Bách Khoa HN & TP. HCM, ĐH Kinh Tế TP. HCM thu hút hơn 5.000 sinh viên tham gia;
- FPT Tour, chương trình sinh viên đến FPT thăm quan, tìm hiểu môi trường làm việc thực tế;
- Open Day, ngày hội hướng nghiệp tuyển dụng;
- Sinh viên thực tập tài năng, trong năm 2013, chương trình đã thu hút được hơn 1.200 sinh viên đăng ký dự thi, 35 sinh viên xuất sắc nhất đã được lựa chọn cho các vị trí quan trọng như Trợ lý Ban Tổng giám đốc FPT, Phát triển dự án Quản lý chất lượng (FQA), Trợ lý Chủ tịch FPT Online,...;
- Đào tạo miễn phí các kỹ năng cần thiết cho sinh viên trước khi đi làm.

Chế độ chính sách cho người lao động

Chính sách đãi ngộ

FPT rất chú trọng đến chính sách đãi ngộ và thăng tiến, quan tâm đến đời sống của CBNV với phương châm tạo cho CBNV có một cuộc sống “đầy đủ về vật chất và phong phú về tinh thần”. Chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí: tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp cho FPT; cạnh tranh theo thị trường; khuyến khích tăng kết quả và chất lượng công việc; công bằng và minh bạch.

Năm 2013, FPT đã ban hành chính sách đãi ngộ mới đảm bảo 100% CBNV biết kế hoạch thu nhập năm của mình từ đầu năm nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.

Hệ thống đãi ngộ FPT được phân thành 4 loại gồm:

- ▶ **Lương:** Lương sản xuất kinh doanh (12 tháng); lương tháng thứ 13 được thưởng vào dịp thành lập Tập đoàn và Tết Âm lịch;
- ▶ **Phụ cấp:** Đi lại, cước điện thoại di động, kiêm nhiệm, ...
- ▶ **Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện dự án/công việc;**
- ▶ **Phúc lợi xã hội:** Bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp, khám sức khỏe/bảo hiểm FPT Care, chế độ nghỉ mát, ...

Chính sách thăng tiến

FPT luôn có các chính sách tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ cho các CBNV tiềm năng. Một loạt chính sách phục vụ cho việc thăng tiến của CBNV tiềm năng được ban hành như: chính sách quy hoạch cán bộ nguồn (cán bộ cốt cán); chính sách giảm, tiến tới bỏ hẳn sự kiêm nhiệm nhiều vị trí của cán bộ lãnh đạo, tạo cơ hội cho các cán bộ

lớp dưới; chính sách luân chuyển cán bộ lãnh đạo; chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch.

Bên cạnh đó, FPT luôn có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng.

Chính sách đào tạo

FPT khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi CBNV phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc FPT liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo. CBNV khi tham gia đào tạo được FPT tài trợ một phần hoặc toàn bộ học phí. Năm 2013, FPT đã đầu tư 28,57 tỷ đồng cho các hoạt động đào tạo trong đó có việc tổ chức 1.876 khóa học với sự tham gia của 47.308 lượt CBNV.

Một số chương trình đào tạo chính của FPT

- ▶ **Đào tạo tân binh:** 100% nhân viên mới được tham gia khóa học đào tạo định hướng nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của FPT;
- ▶ **Đào tạo cán bộ công nghệ:** Thường xuyên tổ chức đào tạo cập nhật những xu hướng công nghệ mới, đào tạo thi chứng chỉ của những hãng công nghệ hàng đầu để đội ngũ công nghệ nâng cao trình độ và khả năng sáng tạo;
- ▶ **Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn:** Định kỳ hàng năm, nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc;
- ▶ **Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận:** Ưu tiên nguồn lực để đào tạo cán bộ nòng cốt trở thành lực lượng quản lý, lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn của Tập đoàn.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa chính là sức mạnh của FPT, là chất keo gắn kết người FPT, thúc đẩy mỗi người FPT nỗ lực, sáng tạo đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn.

Văn hóa FPT trước hết là văn hóa ứng xử FPT, là tinh thần mà người FPT hướng tới: Người FPT “Tôn trọng cá nhân - Đổi mới - Đồng đội”, lãnh đạo FPT cần “Chí công - Gương mẫu - Sáng suốt”. Điểm khác biệt cốt lõi của FPT là chấp nhận mọi người như họ vốn có: cả mặt mạnh, mặt yếu, cả điểm tốt và không tốt. FPT luôn tôn trọng, lắng nghe và tạo điều kiện để mỗi thành viên được là chính mình. Ở FPT, cấp dưới có thể nói thẳng và trao đổi bình đẳng với cấp trên. Việc lắng nghe những ý kiến khác biệt là cách để lãnh đạo FPT tránh đưa ra những quyết định sai lầm và khuyến khích tinh thần đổi mới, sáng tạo cho nhân viên.

Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của FPT được tuyên truyền, lưu giữ và phát triển thông qua các ấn phẩm như lược sử, sử ký, tuyển tập, nội san Chúng ta, phim ảnh, đĩa CD, văn thơ, hội họa, điêu khắc và các lễ hội truyền thống,...

FPT là một trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam duy trì các ngày truyền thống trong nhiều năm, đó là:

Ngày Vi Cọng Đồng (13/3): Tổ chức nhiều chương trình mang tính cộng đồng, nâng cao nhận thức và khơi dậy lòng nhân ái của toàn thể CBNV;

Ngày Hướng về Cội nguồn (dịp 10/3 Âm lịch): Tổ chức những chuyến đi về nguồn, tưởng nhớ lịch sử dân tộc, khơi gợi lòng yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc;

Ngày Văn nghệ FPT (19/5): Tổ chức các hoạt động văn nghệ ca múa nhạc, đảm bảo đời sống tinh thần phong phú cho CBNV;

Ngày thành lập FPT (13/9): Tổ chức các hoạt động hội diễn, hội thao, ... nhằm gìn giữ giá trị truyền thống của Tập đoàn;

Hội làng FPT (22/12 Âm lịch): Tổ chức mỗi khi Tết đến, với mong muốn xây dựng một không gian truyền thống lễ hội Việt và cơ hội để người FPT chia sẻ chúc mừng sau một năm làm việc vất vả. Cũng trong ngày này, những cá nhân có kết quả cao nhất trong các cuộc thi tổ chức toàn Tập đoàn hằng năm sẽ được sắc phong Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa.

Bên cạnh đó, FPT còn chú trọng phát triển cơ sở vật chất, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, biến công ty trở thành ngôi nhà thứ 2 của CBNV. FPT đã và đang tiếp tục hướng đến việc xây dựng các văn phòng làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế, thân thiện với môi trường. Trong đó có những khu văn phòng được xây dựng theo mô hình campus như F-Ville, F-Town, FPT Đà Nẵng... nhằm tạo ra một môi trường làm việc sáng tạo giúp CBNV có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình trong công việc.

Theo khảo sát được Ban Nhân sự FPT tiến hành hàng năm, chỉ số gắn kết nhân viên đang có sự phát triển ổn định thể hiện người FPT ngày càng gắn bó với Công ty.

Năm 2013, nhân dịp 25 năm thành lập, FPT đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, đời sống, thi đua kinh doanh,... nhằm phát huy tinh thần sáng tạo, tiên phong của người FPT, tạo động lực để Tập đoàn tiếp tục tăng trưởng bền vững.

FPT tin tưởng rằng, với thế mạnh về công nghệ và lực lượng tri thức đông đảo cùng môi trường làm việc sáng tạo, sẽ giúp các tài năng trẻ có cơ hội tỏa sáng, phát triển công nghệ vì cộng đồng, lan tỏa và ươm mầm nhân ái ra toàn xã hội thông qua các hành động cụ thể.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Hỗ trợ tài năng trẻ

FPT mong muốn tập hợp những nhân tài trẻ tuổi của đất nước, tạo tiền đề và điều kiện để họ phát triển một cách toàn diện trở thành những người thành đạt trong xã hội, góp phần hưng thịnh quốc gia.

Sau 14 khóa tuyển sinh thành công, đến nay, Trung tâm Bồi dưỡng Tài năng trẻ (FYT) đã bồi dưỡng được 331 thành viên. Trong quá trình sinh hoạt tại đây, các thành viên đã đạt được nhiều giải thưởng lớn trong các cuộc thi như: Trí Tuệ Việt Nam, Thấp sáng Tài năng Kinh doanh trẻ, Nữ sinh Tài năng, Quả cầu Vàng...; 40% thành viên đã và đang học tập tại các trường đại học danh tiếng tại Mỹ, Anh, Pháp, Úc và Singapore...

Vừa qua, FYT đã tổ chức nhiều hoạt động sinh hoạt tập thể như: Chương trình giao lưu cùng người Việt Nam đầu tiên làm việc cho Google; học tập kỹ năng thuyết trình; bàn luận kinh tế với chuyên gia Phạm Chi Lan; cuộc thi khởi nghiệp Kiểm tiến 30 giờ... nhằm rèn luyện trí và lực cho các thành viên.

FPT tham gia xây dựng và tài trợ nhiều học bổng có ý nghĩa nhằm hỗ trợ những học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cũng như khuyến khích, tạo điều kiện phát triển cho các sinh viên tài năng. Hàng trăm suất Học bổng Nguyễn Văn Đạo, học bổng tài năng FPT với trị giá hơn 13 tỷ đồng đã được trao trong năm 2013 cho các em học sinh, sinh viên trên toàn quốc,...

Năm 2013, FPT cũng đã tổ chức thành công cuộc thi Mobile Robot Challenge 2013 cho các trường khối công nghệ tại địa bàn Hà Nội nhằm tạo một sân chơi thú vị và bổ ích cho sinh viên ngành CNTT-VT. Ngoài ra, FPT còn tài trợ cho nhiều chương trình có ý nghĩa như Olympic tin học, hội thi tin học trẻ toàn quốc, học sinh giỏi quốc tế, ...



Công nghệ vì cộng đồng

Là Tập đoàn hàng đầu về công nghệ, FPT mong muốn tạo ra một môi trường để tri thức và công nghệ mới được phát triển khắp cộng đồng và xã hội.

Một trong các chương trình kết nối chia sẻ tri thức bằng việc áp dụng công nghệ đã triển khai thành công là Cuộc thi giải toán qua mạng Internet (ViOlympic), phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo. Đến nay, cuộc thi đã thu hút được gần 13 triệu thành viên là học sinh từ lớp 1-12 và phổ cập tới hàng nghìn trường tại 63 tỉnh thành. Mỗi ngày, hệ thống ghi nhận trung bình 25.000 - 30.000 thành viên mới. Năm học 2012-2013 là năm thứ 5 VIOlympic được tổ chức, ứng dụng VIOlympic - Em giỏi toán trên SmartTV ra mắt khẳng định về sự đổi mới hình thức tham gia Violympic.vn trong năm học này.

Vicongdong.vn, dự án kết nối tri thức cộng đồng để giải quyết các bài toán xã hội, hiện đã trở thành mạng cộng đồng thiện nguyện lớn nhất Việt Nam. Đây là môi trường kết nối các nhà hoạt động xã hội khắp đất nước, nhằm phát huy những ý tưởng sáng tạo, kinh nghiệm và tinh thần tình nguyện để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, hay cùng thực hiện các chương trình thiện nguyện quy mô lớn. Đến nay, Vicongdong đã thu hút hơn 600 tổ chức thiện nguyện với hơn 60.000 tình nguyện viên trên cả nước.

Năm 2013 là năm thứ 5 FPT tổ chức thành công Giải thưởng Tình nguyện Chim én (Giải thưởng tôn vinh những nhóm và cá nhân hoạt động từ thiện, tình nguyện tiêu biểu tại Việt Nam, được phát động trên website vicongdong.vn) với 519 hồ sơ đăng ký tham gia, tăng gấp 3 lần so với năm 2012. Giải thưởng đã kết nối được nhiều tấm lòng thuộc mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp trong cộng đồng. Trong vòng 5 năm, đã có hơn 5.000 chương trình từ thiện trên toàn quốc được triển khai bởi các thành viên tham dự giải thưởng Chim én.



Ươm mầm nhân ái

FPT là doanh nghiệp tư nhân đầu tiên ở Việt Nam có Ngày Vì cộng đồng (13/3 hàng năm) để nâng cao nhận thức, khuyến khích CBNV thực hiện trách nhiệm đối với xã hội thông qua việc đóng góp những hành động thiết thực cho cộng đồng.

Năm 2013, Ngày Vì cộng đồng đã được tổ chức với thông điệp "Chung tay góp sách, chấp cánh ước mơ". Tính đến hết năm 2013, chương trình đã mang cơ hội tiếp cận tri thức tới 7.000 học sinh nghèo thông qua việc trao tặng 25 tủ sách với hơn 23.000 cuốn sách, trị giá gần 700 triệu đồng.

Cũng trong năm 2013, năm thứ 4 liên tiếp, FPT kết hợp cùng với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Hội Bảo trợ trẻ em nhiễm dioxin Việt Nam tại Pháp (VNED) thực hiện chương trình hỗ trợ học sinh khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam được tiếp tục đến trường hoặc học nghề để hoà nhập cộng đồng. Theo đó, FPT đã trao 240 triệu đồng tương đương 200 suất học bổng, trị giá 1,2 triệu đồng/suất, cho trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam.

Bên cạnh các hoạt động thiện nguyện được tổ chức thường niên, FPT còn triển khai nhiều chương trình hướng tới cộng đồng, cá nhân gặp những rủi ro bất ngờ trong cuộc sống. Tháng 11/2013, FPT đã triển khai chương trình "FPT nghìn tấm lòng - hướng về miền Trung ruột thịt". Đại diện FPT đã thăm hỏi, động viên và trao quà gồm tiền mặt, thực phẩm thiết yếu, áo ấm với tổng trị giá gần 1,7 tỷ đồng tới những người dân, học sinh nghèo tại các tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 11.

Kết thúc năm 2013, Tập đoàn FPT chi hơn 23 tỷ đồng cho hoạt động xã hội, mang tri thức, lan tỏa lòng nhân ái tới gần 3 triệu công dân Việt Nam.



CẮT GIẢM



HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Với định hướng doanh nghiệp xanh, FPT đã hướng sự quan tâm của mình đến các vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên bằng các giải pháp cụ thể:

- ▶ Áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao ý thức của toàn thể CBNV, kết hợp cùng những tổ chức quốc tế hành động vì môi trường;
- ▶ Triển khai giải pháp tiết kiệm năng lượng của Panasonic tại Đại học FPT giúp giảm được 341.200 kWh trị giá 500 triệu đồng và cắt giảm 192,2 tấn CO₂ hàng năm;
- ▶ Triển khai dự án Green IT giảm phát khí thải nhà kính và cắt giảm 255.000 kWh điện năng với trị giá 300 triệu đồng hàng năm cho Data Center;
- ▶ Nhà máy sản xuất máy tính công suất 240.000 máy/năm đạt chứng nhận Quản lý môi trường ISO 14.000 từ 2004 sau 2 năm thành lập;
- ▶ Thành lập CLB xe đạp, khuyến khích CBNV đạp xe đi làm;
- ▶ Hướng ứng chiến dịch giờ trái đất;
- ▶ Là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên kết hợp cùng Hiệp hội Bảo tồn động vật hoang dã, chương trình tại Việt Nam (WCS) ký cam kết thực hiện Chương trình "Nói không với tiêu thụ động vật hoang dã" (Go for zero);
- ▶ Tham gia chương trình "Nói không với sừng tê giác" do Quỹ Quốc tế bảo vệ thiên nhiên tại Việt Nam (WWF) triển khai;
- ▶ Văn phòng xanh.



5 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TÒA NHÀ
FPT ĐÀ NẴNG
(KCN Đà Nẵng)

28.750 m²
1.600 chỗ làm việc

Giai đoạn 1: Khánh thành năm 2010
Số nhân viên đang làm việc: 1.200 người



F-VILLE

KCNC Hòa Lạc, Hà Nội

64.000 m²
10.000 chỗ làm việc

Giai đoạn 1: Khánh thành năm 2013
Số nhân viên đang làm việc: 1.700 người

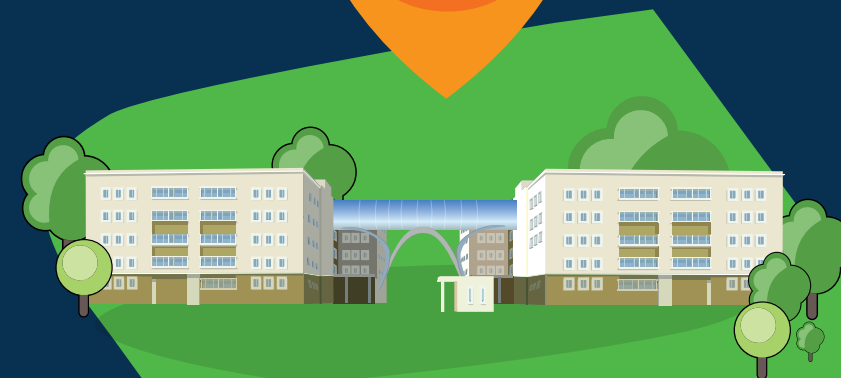


F-TOWN

KCNC Quận 9
TP HCM

25.676 m²
3.200 chỗ làm việc

Giai đoạn 1 (F-Town 1): Khánh thành năm 2011
Số nhân viên đang làm việc: 1.200 người
Giai đoạn 2 (F-Town 2): đã khởi công năm 2013



03 khu Campus tại ba miền Bắc, Trung, Nam được xây dựng dựa trên mô hình Campus của các hãng công nghệ lớn trên toàn cầu như Infosys (Ấn Độ), Neusoft (Trung Quốc), TCS (Ấn Độ), Wipro (Ấn Độ).



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Trương Đình Anh	Ủy viên
Ông Lê Song Lai	Ủy viên
Bà Lê Nữ Thùy Dương	Ủy viên
Ông Jean Charles Belliol	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Quang Ngọc	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2013)
Ông Trương Gia Bình	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2013)
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FPT và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 4 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1576-2013-001-1

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		12.908.243.472.406	10.229.470.211.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.750.971.144.015	2.318.915.022.090
1. Tiền	111		1.426.911.070.762	1.448.573.791.559
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.324.060.073.253	870.341.230.531
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	1.443.449.364.921	662.020.767.658
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.452.854.862.041	677.627.389.412
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.405.497.120)	(15.606.621.754)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.411.534.370.955	3.775.642.141.085
1. Phải thu khách hàng	131		3.658.267.197.017	3.208.601.584.061
2. Trả trước cho người bán	132		253.623.307.137	209.644.308.313
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	8	419.888.616.854	272.484.692.839
4. Các khoản phải thu khác	135	9	320.026.947.899	265.938.583.078
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(240.271.697.952)	(181.027.027.206)
IV. Hàng tồn kho	140	11	3.328.880.961.810	2.699.508.806.652
1. Hàng tồn kho	141		3.353.805.593.239	2.710.301.221.144
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.924.631.429)	(10.792.414.492)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		973.407.630.705	773.383.473.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		178.529.969.119	114.201.682.230
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		757.073.611.102	621.883.774.582
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10.025.030.013	14.373.755.379
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		27.779.020.471	22.924.261.526
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)	200		4.662.313.781.106	3.979.712.411.237
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.212.664.525	1.434.084.775
1. Phải thu dài hạn khác	218		1.212.664.525	1.434.084.775
II. Tài sản cố định	220		3.075.863.270.475	2.617.661.929.811
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.263.586.993.603	1.806.909.797.593
- Nguyên giá	222		4.132.422.050.335	3.396.114.230.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.868.835.056.732)	(1.589.204.432.596)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		545.870.029	645.973.398
- Nguyên giá	225		794.460.808	1.172.124.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(248.590.779)	(526.150.895)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	272.627.710.038	269.109.800.119
- Nguyên giá	228		480.191.028.731	432.866.818.574
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(207.563.318.693)	(163.757.018.455)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	539.102.696.805	540.996.358.701
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		706.727.341.936	696.285.615.938
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	225.525.036.285	210.440.925.092
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	663.468.944.666	663.357.798.632
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(182.266.639.015)	(177.513.107.786)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		647.002.229.017	447.964.419.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	489.423.569.136	330.699.555.321
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	103.536.509.729	74.743.219.962
3. Tài sản dài hạn khác	268		54.042.150.152	42.521.644.647
V. Lợi thế thương mại	269		231.508.275.153	216.366.360.783
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		17.570.557.253.512	14.209.182.622.439

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.316.700.305.301	7.114.920.592.482
I. Nợ ngắn hạn	310		9.068.740.122.198	6.819.506.261.500
1. Vay ngắn hạn	311	20	4.166.634.532.080	2.859.683.974.981
2. Phải trả người bán	312		2.200.022.923.453	1.809.370.535.796
3. Người mua trả tiền trước	313		374.759.654.082	345.908.138.944
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	196.311.775.347	297.344.146.695
5. Phải trả người lao động	315		506.482.831.093	310.779.284.729
6. Chi phí phải trả	316		447.646.454.864	234.919.624.218
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		28.377.082.233	6.475.957.808
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	172.163.501.647	299.917.617.141
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	23	52.496.233.059	24.077.425.262
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		211.131.680.402	234.719.440.517
11. Doanh thu chưa thực hiện	338		712.713.453.938	396.310.115.409
II. Nợ dài hạn	330		247.960.183.103	295.414.330.982
1. Phải trả dài hạn khác	333		191.130.136.496	271.774.167.660
2. Vay và nợ dài hạn	334	24	55.406.052.179	21.804.643.161
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.138.933.402	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337	23	12.905.000	59.711.127
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		272.156.026	1.775.809.034
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		7.208.664.664.472	6.181.762.066.438
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	7.205.914.664.472	6.179.012.066.438
1. Vốn điều lệ	411		2.752.017.550.000	2.738.488.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.465.703.201	49.465.703.201
3. Cổ phiếu quỹ	414		(823.760.000)	(794.340.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		4.302.490.092	27.959.758.134
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		78.666.938.875	67.103.009.261
6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		114.943.857.509	115.477.144.855
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.207.341.884.795	3.181.312.460.987
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.750.000.000	2.750.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.045.192.283.739	912.499.963.519
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		17.570.557.253.512	14.209.182.622.439

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	VNĐ	192.504.242.365	290.313.116.536
2. Ngoại tệ các loại:			
- Đô la Mỹ	USD	8.767.216	8.563.817
- Đồng Euro	EUR	633.945	315.931
- Yên Nhật	JPY	306.967.947	396.237.119
- Đô la Singapore	SGD	662.727	28.568

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		27.114.701.620.108	24.624.085.073.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		86.812.893.801	29.781.279.167
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	27.027.888.726.307	24.594.303.794.410
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	21.488.735.997.741	19.902.158.833.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.539.152.728.566	4.692.144.961.129
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	385.721.360.302	636.518.017.402
7. Chi phí tài chính	22	30	270.555.567.201	549.888.372.973
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		132.491.172.822	228.658.640.864
8. Chi phí bán hàng	24		1.356.607.364.353	857.892.994.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.846.473.690.787	1.602.676.357.135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.451.237.466.527	2.318.205.253.477
11. Thu nhập khác	31	31	204.959.308.306	167.744.037.808
12. Chi phí khác	32	32	119.640.696.452	112.050.540.397
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		85.318.611.854	55.693.497.411
14. Lợi nhuận từ công ty liên kết	45		21.520.886.281	32.661.858.396
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				
- Trước khi trích lập Quỹ đầu tư và phát triển (48=30+40+45)	48		2.558.076.964.662	2.406.560.609.284
- Trích lập Quỹ đầu tư và phát triển	49	33	42.446.972.450	-
- Sau khi trích lập Quỹ đầu tư và phát triển (50=48-49)	50		2.515.629.992.212	2.406.560.609.284
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	477.971.353.268	424.440.322.537
17. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	34	(27.654.356.365)	(3.366.546.576)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.065.312.995.309	1.985.486.833.323
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		457.604.776.329	445.159.932.992
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.607.708.218.980	1.540.326.900.331
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.858	5.665

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.515.629.992.212	2.406.560.609.284
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	442.985.954.392	399.559.790.020
- Các khoản dự phòng	03	71.929.294.278	242.249.402.527
- (Lợi nhuận) từ đầu tư vào công ty liên kết		(15.084.111.193)	(23.922.459.582)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	04	(23.657.268.042)	8.565.760.608
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(402.795.583.777)	(606.148.184.382)
- Chi phí lãi vay	06	132.491.172.822	228.658.640.864
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.721.499.450.692	2.655.523.559.339
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(686.587.885.329)	105.223.933.857
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(643.504.372.095)	584.381.729.752
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	617.658.722.473	(114.770.681.926)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(64.328.286.889)	(137.719.628.234)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(139.995.347.058)	(248.983.168.244)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(440.791.857.488)	(417.395.313.328)
- Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	36.180.670.497	(15.921.782.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.400.131.094.803	2.410.338.649.000
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(919.555.304.469)	(716.454.374.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.533.736.154	8.122.583.128
3. Tiền (chi)/thu cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác	23, 24	(775.227.472.629)	183.970.079.398
4. Tiền (chi)/thu đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25, 26	-	9.176.422.914
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	156.458.913.777	261.792.472.258
6. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		(45.920.974.281)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.575.711.101.448)	(253.392.816.393)

Nguyễn Tiến Hảo
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	13.529.220.000	37.628.990.000
2. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		3.898.290.000	2.375.180.000
3. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu đã phát hành và thu từ cổ phiếu tái phát hành	32	(29.420.000)	1.179.060.000
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.216.536.260.965	10.415.676.735.351
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.875.984.294.847)	(12.208.917.387.615)
6. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(750.313.927.548)	(988.356.211.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	607.636.128.570	(2.740.413.633.799)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	432.056.121.925	(583.467.801.192)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.318.915.022.090	2.902.382.823.282
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.750.971.144.015	2.318.915.022.090

Nguyễn Tiến Hảo
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty") ban đầu là công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần FPT có 10 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT;
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT;
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT; và
- Công ty TNHH F-Agrex Toàn Cầu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất ngày 15 tháng 8 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 2.752.017.550.000 VNĐ.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 17.419 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 14.912 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu: (i) Dịch vụ phát triển phần mềm gồm gia công xuất khẩu phần mềm, cung cấp giải pháp, dịch vụ phần mềm và hệ thống quản trị nguồn lực ERP; (ii) Tích hợp hệ thống; (iii) Dịch vụ tin học gồm dịch vụ quản trị hệ thống, dịch vụ BPO, dịch vụ Data center v.v.; (iv) Dịch vụ viễn thông bao gồm các dịch vụ internet và các dịch vụ giá trị gia tăng; (v) Dịch vụ nội dung số gồm các dịch vụ quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến v.v.; (vi) Dịch vụ đào tạo ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học; (vii) Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ thông tin và viễn thông.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Việc áp dụng Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Việc áp dụng Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	3 - 25

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền

Giá mua giấy phép được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm. Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG") được khấu hao trong 15 năm.

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (tiếp theo)

(iii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iv) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa bằng 10% lợi nhuận thuần sau thuế của các đơn vị thành viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp học phí và phí

Toàn bộ học phí và phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tập đoàn thực hiện hoạt động tại nước ngoài được ghi nhận như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tập đoàn tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm tài chính trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tập đoàn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hai lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty"), cụ thể như sau:

Công nghệ thông tin và viễn thông

- **Viễn thông:** bao gồm các dịch vụ internet cá nhân và hộ gia đình, dịch vụ internet cho doanh nghiệp như cho thuê kênh riêng (internet leased line), viễn thông trong nước, viễn thông quốc tế, tên miền, hosting, cổng dữ liệu Web, IPTV...;
- **Nội dung số:** bao gồm các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân như hệ thống báo điện tử (VnExpress.net, Ngoisao.net, iOne.net, PCWorld.com.vn, Gamethu.vn v.v...); quảng cáo trực tuyến; hệ thống mạng quảng cáo (AdNetwork), trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến, thanh toán trực tuyến, v.v...;
- **Phát triển phần mềm:** bao gồm hoạt động sản xuất phần mềm; các dịch vụ phát triển phần mềm; dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm; thử nghiệm đảm bảo chất lượng, cung cấp dịch vụ triển khai và quản lý Hệ thống Quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp (ERP);
- **Tích hợp hệ thống:** cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, cung cấp dịch vụ và giải pháp tích hợp hệ thống thông tin cho khách hàng trong các cơ quan, doanh nghiệp và tổ chức thuộc lĩnh vực ngân hàng, tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ, v.v...;
- **Dịch vụ tin học:** cung cấp dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp kinh doanh (BPO), dịch vụ xử lý điện tử kết nối Người dân - Doanh nghiệp - Chính phủ, điện toán đám mây (cloud computing), chứng thực chữ ký số, bảo mật, bảo dưỡng, bảo trì cho các thiết bị CNTT, viễn thông và thiết bị mạng;
- **Giáo dục:** bao gồm dịch vụ đào tạo các chuyên ngành CNTT, Quản trị Kinh doanh ở các cấp cao đẳng, đại học và sau đại học;
- **Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ:** bao gồm sản xuất và phân phối các sản phẩm CNTT và viễn thông bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm ứng dụng cho điện thoại di động, chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT.

Đầu tư: Bao gồm các hoạt động chính:

- Quản lý các khoản đầu tư vào các công ty liên kết thuộc lĩnh vực tài chính;
- Quản lý và triển khai các dự án Bất động sản phục vụ nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Năm 2013

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Tin học và viễn thông				Dịch vụ tin học	Giáo dục	Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ	Đầu tư	Loại trừ hợp nhất	Tổng cộng
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống						
Doanh thu theo bộ phận										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.237.844	1.038.021	2.779.185	2.973.025	682.595	556.265	15.760.954	-	-	27.027.889
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	15.852	10.039	40.093	146.655	37.009	706	1.633.282	219.906	(2.103.542)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	3.253.696	1.048.060	2.819.278	3.119.680	719.604	556.971	17.394.236	219.906	(2.103.542)	27.027.889
Chi phí theo bộ phận										
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(2.442.979)	(905.670)	(2.285.942)	(2.814.491)	(645.867)	(433.885)	(16.979.758)	(331.778)	2.148.553	(24.691.817)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	810.717	142.390	533.336	305.189	73.737	123.086	414.478	(111.872)	45.011	2.336.072
Khấu hao và chi phí phân bổ	(335.919)	(77.768)	(112.402)	(79.435)	(17.807)	(54.874)	(35.415)	(22.953)	46.526	(690.047)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	809.673	106.953	307.696	91.102	20.289	84.969	134.056	4.866	(54.193)	1.505.411
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	830.107	139.812	548.009	264.365	104.232	132.959	404.247	1.096.935	(1.005.036)	2.515.630
Tài sản bộ phận	3.128.328	428.342	2.018.988	2.422.453	539.485	674.287	6.459.105	2.415.396	(515.827)	17.570.557
Nợ phải trả bộ phận	1.534.579	123.517	797.475	1.530.081	340.752	211.305	5.360.917	805.363	(1.387.289)	9.316.700

Năm 2012

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Tin học và viễn thông				Dịch vụ tin học	Giáo dục	Sản xuất, phân phối và bán lẻ sản phẩm công nghệ	Đầu tư	Loại trừ hợp nhất	Tổng cộng
	Viễn thông	Nội dung số	Phát triển phần mềm	Tích hợp hệ thống						
Doanh thu theo bộ phận										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.738.920	1.805.122	2.262.213	2.829.509	642.114	484.654	13.831.752	20	-	24.594.304
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	11.532	7.209	77.621	89.835	37.903	23.245	505.178	213.267	(965.790)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	2.750.452	1.812.331	2.339.834	2.919.344	680.017	507.899	14.336.930	213.287	(965.790)	24.594.304
Chi phí theo bộ phận										
Chi phí phân bổ trực tiếp cho bộ phận	(2.097.721)	(1.621.904)	(1.864.102)	(2.582.218)	(597.155)	(369.302)	(13.894.841)	(315.294)	979.810	(22.362.728)
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	652.731	190.427	475.732	337.126	82.862	138.597	442.089	(102.007)	14.020	2.231.576
Khấu hao và chi phí phân bổ	(284.670)	(55.038)	(105.913)	(53.343)	(11.427)	(33.045)	(19.601)	(34.873)	13.541	(584.369)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	692.931	82.594	161.708	114.476	22.505	106.930	46.186	31.411	(45.950)	1.212.794
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	691.392	203.066	495.749	321.764	98.116	146.185	397.461	1.719.323	(1.666.495)	2.406.560
Tài sản bộ phận	2.313.800	407.886	1.877.379	1.872.631	601.526	484.036	4.647.717	2.408.666	(404.458)	14.209.183
Nợ phải trả bộ phận	1.028.710	108.939	792.041	1.277.633	276.763	166.419	3.624.741	615.642	(775.969)	7.114.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	21.740.820.986	18.326.650.282
Tiền gửi ngân hàng	1.404.818.351.158	1.428.936.141.277
Tiền đang chuyển	351.898.618	1.311.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.324.060.073.253	870.341.230.531
	2.750.971.144.015	2.318.915.022.090

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	1.211.839.734.955	386.531.398.316
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	22.413.099.520	22.413.099.520
Các khoản ủy thác đầu tư	218.602.027.566	268.682.891.576
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(9.405.497.120)	(15.606.621.754)
	1.443.449.364.921	662.020.767.658

8. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Doanh thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng lũy kế đã ghi nhận	2.093.213.496.004	1.302.986.970.885
Trừ: Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(1.673.324.879.150)	(1.030.502.278.046)
	419.888.616.854	272.484.692.839

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải thu theo tiến độ của hợp đồng dịch vụ bảo trì	133.976.742.779	120.285.553.202
Các khoản phải thu khác	186.050.205.120	145.653.029.876
	320.026.947.899	265.938.583.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Số dư đầu năm	181.027.027.206	104.561.298.964
Tăng dự phòng trong năm	74.956.477.875	96.538.424.528
Sử dụng dự phòng trong năm	(327.860.400)	(938.509.500)
Hoàn nhập	(15.383.946.729)	(19.134.186.786)
Số dư cuối năm	240.271.697.952	181.027.027.206

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	280.500.312.127	642.365.391.071
Công cụ, dụng cụ	33.051.214.767	8.686.678.483
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	457.288.544.509	272.266.902.151
Hàng hóa	2.582.965.521.836	1.786.982.249.439
Cộng	3.353.805.593.239	2.710.301.221.144
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.924.631.429)	(10.792.414.492)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	3.328.880.961.810	2.699.508.806.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản khác		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Tại ngày 01/01/2013	647.997.637.982	1.794.493.460.832	62.402.347.974	873.907.261.334	17.313.522.067	3.396.114.230.189					
Tăng do mua sắm	8.455.627.832	643.962.537.490	13.915.402.401	86.735.445.491	4.165.973.029	757.234.986.243					
Tăng do XDCB hoàn thành	156.126.314.742	-	-	-	-	156.126.314.742					
Phân loại lại	(877.255.408)	41.924.740.382	(1.098.975.639)	(39.948.509.335)	-	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.004.452.031)	(1.825.948.726)	(32.103.976.842)	(5.762.108.166)	(42.696.485.765)					
Tăng/(Giảm) khác (i)	175.007.195	(5.882.816.089)	(242.976.896)	(127.602.928.076)	(803.281.208)	(134.356.995.074)					
Tại ngày 31/12/2013	811.877.332.343	2.471.493.470.584	73.149.849.114	760.987.292.572	14.914.105.722	4.132.422.050.335					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Tại ngày 01/01/2013	78.144.404.840	868.257.414.815	31.306.928.398	604.077.950.589	7.417.733.954	1.589.204.432.596					
Khấu hao trong năm	32.983.600.065	263.262.836.106	5.136.400.630	89.973.483.696	5.715.451.766	397.071.772.263					
Phân loại lại	(475.091.061)	31.120.199.676	(785.871.568)	(29.859.237.047)	-	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.521.737.808)	(1.618.726.601)	(18.123.264.228)	(4.048.601.997)	(25.312.330.634)					
Tăng/(Giảm) khác (i)	(71.997.359)	(2.539.255.983)	(173.411.131)	(88.919.786.510)	(424.366.510)	(92.128.817.493)					
Tại ngày 31/12/2013	110.580.916.485	1.158.579.456.806	33.865.319.728	557.149.146.500	8.660.217.213	1.868.835.056.732					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 31/12/2013	701.296.415.858	1.312.914.013.778	39.284.529.386	203.838.146.072	6.253.888.509	2.263.586.993.603					
Tại ngày 31/12/2012	569.853.233.142	926.236.046.017	31.095.419.576	269.829.310.745	9.895.788.113	1.806.909.797.593					

(i) Giảm khác trong năm 2013 chủ yếu là do Tập đoàn kết chuyển các tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoảng 719.812 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoảng 756.908 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Giấy phép, quyền phát hành và bản quyền	Cộng
	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	45.945.374.650	162.890.104.574	224.031.339.350	432.866.818.574
Mua trong năm	10.393.120.000	27.183.899.810	12.860.683.645	50.437.703.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.968.183.973)	(51.004.800)	(2.019.188.773)
Tăng/(Giảm) khác	-	(849.473.902)	(244.830.623)	(1.094.304.525)
Tại ngày 31/12/2013	56.338.494.650	187.256.346.509	236.596.187.572	480.191.028.731
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	1.682.449.214	93.093.133.134	68.981.436.107	163.757.018.455
Khấu hao trong năm	721.701.999	27.503.941.998	17.966.098.248	46.191.742.245
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.490.730.525)	(51.004.800)	(1.541.735.325)
Tăng/(Giảm) khác	-	(720.691.313)	(123.015.369)	(843.706.682)
Tại ngày 31/12/2013	2.404.151.213	118.385.653.294	86.773.514.186	207.563.318.693
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	53.934.343.437	68.870.693.215	149.822.673.386	272.627.710.038
Tại ngày 31/12/2012	44.262.925.436	69.796.971.440	155.049.903.243	269.109.800.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	540.996.358.701	423.085.256.440
Tăng trong năm	277.393.271.851	285.779.963.069
Kết chuyển sang tài sản cố định	(156.126.314.742)	(131.188.865.221)
Giảm khác	(123.160.619.005)	(36.679.995.587)
Số dư cuối năm	539.102.696.805	540.996.358.701

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (i)	Tầng 22, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, E6 Phạm Hùng, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ EPR, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty TNHH Thương mại FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (ii)	Tầng 2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	42,51%	42,51%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	Số 408 đường Điện Biên Phủ, Phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	50,05%	84,04%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Số 261 - 263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	94,51%	94,51%	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (iii)	Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo
Công ty TNHH F-Agrex Toàn Cầu	Tầng 10, tòa nhà Detech, số 8 Tôn Thất Thuyết, xã Mỹ Đình, quận Từ Liêm, Hà Nội	51%	51%	Dịch vụ tư vấn lắp đặt phần cứng máy tính; chuẩn bị, xử lý dữ liệu và sản xuất phần mềm

(i) Theo Nghị quyết số 23-2013/QĐ-FPT-HĐQT, tại ngày 29 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã thông qua việc chuyển quyền sở hữu Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT từ Công ty Cổ phần FPT về Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần FPT sở hữu 42,51% phần vốn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 42,51%) và nắm giữ 42,51% quyền biểu quyết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 42,51%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó các báo cáo tài chính của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(iii) Ngày 08 tháng 8 năm 2011, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	210.440.925.092	212.185.131.510
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	15.084.111.193	23.922.459.582
Cổ tức nhận được	-	(25.666.666.000)
Số dư cuối năm	225.525.036.285	210.440.925.092

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	20%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	Tầng 8, Tòa nhà TTC Lô B1A phường Dịch Vọng Hậu, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	25%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Ủy thác đầu tư	85.800.000.000	85.800.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ Đầu tư Việt Nhật	44.870.000.000	44.870.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	487.357.569.046	487.357.569.046
Khác	15.441.375.620	15.330.229.586
	663.468.944.666	663.357.798.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	330.699.555.321	225.343.888.201
Tăng trong năm	420.313.922.987	302.517.379.610
Phân bổ vào chi phí trong năm	(247.061.159.029)	(184.809.109.864)
Giảm khác	(14.528.750.143)	(12.352.602.626)
Số dư cuối năm	489.423.569.136	330.699.555.321

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Tài sản cố định	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Doanh thu	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2013	22.344.302.540	1.003.718.482	51.395.198.940	74.743.219.962
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	(944.111.590)	284.600.987	29.452.800.370	28.793.289.767
Tại ngày 31/12/2013	21.400.190.950	1.288.319.469	80.847.999.310	103.536.509.729

20. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn các ngân hàng và các tổ chức kinh tế (i)	4.159.316.208.235	2.853.228.033.722
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.318.323.845	6.455.941.259
	4.166.634.532.080	2.859.683.974.981

(i) Khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và các tổ chức kinh tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức tín chấp. Các khoản tín dụng này có thể rút bằng VNĐ hoặc USD. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	39.330.495.369	162.502.792.306
Thuế xuất, nhập khẩu	315.837.525	1.800.036.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143.943.458.474	118.435.015.346
Thuế thu nhập cá nhân	8.528.059.795	12.001.563.990
Thuế nhà thầu	3.505.039.295	2.189.828.272
Thuế khác	688.884.889	414.909.896
	196.311.775.347	297.344.146.695

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Kinh phí công đoàn	20.965.302.823	20.582.097.020
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.394.457.507	5.749.311.010
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	791.484.220	191.629.327.953
Phải trả tiền cổ tức	63.880.865.239	9.535.516.831
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhận trước từ nhà cung cấp	25.457.355.931	51.299.424.341
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.674.035.927	21.121.939.986
	172.163.501.647	299.917.617.141

23. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Dự phòng bảo hành sản phẩm VNĐ	Bảo lãnh cho các khoản cho sinh viên vay VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2013	24.077.425.262	59.711.127	24.137.136.389
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	78.575.560.610	-	78.575.560.610
Hoàn nhập dự phòng	(2.627.439.156)	-	(2.627.439.156)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(47.529.313.657)	(46.806.127)	(47.576.119.784)
Tại ngày 31/12/2013	52.496.233.059	12.905.000	52.509.138.059

Dự phòng bảo hành sản phẩm

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính trên cơ sở các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập trên cơ sở xếp hạng tín dụng số dư các khoản cho vay do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Công ty, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vay ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (i)	31.654.028.076	21.490.812.442
Vay ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (ii)	23.275.297.503	-
Khác	476.726.600	313.830.719
	55.406.052.179	21.804.643.161

(i) Phản ánh khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng thương mại số HN/2012/001/TTTD ngày 05 tháng 12 năm 2012 với tổng hạn mức là 100 tỷ VNĐ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(ii) Phản ánh khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng thương mại ký ngày 15 tháng 8 năm 2013 với tổng hạn mức là 50 tỷ VNĐ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.160.826.760.000	49.546.879.484	(513.440.000)	19.393.997.526	103.009.261	115.476.089.217	3.173.421.484.165	5.518.254.779.653								
Phát hành cổ phiếu	37.628.990.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	37.628.990.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	540.032.580.000	-	-	-	-	-	(540.032.580.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.540.326.900.331	-	-	1.540.326.900.331
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	(280.900.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(280.900.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	67.000.000.000	1.055.638	(67.001.055.638)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(161.943.559.274)	-	-	(161.943.559.274)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(763.580.584.000)	-	-	(763.580.584.000)
Biến động khác	-	(81.176.283)	-	8.565.760.608	-	-	-	-	-	-	-	-	121.855.403	-	-	8.606.439.728
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.738.488.330.000	49.465.703.201	(794.340.000)	27.959.758.134	67.103.009.261	115.477.144.855	3.181.312.460.987	6.179.012.066.438								
Phát hành cổ phiếu	13.529.220.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.529.220.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.607.708.218.980	-	-	1.607.708.218.980
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	(29.420.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(29.420.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(167.728.965.745)	-	-	(167.728.965.745)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(412.679.068.500)	-	-	(412.679.068.500)
Biến động khác	-	-	-	(23.657.268.042)	11.563.929.614	(533.287.346)	(1.270.760.927)	-	-	-	-	-	(13.897.386.701)	-	-	(13.897.386.701)
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.752.017.550.000	49.465.703.201	(823.760.000)	4.302.490.092	78.666.938.875	114.943.857.509	4.207.341.884.795	7.205.914.664.472								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Ngày 06 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền mặt tổng cộng cho cả năm 2012 là 20% trên mệnh giá (2.000 VNĐ/cổ phiếu) và thông qua chính sách tạm ứng cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt tối đa là 20% trên mệnh giá (2.000 VNĐ/cổ phiếu). Toàn bộ cổ tức năm 2012 đã được Công ty chi trả trong năm 2012, cổ tức của năm 2013 đã được tạm ứng trong năm 2013 là 15% trên mệnh giá (1.500 VNĐ/cổ phiếu). Mức chia cổ tức bằng tiền mặt của cả năm 2013 sẽ do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 quyết định.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2013	31/12/2012
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	275.201.755	273.848.833
Cổ phiếu đã phát hành	275.201.755	273.848.833
Cổ phiếu phổ thông	273.696.515	272.389.802
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.505.240	1.459.031
Cổ phiếu quỹ	(82.376)	(79.434)
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(82.376)	(79.434)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	275.119.379	273.769.399
Cổ phiếu phổ thông	273.696.515	272.389.802
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.422.864	1.379.597

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.114.701.620.108	24.624.085.073.577
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	19.290.289.049.815	17.833.636.759.908
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.824.412.570.293	6.790.448.313.669
Các khoản giảm trừ doanh thu	86.812.893.801	29.781.279.167
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.027.888.726.307	24.594.303.794.410

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	27.027.888.726.307	24.594.303.794.410
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn	1.618.997.029.910	755.726.635.851
Tổng doanh thu kinh doanh	28.646.885.756.217	25.350.030.430.261

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	17.219.301.191.740	16.274.136.004.026
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.255.302.589.064	3.636.253.008.269
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.132.216.937	(8.230.179.014)
	21.488.735.997.741	19.902.158.833.281

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí giá vốn hàng mua	15.171.760.279.143	14.734.541.699.905
Chi phí nguyên vật liệu	2.475.358.508.582	1.709.617.686.882
Chi phí nhân công	2.739.882.521.594	1.979.275.525.287
Chi phí khấu hao và phân bổ	690.047.113.421	606.566.694.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.360.511.581.161	2.541.711.177.376
Chi phí khác	439.278.691.338	468.957.215.393
	24.876.838.695.239	22.040.669.999.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi và tiền cho vay	139.250.524.797	315.093.951.997
Lãi chênh lệch tỷ giá	102.726.429.787	110.898.421.405
Doanh thu tài chính khác	143.744.405.718	210.525.644.000
	385.721.360.302	636.518.017.402

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	132.491.172.822	228.658.640.864
Lỗ chênh lệch tỷ giá	127.606.279.374	76.795.683.189
Chi phí hoạt động tài chính khác	10.458.115.005	244.434.048.920
	270.555.567.201	549.888.372.973

31. THU NHẬP KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	28.217.751.822	9.599.884.412
Nợ khó đòi đã thu hồi	-	3.796.904.610
Tiền thưởng, hoa hồng và tiền bồi thường nhận được	23.285.049.547	16.554.983.868
Các thu nhập khác	153.456.506.937	137.792.264.918
	204.959.308.306	167.744.037.808

32. CHI PHÍ KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	17.861.608.579	6.955.252.227
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	4.993.715.482	21.806.365.755
Chi phí khác	96.785.372.391	83.288.922.415
	119.640.696.452	112.050.540.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. TRÍCH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập với tỷ lệ 25% từ lợi nhuận trước thuế tại Đại học FPT, thuộc Công ty TNHH Giáo dục FPT - một công ty con của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Điều 66 Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện tại	471.534.578.181	415.700.923.721
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận từ các công ty liên kết	6.436.775.087	8.739.398.816
Thuế thu nhập doanh nghiệp	477.971.353.268	424.440.322.537
Thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	(27.654.356.365)	(3.366.546.576)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	450.316.996.903	421.073.775.961

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	2.515.629.992.212	2.406.560.609.284
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	518.567.468.639	512.514.727.393
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(20.509.776.244)	(34.334.267.568)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài	11.026.634.043	6.470.202.245
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	6.945.268.628	12.768.059.736
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(32.647.421.275)	(77.440.956.015)
Các ảnh hưởng khác	(33.065.176.888)	1.096.010.170
	450.316.996.903	421.073.775.961

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm, 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp và 25% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ còn lại đã cung cấp.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT tuân theo các quy định thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, được thực hiện như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.607.708.218.980	1.540.326.900.331
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	274.443.726	271.904.099
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.858	5.665

Ngày 09 tháng 10 năm 2009, Công ty đã phát hành 1.800 tỷ VNĐ trái phiếu kèm 2.084.400 Chứng quyền. Theo đó, mỗi Chứng quyền cho phép người sở hữu chứng quyền được mua 10 Cổ phiếu với mức giá thỏa thuận là 920.250 VNĐ. Theo quy định, Ngày Thực hiện Chứng quyền là ngày (i) 09 tháng 10 năm 2011, (ii) 09 tháng 10 năm 2012 và (iii) 09 tháng 10 năm 2013. Toàn bộ số trái phiếu này đã đáo hạn vào ngày 09 tháng 10 năm 2012. Gốc trái phiếu và trái tức đã được Tập đoàn thanh toán toàn bộ cho các trái chủ.

Theo Thông báo của Hội đồng Quản trị, tỷ lệ thực hiện chứng quyền thay đổi từ ngày 01 tháng 6 năm 2012; theo đó, mỗi Chứng quyền sẽ cho phép người sở hữu chứng quyền được mua 16,654 Cổ phiếu phát hành cho mỗi Chứng quyền với mức giá 920.250 VNĐ.

Trong năm 2011 và năm 2012, không có người sở hữu Chứng quyền nào đăng ký thực hiện Chứng quyền. Theo Thông báo số 2186-2013/FPTS/FCF ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, không có người sở hữu Chứng quyền FPT nào đăng ký thực hiện Chứng quyền trong năm 2013. Ngày 09 tháng 10 năm 2013 là ngày Thực hiện Chứng quyền lần cuối cùng.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2013 Số lượng cổ phiếu	2012 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	273.769.399	216.031.332
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm	676.461	55.884.708
Ảnh hưởng của biến động cổ phiếu quỹ trong năm	(2.134)	(11.941)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	274.443.726	271.904.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 24 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	4.222.040.584.259	2.881.488.618.142
Trừ: Tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	3.962.810.878.970	2.705.446.420.406
Nợ thuần	259.229.705.289	176.042.197.736
Vốn chủ sở hữu	7.208.664.664.472	6.181.762.066.438
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,04	0,03

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.750.971.144.015	2.318.915.022.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.739.235.111.489	3.294.947.224.708
Đầu tư ngắn hạn	1.443.449.364.921	662.020.767.658
Đầu tư dài hạn	481.202.305.651	485.844.690.846
Tài sản tài chính khác	501.709.787.477	337.930.599.012
Tổng cộng	8.916.567.713.553	7.099.658.304.314
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.222.040.584.259	2.881.488.618.142
Phải trả người bán và phải trả khác	2.563.316.561.596	2.381.062.320.597
Chi phí phải trả	447.646.454.864	234.919.624.218
Công nợ tài chính khác	28.377.082.233	6.475.957.808
Tổng cộng	7.261.380.682.952	5.503.946.520.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tập đoàn không áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 vì chưa có hướng dẫn cụ thể. Thay vào đó, Tập đoàn đang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng" và các quy định hiện hành để đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có một số hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro do biến động tỷ giá như phân phối, bán lẻ, tích hợp hệ thống, xuất khẩu phần mềm. Dù đặc điểm của thị trường hàng công nghệ là biến động tỷ giá được phản ánh vào giá bán hàng, Tập đoàn cũng chủ động phòng ngừa, hạn chế các rủi ro phát sinh ngoài ý muốn bằng cách theo dõi sát biến động của các nhân tố chính tác động lên tỷ giá cũng như tham khảo đánh giá của các định chế tài chính lớn, áp dụng các biện pháp phù hợp về bảo hiểm tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn và các biện pháp bảo hiểm tự nhiên như neo tỷ giá bán ra, thu tiền trước và các biện pháp bảo hiểm khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định đối với đồng ngoại tệ và đồng nội tệ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Tập đoàn đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ giữa ngoại tệ và VNĐ theo lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tập đoàn cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Để giảm thiểu rủi ro, Tập đoàn luôn chú trọng đến hoạt động kiểm hàng tồn, đảm bảo quản lý chặt chẽ và hiệu quả từ khâu nhập hàng trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường, theo dõi hàng ngày nhằm có biện pháp thúc đẩy bán hàng kịp thời đối với hàng chậm luân chuyển.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có hệ thống đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ được cập nhật liên tục về năng lực tài chính của khách hàng một cách có hệ thống theo thời gian, kết hợp với đánh giá của các tổ chức tài chính trung gian làm cơ sở cấp tín dụng cho khách hàng. Ngoài ra, phần lớn các khách hàng khi được Tập đoàn cấp tín dụng đều được yêu cầu thực hiện các hình thức bảo lãnh.

Tập đoàn thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ, bao gồm: phân tích tuổi nợ, ngày thu nợ, cập nhật và đánh giá khách hàng... để có những biện pháp xử lý kịp thời. Tập đoàn cũng đồng thời mua bảo hiểm công nợ phải thu nhằm hạn chế những rủi ro không lường trước với chi phí hợp lý.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.750.971.144.015	-	2.750.971.144.015
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.738.022.446.964	1.212.664.525	3.739.235.111.489
Đầu tư ngắn hạn	1.443.449.364.921	-	1.443.449.364.921
Đầu tư dài hạn	-	481.202.305.651	481.202.305.651
Tài sản tài chính khác	447.667.637.325	54.042.150.152	501.709.787.477
Tổng cộng	8.380.110.593.225	536.457.120.328	8.916.567.713.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	4.166.634.532.080	55.406.052.179	4.222.040.584.259
Phải trả người bán và phải trả khác	2.372.186.425.100	191.130.136.496	2.563.316.561.596
Chi phí phải trả	447.646.454.864	-	447.646.454.864
Công nợ tài chính khác	28.377.082.233	-	28.377.082.233
Tổng cộng	7.014.844.494.277	246.536.188.675	7.261.380.682.952
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.365.266.098.948	289.920.931.653	1.655.187.030.601

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.318.915.022.090	-	2.318.915.022.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.293.513.139.933	1.434.084.775	3.294.947.224.708
Đầu tư ngắn hạn	662.020.767.658	-	662.020.767.658
Đầu tư dài hạn	-	485.844.690.846	485.844.690.846
Tài sản tài chính khác	295.408.954.365	42.521.644.647	337.930.599.012
Tổng cộng	6.569.857.884.046	529.800.420.268	7.099.658.304.314

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	2.859.683.974.981	21.804.643.161	2.881.488.618.142
Phải trả người bán và phải trả khác	2.109.288.152.937	271.774.167.660	2.381.062.320.597
Chi phí phải trả	234.919.624.218	-	234.919.624.218
Công nợ tài chính khác	6.475.957.808	-	6.475.957.808
Tổng cộng	5.210.367.709.944	293.578.810.821	5.503.946.520.765
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.359.490.174.102	236.221.609.447	1.595.711.783.549

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Nhận cổ tức bằng tiền		
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	-	25.666.666.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản ủy thác đầu tư và cho vay		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	304.372.027.566	354.482.891.576
Vốn góp		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	27.500.000.000	27.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	110.000.000.000	110.000.000.000

38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Trong vòng một năm	183.220.731.247	178.581.337.888
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	436.357.290.698	376.700.131.846
Sau năm năm	298.489.186.195	225.943.601.315
	918.067.208.140	781.225.071.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

39. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Thông qua phương án góp vốn đầu tư giai đoạn 1 từ năm 2012 đến năm 2014 vào Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) với tổng số tiền là 250 tỷ VNĐ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã góp được 127,5 tỷ VNĐ.
- Dự án xây dựng giai đoạn 1 khu phức hợp văn phòng của FPT tại Đà Nẵng với thời gian xây dựng dự kiến từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng vốn đầu tư của Dự án là 454.175.000.000 VNĐ.
- Khoản cam kết đầu tư vào dự án cáp quang biển Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là Dự án APG) thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng với Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel Group (với đại diện là Viettel Telecom - đơn vị thành viên của Viettel Group) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC. Đây là dự án xây dựng mạng cáp quang biển kết nối các nước trong khu vực Châu Á (Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc và Thái Lan). Viettel Telecom là đại diện tham gia dự án này. Theo đó, Tập đoàn cam kết góp vốn với tổng số tiền dự kiến là 10 triệu USD tương đương với 25% vốn góp của Viettel Telecom tại dự án này. Số tiền góp vốn sẽ được đóng theo tiến độ thực hiện của dự án và thông báo của Viettel Telecom. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, số vốn góp thực tế của Tập đoàn trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 5.467.692,7 USD tương đương 115.159.526.748 VNĐ.

Nguyễn Tiến Hào
Người lập biểu

Hoàng Hữu Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

DANH BẠ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 9061
Website: www.fpt.com.vn

CHI NHÁNH FPT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 3-4, tòa nhà FPT Thành phố Hồ Chí Minh,
153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại: +84 8 7300 7300
Fax: +84 8 7300 7388

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG THÔNG TIN FPT (FPT INFORMATION SYSTEM)

Trụ sở chính: Tầng 20-22, Tòa nhà văn phòng Keangnam,
đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3562 6000
Fax: +84 4 3562 4850
Website: www.fis.com.vn
Vốn điều lệ: 550.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI FPT (FPT TRADING GROUP)

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Zodiac, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 6666
Fax: +84 4 7300 6668
Website: www.ftg.vn
Vốn điều lệ: 450.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT (FPT SOFTWARE)

Trụ sở chính: Tầng 6-12, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3768 9048
Fax: +84 4 3768 9049
Website: www.fpt-software.com
Vốn điều lệ: 400.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT TELECOM)

Trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 2222
Fax: +84 4 7300 8889 / 3822 3111 / 3726 2163
Website: www.fpt.net – www.fpt.vn
Vốn điều lệ: 997.015.350.000 VNĐ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 173 Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: +84 9 0344 1333

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN FPT TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ: 69 Hùng Vương, Phường Thới Bình,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: +84 0710 3752 666
Fax: +84 0710 3752 555

ĐẠI HỌC FPT

(FPT UNIVERSITY)
Trụ sở chính: Tòa nhà DETECH, số 8 Tôn Thất Thuyết, Xã Mỹ Đình, Quận Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3768 7717 / 3768 8922
Fax: +84 4 3768 7718
Website: www.fpt.edu.vn
Vốn điều lệ: 170.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT (FPT ONLINE)

Trụ sở chính: 408 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 7300 9999
Fax: +84-8-8-3929 1758
Website: www.fptonline.net
Vốn điều lệ: 140.853.360.000 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁN LẺ KỸ THUẬT SỐ FPT (FPT RETAIL)

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Zodiac, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: + 84 4 7300 6666
Fax: + 84 4 3795 9049
Website: fptshop.com.vn
Vốn điều lệ: 88.500.000.000 VNĐ

CÔNG TY ĐẦU TƯ FPT (FPT INVESTMENT)

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 7300 7300
Fax: +84 4 3768 7410
Website: www.fpt.com.vn
Vốn điều lệ: 600.000.000.000 VNĐ

CÔNG TY TNHH F-AGREX TOÀN CẦU

Trụ sở chính: Tầng 10 tòa nhà DETECH, số 8 Tôn Thất Thuyết, Xã Mỹ Đình, Quận Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3795 5633
Fax: +84 4 37955634
Vốn điều lệ: 42.400.000.000 đồng

FPT TOÀN CẦU

SINGAPORE

Địa chỉ: 116 Middle Road, # 09-03 ICB Enterprise House, Singapore 188972
Điện thoại: 0065 6338 4353
Fax: 0065 6338 1987

NHẬT BẢN

Địa chỉ: Tòa nhà Tokyo Tatemono Gotanda 8F,
Higashi Gotanda 1-6-3, Shinagawaku, Tokyo 141-0022
Điện thoại: 0081 3 5789 2536
Fax: 0081 3 5789 2537

Văn phòng tại OSAKA

Địa chỉ: Tòa nhà Chiyoda, East Tower 10F,
2-9-4 Higashi Tenma, Kitaku, Osaka 530-0044, Nhật Bản
Điện thoại: 0081 6 6356 1005
Fax: 0081 6 6655 1166

Văn phòng tại NAGOYA

Địa chỉ: 33 Sobashima Daini Noritake Building 1-9-9, Noritake, Nakamura
ku, Nagoya shi, Aichi Pref, 453-0014, Japan
Điện thoại: 0081 52453 1013
Fax: 0081 52453 1014

MỸ

Địa chỉ: 177 Bovet Road, Suite 130, San Mateo, California, CA 94402
Điện thoại: 001 650 349 5000
Fax: 001 650 349 5005

Văn phòng tại NEW YORK

Địa chỉ: 1370 Broadway, tầng 7, New York, NY 10018
Điện thoại: 001 212 418 4793
Fax: 001 212 317 8666

Văn phòng tại TEXAS

Địa chỉ: 409 E. William Cannon Dr #213, Austin, TX 78745
Điện thoại: 001 512 551 2755
Fax: 001 512 551 2756

PHÁP

Địa chỉ: Tour Pacific, 11-13 Cours de Valmy, Defense 7,
92977 Paris La Defense, France
Điện thoại: 0033 1 7329 4749
Fax: 0033 1 7329 4500

AUSTRALIA

Địa chỉ: Tầng 39, số 2 Đường Park, NSW 2000, Sydney, Australia
Điện thoại: 0061 2 90047 160
Fax: 0061 2 90047 070

MALAYSIA

Địa chỉ: Suite 9.06, Tầng 9, the Gardens North Tower, Mid Valley City,
Lingkar Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia
Điện thoại: 00603 2287 8086
Fax: 00603 2287 7086

ĐỨC

Địa chỉ: Trung tâm kinh doanh, số 34 Phố Dornhorn,
số 63263 thành phố Nue-Isenburg, Đức
Điện thoại: 0049 0 6102 812 534
Fax: 0049 0 6102 299 938

CAMPUCHIA

Địa chỉ: Số 47, Đường 306, Phường Sangkat Boeung Keng Kang 1,
Quận Chamka Norn, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
Điện thoại: 00855 236 877 779
Fax: 00855 236 877 778

LÀO

Địa chỉ: Số 61 Unit 03, Phố Dongpalane, Quận Sisattanak,
Thủ đô Viêng Chăn, Lào
Điện thoại: 00856 309 800 386 – 00856 209 886 6868 (mobile)

MYANMAR

Địa chỉ: 60A Pyidaungzu Yeiktha st, Dagon tsp, Yangon, Myanmar
Điện thoại: 0095 1 218 223; 0095 1 1221 668
Fax: 0095 1 218 224

FPT đã có đủ các nền tảng để thực hiện thành công các mục tiêu toàn cầu hóa: Sự hiện diện ở khắp các châu lục - Hệ thống khách hàng toàn cầu - Năng lực công nghệ - Quy mô nhân sự

Sy
Old R
Cydia
Neopost
Tandberg
Kingteller
Matica
ESRI USA
Planar/Clarity
quy Bill & Melinda Gates
CBOSS
Tripwire
Sandisk
Panasonic
Millicom
Tigo
Un
FOXCONN
Pitney Bowes
SunGard
Ngân hàn
New Gen
Olivetti
Huawei
Amazon Web Services
SAMSUNG
eServe Global
ASUS
TOSHIBA
APC by Schneider
Siveco
DirectTV

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Tel : (84) 4 7300 7300

Fax: (84) 4 3768 9061

www.fpt.com.vn